



võc lục

2. Bạn đọc và Diễn Đàn

Thời sự

1. Đất đai, một dự luật đầy mâu thuẫn (Hải Vân)
3. Tin tức
7. Nghề báo (Hoà Vân)
8. Những giọt nước mắt không tên (Nguyễn Thắng)
10. Phỏng vấn Phan Đình Diệu (Stein Tonnesson)

Trần Đức Thảo

12. Một kiếp người (Trần Đạo)
13. Bác Thảo (Phan Tam Khê)

Văn hóa - Nghệ thuật

14. From Hollywood to Hanoi, phim của Tiana Thi Thanh Nga (Kiến Văn)
15. Mùi đu đủ xanh, phim Trần Anh Hùng (Kiến Văn)
16. Chữ tây trong văn ta (Đặng Tiến)
18. Từ Không Lộ đến Không Lộ (Nguyễn Trọng Nghĩa)
21. Những phúc tạp trong cõi trung mô (Hàn Thuỷ)
24. Phạm Thị Hoài trên sinh lò mới... (Thụy Khuê)
27. Điểm sách mới (Nguyễn Thắng, Kiến Văn, Nguyễn Hữu Thành)
29. Đảo Rùa (truyện ngắn, Vũ Quỳnh N.H.)

Đất đai 8

một dự luật đầy mâu thuẫn

Kỳ họp quốc hội Việt Nam trong tháng 6 tới sẽ thảo luận và thông qua một dự thảo sửa đổi luật đất đai ban hành năm 1988. Bản dự luật đã được công bố trước đó để “lấy ý kiến của dân”. Một số ý kiến được phản ánh trên mặt báo Thành phố Hồ Chí Minh cho thấy văn kiện đưa ra không đáp ứng nguyện vọng của xã hội muốn nhà nước “công khai thừa nhận quyền sở hữu cho người dân”, như đoàn đại biểu quốc hội thành phố đã ghi nhận. Nó còn làm lộ rõ hơn bao giờ hết khoảng cách giữa những văn kiện pháp lý và thực tế hiện nay là “đất đai vô chủ” – theo lời của ủy ban thường trực quốc hội –, bị sử dụng sai trái và mua bán vô tội vạ (Tuổi Trẻ 1.5 và 4.5.1993). Riêng tại 7 quận, huyện thành phố HCM, một cuộc thanh tra cuối năm 1992 đã phát hiện 3 237 vụ sử dụng và mua bán đất phi pháp (Sài Gòn giải phóng 10.5.1993).

Hiện trạng đó là kết quả của việc thực hiện nguyên tắc “đất đai thuộc sở hữu toàn dân, do nhà nước quản lý” được khẳng định trong hiến pháp và được dự thảo luật đất đai một lần nữa lập lại. Theo lời chủ tịch hội luật gia thành phố, ông Nguyễn Minh Chương, “khái niệm sở hữu toàn dân này quá trừu tượng, không xác định được ai là sở hữu chủ”. Còn nói rằng “nhà nước quản lý” thì, như nhà báo Trần Trọng Thúc nhận xét, một cơ quan hành chính, một xí nghiệp quốc doanh hay một tổ chức đoàn thể không phải là nhà nước: “vậy mà trong thực tế, các định chế này đã nhân danh nhà nước định đoạt số phận của đất đai; nói cách khác, đã tự ý mua bán, chuyển nhượng (đất đai) mà các khoản tiền lớn từ động tác này không vào túi nhà nước, cụ thể là bộ tài chính, nơi được giao quản lý tài sản nhà nước, tài sản nhân dân” (Lao Động 29.4.1993).

(xem tiếp trang 6)

Sau 20 số báo và (gần) 2 năm hoạt động,
đã đến lúc

Bạn đọc & 

nhìn lại việc đã làm,
và tính chuyện tương lai.

Kính mời bạn đọc và bầu bạn tới dự cuộc

HỌP MẶT DIỄN ĐÀN

chủ nhật 20 tháng 6-1993

từ 15 giờ đến 18 giờ

tại hội trường Martin Luther King
32 rue Olivier Noyer, Paris (14)

Métros : Pernety hay Alésia

Có lý một mình buồn lăm thay

Từ mấy tháng nay, tôi muốn viết thư này cho *Diễn Đàn*, nhưng cú do dự hoài hoài. Lần này dứt khoát viết, vì nghĩ rằng tôi nghĩ như vậy, chắc cũng có người khác nghĩ như vậy, thứ nữa, đây là chuyện chung, cần được thảo luận.

Phải nói ngay, tôi tán thành đường lối của *Diễn Đàn*. Nhưng chính vì ủng hộ *Diễn Đàn* mà tôi đậm lo, nhiều lúc xuống tinh thần. Lo vì sao ? Có thể tóm tắt vào hai điểm chính :

1) Nghe nói *Diễn Đàn* vẫn bị cấm ở Việt Nam. Ý đúng, lời hay, chân tình, nhiệt huyết, nhưng nếu không đến tay người trong nước, thì tờ báo cũng mất đi phần lớn (nếu không nói là tất cả) lý do tồn tại của mình. Có lý, nhưng có lý một mình, buồn lăm thay !

2) Ai về nước cũng thừa nhận tình hình Việt Nam tiếp tục thay đổi, khá nhanh, và về nhiều mặt, tất nhiên trừ mặt chính trị. Việt kiều ngày càng nhiều người hợp tác về kinh tế, khoa học, giáo dục, xã hội, y tế, văn hóa, nhân đạo với Việt Nam. Tôi cố ý dùng chữ Việt Nam chung chung, bao hàm nhà nước và dân chúng, cơ quan chính quyền, các hội đoàn chính thống, cũng như những tổ chức phi chính quyền, các giáo hội, tổ chức văn hóa xã hội tư nhân ngày càng nhiều... Hô hào phải thay đổi chính trị, đồng ý, nhưng chẳng lẽ chỉ hô hào suông ? chẳng lẽ coi chính trị là điều kiện tiên quyết ? Hay là có những việc khác cần làm, nên làm ?

Đức Hùng (Paris, Pháp)

[*Thư anh viết đúng ý chúng tôi, lại tôi thật đúng lúc. Giấy ngắn tinh dài, xin hẹn nhau ngày 20.6.1993 trong cuộc Họp mặt Diễn Đàn* (xem trên) để chúng ta cùng trao đổi. Cũng rất mong nhận được ý kiến bạn đọc gần xa về vấn đề này. Chúng tôi sẽ cố gắng phản ánh ý kiến thảo luận trong một số tới.]

Muguet hoa chúc phúc

tặng D.D.

*Gửi cho nhau nhánh hoa chuông,
Đời chao nghịch lý : lâu chuông vọng đồng.
So dây lẵn gút tơ lồng,
Gút khoan nhớ mẹ, gút bồng thương em.*

Huỳnh Mạnh Tiên (1.5.1993)

Ước mơ

*Tôi vẫn ước mơ ngày trở lại,
Có anh bộ đội đến cầm tay,
Vui mừng hanh hơi đời hải ngoại,
Thù hận tan rỗi như khói bay.*

*Tôi vẫn ước mơ ngày trở lại,
Có anh cán bộ ở nhà bên,
Mời sang uống nước không đê ngại,
Từ "nguỵ" lâu rồi đã mất tên.*

*Tôi vẫn ước mơ ngày trở lại,
Công an trong khóm gởi thơ mời,
Không nhầm hạch hỏi, so già phả,
Mà để so cờ mây ván chơi.*

*(...) Tôi vẫn ước mơ ngày trở lại,
Có đàn em nhỏ xúm vây quanh,
Khoe khoang đã có thày, có dạy,
Vui vẻ cười vang dưới nắng hanh.*

*Tôi vẫn ước mơ ngày trở lại,
Có nàng thiếu nữ ngắm mây bay,
Bên cầu, chàng trẻ ôm đàn khải,
Mấy khúc tình ca thật đắm say.*

*Tôi vẫn ước mơ ngày trở lại,
Có đồng ruộng lúa trái màu tươi
Và vườn cây mát sai oắn trái,
Đời vợ chồng quê nhoẻn miệng cười*

*Tôi vẫn ước mơ ngày trở lại,
Có ông cụ tóc trắng như tơ
Xăm xoi mẩy chậu hoa lan đại;
Chuyện cũ qua rồi như giấc mơ*

Kim Thanh Xuân

cây đăng

Nhắn tin

Tìm sách : Nhà xuất bản Xuân Thu (Hoa Kỳ) dự trù tái bản bộ *Quốc văn* của Thế Uyên, nhưng chưa tìm ra được hai cuốn lớp 8 và lớp 9. Bạn nào còn giữ, xin cho nhà xuất bản và tác giả mượn chụp lại. Hoặc biết thư viện nào còn tồn trữ, xin chỉ giúp.

Tìm người dịch : Thế Uyên tìm người dịch sang ngoại ngữ (Anh, Pháp, Đức, Nhật, Hoa...) truyện dài *Tiền đồn* và *Tuyển tập truyện ngắn Thế Uyên*.

Tác giả không có ngân khoản để trả thù lao cho dịch giả. Xin coi đây là một cuộc phiêu lưu : dịch và nhuận sắc xong, dịch giả và tác giả cùng đi tìm nhà xuất bản.

Thư liên lạc đầu tiên xin gửi qua toà soạn *Diễn Đàn*.

Tin tức - Tin tức

“ Sạch và xanh ” hay sạch sành sanh ?

Trung tuần tháng 5, thành phố HCM đã mở “tuần lễ sạch và xanh 1993”, một cơ hội để người dân nhận diện đầy đủ môi trường họ đang sống “kinh khủng” đến mức nào, theo lời của ông Hoàng Anh Tuấn, phó chủ tịch Ủy ban môi trường thành phố (Tuổi Trẻ 11.5). Thật ra vấn đề ô nhiễm ở thành phố HCM, chỉ bằng cảm quan cũng đủ để nhận thấy mức độ nghiêm trọng.

Thành phố có khoảng 700 xí nghiệp công nghiệp và 30 ngàn xí nghiệp tiểu thủ công nghiệp, nhưng đều không có phương tiện xử lý chất thải vào môi trường. Điều đáng ngại hơn nữa là các xí nghiệp nằm xen kẽ trong khu dân cư mà không có biện pháp phòng chống ô nhiễm. Theo điều tra của Ủy ban môi trường thành phố, 88 % các xí nghiệp cao su, nhựa, 66 % xí nghiệp hóa chất trù sâu, 60 % xí nghiệp nấu mì, cán kim loại không đáp ứng tiêu chuẩn vệ sinh.

Nhà máy bột giặt Tico chẳng hạn, “thường xuyên thả những cột khói trắng đục mang nhiều độc chất phả vào buồng phổi người dân, ăn mòn và tất cả những vật dụng bằng kim loại của bà con quanh vùng”. Một báo cáo khác của Ủy ban môi trường về nhà máy thuốc lá Vĩnh Hội cho biết “bụi thải từ nhà máy đóng lớp đen kịt trên các cửa nhà dân. Với lượng nicotin quá nồng độ cho phép này, các bé gái lớn lên có thể gánh chịu tình trạng vô sinh vĩnh viễn”. Theo ông Hoàng Anh Tuấn, nghịch lý nhất là các bệnh viện, nơi bảo vệ sức khoẻ người dân, cũng là nơi “hàng ngày thải rác và nước thải vào môi trường, gây ô nhiễm lây lan bệnh tật”.

Nghiên cứu mức độ ô nhiễm không khí ở thành phố HCM, Viện Vệ sinh và Y tế công cộng cho biết :

- nồng độ các khí độc NO, CO₂, SO₂ đều cao hơn tiêu chuẩn vệ sinh cho phép từ 1 đến 6 lần ;
- nồng độ chì trong không khí cao hơn tiêu chuẩn từ 5 tới 6 lần ;
- hàm lượng bụi cao hơn tiêu chuẩn từ 6 đến 64 lần.

Riêng về rác, mỗi ngày thành phố thải ra 2 000 tấn trong khi các phương tiện xử lý chỉ giải quyết được 1/4 khối lượng đó.

Thành phố HCM có khoảng 100 km kênh rạch, song tại tất cả các điểm khảo sát nước, hàm lượng coli (vi khuẩn Coliform) được sử dụng để đánh giá mức độ ô nhiễm của nước) đều vượt tiêu chuẩn nước sinh hoạt từ hàng ngàn đến hàng triệu lần.

Về nửa triệu nhà vệ sinh tự hoại và bán tự hoại của thành phố, người ta được biết chỉ có 50 % đạt tiêu chuẩn vệ sinh, lượng phân tự tiêu huỷ chỉ đạt 10 %, phần còn lại phân tán bừa bãi khắp nơi, hoà lẫn vào nguồn nước.

Còn về diện tích cây xanh, từ trên 4 vạn cây cách đây 20 năm, thành phố hiện nay chỉ còn 24 300 cây. Theo đánh giá của Viện Quy hoạch xây dựng, diện tích cây xanh đã giảm từ 4 m²/người xuống còn 0,7 m²/người. Đối chiếu với những đô

thị lớn trên thế giới, tiêu chuẩn cây xanh trên đầu người của thành phố chỉ bằng từ 1/10 đến 1/20.

Điều đáng nói, theo báo Tuổi Trẻ, là chưa ai bị pháp luật truy tố về tội phá hoại cây xanh hay tội gây ô nhiễm môi trường : nếu không có biện pháp cưỡng chế thi hành luật lệ bảo vệ môi trường thì môi trường thành phố sẽ đến lúc “không còn gì để nói đến” ! Sạch sành sanh ? (theo Tuổi Trẻ 6.5 và Thời báo kinh tế Sài Gòn 13.5.93)

Mỏ Đại Hùng : ra dầu từ 1994

Tháng 4 vừa qua, một hợp đồng phân chia sản phẩm khai thác mỏ Đại Hùng đã được ký kết giữa các công ty BHP (Úc, 44 %), Petronas (Malaysia, 20 %), Total (Pháp, 10 %), Sumimoto (Nhật, 10 %) và PetroVietnam (15 %). Ông Neil Ferguson, thuộc công ty BHP đã được bổ nhiệm làm tổng giám đốc liên doanh Đại Hùng. BHP cũng đang cùng các công ty BP (Anh), Seacap (Thụy Điển) và Sceptre Resource (Canada) thăm dò dầu mỏ ở thềm lục địa miền Trung.

Mỏ Đại Hùng nằm trong vịnh Côn Sơn, ở độ sâu 110 m, trữ lượng ước tính từ 700 tới 800 triệu thùng, tương đương với 80 đến 90 triệu tấn, và một khối lượng khí đốt lớn. Chi phí khai thác được dự trù là 1,5 tỷ đô la cho 20 năm. Đại Hùng sẽ bắt đầu sản xuất vào năm 1994 với sản lượng ban đầu từ 20 đến 30 ngàn thùng / ngày, tiến tới 200 ngàn thùng / ngày vào năm 1998.

Theo ông Michael Yeldham, giám đốc công ty dầu lửa Anh BP ở Hà Nội, trong vòng hai năm tới có thể biết được chính xác trữ lượng dầu khí ở Việt Nam. Một ước tính trước đây đã đánh giá trữ lượng này từ 1,5 đến 3 tỷ thùng. (Tổng hợp nhiều nguồn tin).

Giá giảm

Trong tháng 4.9, Việt Nam đã thành lập một “quỹ bình ổn giá”, nhằm chủ động điều hoà giá hàng hoá và góp phần ổn định ngân sách nhà nước. Nguồn thu của quỹ này là khoản chênh lệch giá hàng xuất nhập khẩu và lợi nhuận siêu ngạch của các doanh nghiệp.

Trong tháng 3.93, giá cả ở Việt Nam đã giảm 0,5 % so với tháng trước. Đây là lần đầu tiên hiện tượng giảm giá xảy ra ở Việt Nam, từ khi chính quyền bắt đầu thi hành những biện pháp chống lạm phát, từ hai năm nay. Tỷ lệ lạm phát phi mã trong những năm trước đã được đưa xuống còn 68 % năm 1991, 17,5 % năm 1992, và dự trù sẽ xuống dưới 14 % năm nay. Trị giá đồng bạc Việt Nam từ hơn một năm nay ổn định ở mức 10 500 đồng/một đôla.

Tiếp tục mất cắp tượng

Theo Tuổi Trẻ 6.5, một tượng đá cao khoảng 0,8 m tạc hình thú phi vua Pôrômê, đặt tại tháp Chàm Pôrômê cách thị xã Phan Rang 18 km, đã bị mất cắp. Do tháp không có người quản thủ nên không xác định được thời điểm mất tượng.

Trong khi đó, một bộ phận thập diện bằng gỗ gồm 10 bức chạm nổi, mỗi bức cao 1,30m, rộng 3,38m, diễn tả mười phương địa ngục theo đạo Phật đã bị lấy cắp tại đình Thanh Sơn, Nam Hà. Đình này thờ Khôi Công, một tướng đã giúp Lý Nam Đế đánh đuổi quân nhà Lương ở thế kỷ thứ 6.

Lm. Chân Tín và ô. Nguyễn Ngọc Lan được tự do

Theo tin của báo *Tin Nhà* (14.5), Linh mục Chân Tín đã chính thức trở về Sài Gòn bốn ngày trước khi mãn hạn 3 năm quản chế bắt đầu từ 16.5.1990. Ông đã kịp ra Nha Trang dự lễ tang anh ruột cũng là linh mục. Được biết bạn ông, giáo sư Nguyễn Ngọc Lan, cũng hết bị quản chế tại gia. Báo *Tin Nhà* nhấn mạnh việc trả tự do cho hai ông là không điều kiện.

[Điều quan trọng không kém, là quyết định quản chế độc đoán này hoàn toàn không đạt được mục đích mong muốn là ngăn chặn tiếng nói thẳng thắn của hai ông. Hai tập nhật ký của Nguyễn Ngọc Lan và Hồ sơ Chân Tín xuất bản ở nước ngoài là những bằng chứng cụ thể. Suốt ba năm qua, nhiều cán bộ đảng viên cộng sản từng được hai ông giúp đỡ khi bị tù đầy trước năm 1975, đã tới thăm nuôi và bày tỏ cảm tình với họ. Hơn bao giờ hết, dư luận cần tiếp tục đòi hỏi chính quyền Việt Nam phải trả tự do cho mọi tù nhân chính trị].

Thủ tướng Võ Văn Kiệt sắp sang Pháp

Theo tin AFP (22.5), thủ tướng Võ Văn Kiệt đã nhận lời thủ tướng Edouard Balladur mời sang thăm nước Pháp “trong một thời gian gần đây” — AFP dự đoán là cuối tháng 6.93. Tiếp đại sứ François Nougarede, ông Kiệt tuyên bố: “quan hệ giữa hai nước đã cải thiện một cách đáng kể từ khi tổng thống F. Mitterrand sang thăm Việt Nam tháng 2 vừa qua” và “chính phủ Pháp đã tích cực ủng hộ Việt Nam cải thiện quan hệ với Quỹ quốc tế tiền tệ”

Việt Nam - Thái Lan

Kỳ họp thứ hai của Ủy ban hỗn hợp Việt - Thái về kinh tế đã diễn ra tại Hà Nội trong hai ngày 7 và 8.5.1993. Lần đầu, Ủy ban đã họp vào tháng 11.91 tại Băng Cốc, sau khi hai nước bình thường hóa quan hệ, vượt qua những đối kháng chung quanh vấn đề Cam Bốt. Phái đoàn chính phủ mỗi nước do một thủ trưởng ngoại giao dẫn đầu, phía Thái là ông Surin Pitsuwan và phía Việt Nam là ông Vũ Khoan. Hai bên đã quyết định tăng cường trao đổi thương mại song phương, với mục tiêu tới cuối năm nay đạt gấp đôi mức 150 triệu đô la của năm 92. Mức đầu tư của Thái vào Việt Nam hiện nay còn khá thấp: đứng thứ 14 trong các nước có vốn đầu tư vào Việt Nam.

Trong khuôn khổ kỳ họp, tướng Charan Kullivanija, đứng đầu Hội đồng An ninh Quốc gia Thái, và thủ trưởng nội vụ Việt Nam Lê Minh Hương, đã thoả thuận hợp tác để ngăn chặn sản xuất và buôn lậu nha phiến. Ngoài ra, vấn đề quyên đánh cá trong các vùng biển ở Vịnh Thái Lan cũng được đề cập tới song chưa đạt thoả thuận của hai bên. 170 ngư phủ Thái và hơn 60 ngư phủ Việt Nam hiện bị giam giữ vì đánh cá trong hải phận bên kia.

Quan hệ Việt - Thái trong tháng 5 này còn được đánh dấu bởi chuyến đi thăm Băng Cốc từ ngày 11 tới 15 của một đoàn quân sự cấp cao Việt Nam, do tướng Đào Đình Luyện, tổng tham mưu trưởng kiêm thứ trưởng quốc phòng, cầm đầu. Tướng Luyện đã hội đàm với Tổng tư lệnh quân đội Thái Vimol Wongwanich và thủ tướng Chuan Leekpai, tuy nhiên nội dung các cuộc hội đàm này chưa được công bố. (AFP, 8 và 11.5, Reuter 12.5)

Nhà Trắng - Việt Nam...

Chuyện dài quan hệ Mỹ - Việt tưởng đã bước sang trang mới nhân cuộc họp của Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF) cuối tháng 4 vừa qua, vẫn tỏ ra còn nhiều khúc quanh co, lén lút, như Diễn đàn số 19 đã dự đoán. Trước sức ép của một bộ phận dư luận Mỹ, chính quyền Clinton đã yêu cầu IMF, không phải là tiếp tục không cho Việt Nam tiếp xúc với nguồn tài chính quốc tế, mà là... tạm hoãn quyết định của mình cho tới phiên họp sau, được dự trù vào cuối tháng 6 này.

Song song, tổng thống Clinton đã cử thư trưởng nghị sĩ John Kerry (một người chủ trương mau bình thường hoá quan hệ với Việt Nam) sang Hà Nội ngày 16.5, mang theo một thư riêng của ông gửi chủ tịch Lê Đức Anh, trong đó ông nói rằng sẽ lấy một thái độ “phải chăng” về việc bãi bỏ cấm vận nếu Việt Nam không dấu giếm gì về những tin tức chung quanh các binh sĩ Mỹ mất tích trong chiến tranh. Một quan điểm cũ được nhắc lại... vì sức ép của những gia đình các binh sĩ đó, nhưng sớm muộn cũng sẽ được quên đi, vì thật ra chẳng còn lý do gì để trở lại mãi một vấn đề sẽ chẳng có giải pháp. Trong chiến tranh thứ hai, chỉ trên chiến trường châu Âu đã có khoảng 30 000 lính Mỹ mất tích, không bao giờ tìm được dấu vết!

Trong khi đó, theo tin từ Hà Nội, nhiều công ty lớn của Mỹ như Citibank, General Electric, Philip Morris, Baker Mackenzie (một công ty cổ vấn pháp luật) sẽ được phép mở văn phòng đại diện tại Việt Nam trong một ngày gần đây...

Việt Nam - Nam Triều Tiên

Thủ tướng Võ Văn Kiệt đã đi thăm chính thức Nam Triều Tiên từ ngày 13 đến 16.5 vừa qua, đánh dấu một giai đoạn mới trong quan hệ bang giao giữa hai nước. Cùng đi với ông, có ngoại trưởng Nguyễn Mạnh Cầm, chủ nhiệm ủy ban nhà nước về hợp tác và đầu tư Đặng Ngọc Xuân và nhiều bộ trưởng, thứ trưởng khác. Ngoài ra, còn có 24 nhà doanh nghiệp thuộc khu vực quốc doanh cũng như tư doanh.

Ông Võ Văn Kiệt đã hội đàm với tổng thống Nam Triều Tiên Kim Young-Sam và đi thăm nhiều công ty lớn của Nam Triều Tiên, như Daewoo Motors Co., Samsung Electronics Co., Hyundai Heavy Industries Co. v.v...

Trao đổi thương mại giữa hai nước đã được nhân lên gấp đôi trong năm 1992 so với 1991, đạt gần 500 triệu đô la, trong đó phần lớn là hàng Nam Triều Tiên xuất sang Việt Nam.

Nam Triều Tiên đã quyết định cho Việt Nam vay 150 triệu đô la trong đó 50 triệu với lãi suất thấp. Hai bên cũng đã ký một hiệp định chấp nhận điều khoản tối huệ quốc trong thương mại giữa hai nước, một hiệp định về hàng không... Thủ tướng Võ Văn Kiệt kêu gọi Nam Triều Tiên tăng cường đầu tư vào các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng ở Việt Nam.

Hữu nghị và tranh chấp

Bộ trưởng quốc phòng Trung Quốc Tri Hạo Điền đã đến thăm Việt Nam một tuần lễ, từ ngày 13.5. Ông đã được tổng bí thư Đỗ Mười và chủ tịch nước Lê Đức Anh tiếp vào ngày 17.5.

Trước đó, quan hệ giữa hai nước dột nhiên căng thẳng trong vụ tranh chấp các quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa.

Một chiếc tàu thăm dò địa chấn Trung Quốc đã xâm nhập khu mỏ Đại Hùng thuộc lô số 6, nơi hai công ty BP State Oil của Na Uy và ONGC của Ấn Độ đang thăm dò dầu khí trong một hợp đồng với Việt Nam. Tàu Fendou-4 đã đi lại trong khu vực suốt 6 ngày, gây nhiễu loạn cho công tác khảo sát của các tàu địa chấn Na Uy và Ấn Độ. Tàu Fendou-4 đã rút lui ngày 12.5, một ngày trước khi Trì Hạo Điền tới Việt Nam !

Thủ tướng Úc kêu gọi

Chuẩn bị cho chuyến đi thăm Úc vào ngày 26.5 của thủ tướng Võ Văn Kiệt, ông Paul Keating, thủ tướng Úc đã kêu gọi cộng đồng Việt Nam tại Úc quên quá khứ, hoà giải với Việt Nam và hướng về tương lai để góp phần xây dựng những quan hệ vững chắc giữa hai nước Úc - Việt.

Úc hiện nay là nước đứng thứ sáu trong những nước có đầu tư vào Việt Nam, với 390 triệu đô la đầu tư vào 22 dự án khác nhau. Thương mại giữa hai nước đạt doanh số 176 triệu đô la năm 1992, so với 1,4 triệu 10 năm trước.

Tin ngắn

► Công việc quy hoạch và thiết kế cảng Vũng Tàu đã được giao cho một tổ hợp các công ty Tredia Investment của Singapore, Mitsui và Mitsubishi của Nhật, liên doanh với công ty quốc doanh Việt Nam Vinamarine và tỉnh Bà Rịa. Công ty Pháp Bouygues liên kết với công ty Anh IPCO cũng đã tham gia đấu thầu song không được nhận.

► Trong 4 tháng đầu năm nay, sản lượng dầu mỏ mỗi ngày của Việt Nam đã lên đến 16 500 tấn, tăng 10 % so với sản lượng hàng ngày của năm 1992 (15 000 tấn).

► Theo các báo cáo của Hội nghị quản lý tài nguyên tổ chức tháng 4 ở Hà Nội, Việt Nam hiện có gần một ngàn khu vực khai thác mỏ đang hoạt động. Khoảng 60 % số mỏ này được khai thác không có giấy phép hoặc giấy phép được cấp không đúng thẩm quyền. Mặt khác, do không thông hiểu kỹ thuật, hoạt động khai thác trái phép này làm tổn thất đến 50 - 60 % khoáng sản, đồng thời gây ra huỷ hoại môi trường nghiêm trọng .

► Theo báo Việt Nam - Đầu tư nước ngoài, Việt Nam hiện có 521 điểm đô thị (với tổng số dân 13 triệu người), nhưng chỉ mới có 119 điểm có nước máy với số người dùng khoảng 7,5 triệu người, tức 10,5 % dân số cả nước. Mỗi ngày các nhà máy nước chỉ cấp tối đa 1,8 triệu m³ nước, trong đó 35 % là nước dùng cho sinh hoạt, 35 % dùng cho sản xuất, còn lại 30 % thất thoát.

► Thành phố HCM hiện có 50 000 xe ô tô (gấp 8 lần so với năm 1975), 800 000 xe gắn máy (tăng 20 lần so với năm 1975), 2 triệu xe đạp và 100 000 xe ba bánh. Vừa qua, chính phủ đã cho phép nhập 600 000 xe gắn máy trong năm 1993. Người ta ước tính phân nửa số xe này sẽ chạy về thành phố.

► Nhằm xóa bỏ bao cấp trong lĩnh vực nhà ở, chính phủ Việt Nam đã quyết định thực hiện chế độ đưa tiền nhà vào lương cán bộ, nhân viên đồng thời tính tiền thuê nhà đối với những nhà do nhà nước quản lý.

► Quyết định thành lập " Trung tâm giao dịch chứng khoán " và " Trung tâm trọng tài quốc tế - Việt Nam " đã

được công bố trong tháng 4.93. Thị trường chứng khoán đầu tiên sẽ được đặt tại thành phố HCM, còn trung tâm trọng tài được giao thẩm quyền giải quyết các tranh chấp trong quan hệ kinh tế đối ngoại.

► Một bài báo Nhân Dân cuối tháng tư vừa qua báo động Việt Nam đang có nguy cơ trở thành một đầu mối của các tổ chức quốc tế buôn lậu nha phiến, từ Lào, Thái Lan, Hồng Kông... sang Pháp, Đức và Đông Âu. Năm 1992, công an đã khám phá 256 vụ buôn thuốc phiện, tịch thu 1 115 kg thuốc phiện và 2,8 kg heroin, so với 323 kg thuốc phiện và 1,8 kg heroin tịch thu được qua 190 vụ buôn lậu phát hiện trong năm 1991.

► Lần đầu tiên từ 1975, một đoàn 28 doanh nhân Việt Nam đã tới thăm Hoa Kỳ trong hai tuần đầu tháng 5.93, đáp lời mời của Phòng thương mại Mỹ - Việt, Hội đồng kinh doanh với Đông Nam Á của bang California và nhiều xí nghiệp Mỹ. Các doanh nhân trong đoàn thuộc các ngành công nghiệp tơ sợi, dầu mỏ, du lịch và tiểu thủ công nghiệp. Đoàn do ông Đoàn Ngọc Bông, tổng thư ký Phòng thương mại Việt Nam cầm đầu.

► Tập đoàn kinh doanh bất động sản SERCIB của Pháp đã ký một hợp đồng liên doanh với công ty Việt Nam SAGIMEXCO để xây một tòa nhà chuyên làm văn phòng cho các doanh nghiệp. Ngày khởi công xây dựng đã được ấn định vào tháng 6 tới.

► Theo báo Bưu Điện Băng Cốc ngày 30.4, tổng bí thư đảng cộng sản Việt Nam Đỗ Mười sẽ đi thăm chính thức Thái Lan khoảng cuối năm nay. Đây là lần đầu tiên một tổng bí thư đảng cộng sản Việt Nam di thăm một quốc gia không nằm trong " khối xã hội chủ nghĩa " hoặc được coi là " đồng minh " của khối (Ấn Độ, một vài nước châu Phi). Chuyến đi của ông Đỗ Mười được coi như để đáp lễ chuyến đi thăm Việt Nam tháng 11.92 của hoàng tử Thái Lan Maha Vajiralongkorn.

► Theo báo Tuổi Trẻ 24.4, tất cả 32 trại viên của một " trại cải tạo những người nghiện thuốc phiện " ở Suối Lang, tỉnh Khánh Hòa đều bị nhiễm vi khuẩn bệnh Sida HIV. Tờ báo cho biết, Khánh Hòa có khoảng 300 người nghiện và 500 gái mại dâm, và nhiều người trong số này là những người cho máu thường xuyên của tỉnh.

► Công ty cổ phần đầu tư Mỹ VATICO (Vietnam America Trade and Investment Consulting Co.), trụ sở tại Washington D.C., đã chính thức mở văn phòng đại diện tại Hà Nội ngày 25.4, đi trước ngân hàng Bank of America – là doanh nghiệp Mỹ đầu tiên đã được phép mở văn phòng ở Việt Nam.

► Ngày 24.4, một nhà vật lý nguyên tử Việt Nam đã được đưa sang Pháp điều trị sau một tai nạn phỏng xạ khiến ông bị phỏng nặng ở tay và bàn tay. Tai nạn xảy ra tại một phòng nghiên cứu ở Hà Nội. Trung tâm bảo vệ và an toàn hạt nhân Pháp (IPSN) đưa ra tin này nhưng không cho biết tên tuổi của người bị nạn.

► Trong một cuộc gặp báo chí do Chương trình vì phát triển của Liên hiệp quốc (PNUD), ông Võ Hồng Phúc, phó chủ nhiệm Ủy ban kế hoạch nhà nước Việt Nam cho biết,

theo các con tính của Ủy ban, Việt Nam cần từ 40 tới 50 tỉ đô la đầu tư để đạt mục tiêu nhân đôi thu nhập quốc dân vào năm 2000 so với năm 1990. Hà Nội trông cậy vào nguồn vốn nước ngoài trong khoảng 50 % số đầu tư cần thiết ấy.

► Ông Arthur Dunkell, tổng giám đốc GATT (Thoả ước tổng quát về Thuế quan và Mậu dịch) sẽ đi thăm Việt Nam từ 17 đến 21 tháng 5. Việt Nam hiện nay là quan sát viên của GATT và muốn trở thành thành viên của Thoả ước.

► Một vụ nổ lớn đã xảy ra ở kho đạn cũ của Mỹ ở Đà Nẵng ngày 2.5, làm thiệt mạng 13 người và hư hại nhà cửa trong một vòng bán kính 2 km chung quanh kho đạn. 10 trong số 13 người chết vì vụ nổ là bộ đội làm việc ở kho đạn. Trước đó, đêm 30.4 tại thành phố Hồ Chí Minh, một người đàn ông đã tự thiêu ở một quảng trường gần khách sạn Rex. Tuy nhiên, theo AFP, không có dấu hiệu gì cho thấy hai sự kiện nói trên có ý nghĩa chính trị hay không.

► Một tổ hợp các công ty Indônhêxia, đứng đầu là Metropolitan Group, đã ký hợp đồng với một công ty dịch vụ du lịch ở Hà Nội để khởi công xây dựng một khách sạn thuộc nhóm Khách sạn Horison ở Hà Nội vào cuối năm nay. Vốn đầu tư dự trù là 27 triệu đô la, trong đó phía Indônhêxia sẽ góp 80 %.

► Trong tháng 4, nhà nước Việt Nam đã công bố pháp lệnh công nhận và thi hành tại Việt Nam những bản án, quyết định về dân sự, hôn nhân và gia đình, tài sản và lao động, cũng như những bản, quyết định hình sự của tòa án nước ngoài. Pháp lệnh có hiệu lực thi hành kể từ ngày 1.7.1993.

► Khu chế xuất đảo Phú Quốc sẽ hình thành với cơ sở hạ tầng được xây dựng bằng vốn đầu tư của Singapore. Dự án đầu tư lên đến 500 triệu đô la.

► Tập đoàn Đài Loan Ching Feng đã được phép mở chi nhánh ngân hàng tại Hà Nội. Ching Feng hiện là tập đoàn nước ngoài đầu tư lớn nhất vào Việt Nam với một nhà máy xi măng 288 triệu đô la ở Hải Phòng và một xí nghiệp sản xuất xe gắn máy 55 triệu đô la ở Hà Nội.

► Theo báo Nhật Sankei Shimbun, cơ quan tài nguyên năng lượng của Nhật sẽ cùng với bộ công nghiệp Việt Nam thăm dò tài nguyên khoáng sản ở Việt Nam. Dự án sẽ tiến hành trong ba năm, mỗi năm chi khoảng 100 triệu yen (900 ngàn đôla) để thăm dò các loại kim loại màu như vàng, đồng, никél, chì, wolfram.

► Chuyến tàu đầu tiên chở hàng Mỹ từ khi Hoa Thịnh Đốn bỏ một phần cấm vận đã đến Việt Nam vào đầu tháng 5. Đó là tàu của công ty Unocal, chở 16 ngàn tấn urê đến cảng Sài Gòn.

► Mỗi tuần, ba chuyến bay sẽ nối liền Đà Nẵng và thành phố của Đài Loan. Đường bay được công ty hàng không Đài Loan Makyn Airlines khánh thành vào cuối tháng 4.93.

► Tổ chức hợp tác kinh tế nước ngoài của Nhật (OECF) đã quyết định dành 70 triệu đôla trong khoản viện trợ của Nhật cho Việt Nam để xây dựng cầu Mỹ Thuận bắc qua sông Tiền. Cầu sẽ dài 1.350m, rộng 8m, cao 25m so với mặt sông và thời gian xây dựng dự kiến từ 3 đến 4 năm.

► Việt Nam đã bắt đầu sản xuất bao cao su dưới hiệu

Happy, giá khoảng 250đ/cái. Đây là sản phẩm của xí nghiệp Merufa được Quỹ dân số của Liên hiệp quốc tài trợ.

► Dịch xâm golf đã lan đến tỉnh sông Bé. Chính quyền tỉnh đã quyết định liên doanh với một công ty Singapore xây một sân golf gần vườn cây ăn trái Lái Thiêu, với vốn đầu tư 50 triệu đôla.

► Nhạc sĩ Nguyễn Xuân Khoát đã từ trần vào ngày 7.5.1993 tại Hà Nội, hưởng thọ 83 tuổi. Nguyễn Xuân Khoát bắt đầu sáng tác từ trước Cách mạng tháng Tám, nổi tiếng với những bài hát như *Con cò đi ăn đêm*, *Thằng Bờm*, *Con voi*, *Uất hận* v.v... Nhạc sĩ Nguyễn Xuân Khoát cũng là người đặt nền móng cho việc nghiên cứu âm nhạc dân tộc cổ truyền, chèo, ca trù, hát ru con...

► Một nhà máy điện chạy tuyết-bin khí, với công suất 100 triệu watt sẽ được xây tại tỉnh Bà Rịa. Tổ hợp các công ty Nhật Nissho-Iwai et European Gas Turbine (EGT) đã trúng thầu để xây nhà máy, trị giá 35 triệu đôla. EGT là liên doanh giữa GEC-Alsthom (90 %) và General Electric (10 %).

Luật đất đai (tiếp theo trang 1)

Dự thảo luật đất đai một mặt “nghiêm cấm việc mua bán đất đai”, mặt khác tổ chức việc “chuyển dịch quyền sử dụng đất”, có cả những qui định về “giá các loại đất” và người được phép “kinh doanh nhà đất”. Thực chất của việc cho chuyển quyền sử dụng như vậy là mua bán đất đai. Và dù nhà nước không sử dụng từ “sở hữu” thì – như bà Nguyễn Thị Sơn, phó chủ tịch hội phụ nữ thành phố, nhận xét – nông dân chỉ có một cách hiểu: “cho sử dụng lâu dài là cho sở hữu, cho chuyển nhượng là cho mua bán”. Việc luật pháp không thừa nhận sự mua bán đất không những không ngăn cản được thực tế, mà chỉ làm cho tiêu cực nảy sinh và tiền mua bán đất không vào được ngân sách nhà nước⁽¹⁾.

Nói về thời gian sử dụng đất đai, dự luật một mặt nêu nguyên tắc nhà nước giao đất cho người dân sử dụng “ổn định lâu dài”, mặt khác không chế thời hạn “không quá 20 năm” đối với nông dân. Một giới hạn càng phi lý khi đồng thời dự luật lại cho phép người nước ngoài thuê đất đến 99 năm. Những điều mâu thuẫn hàng loạt nói trên, theo giới luật gia thành phố, biểu hiện sự “lúng túng”, “rối rắm” của một văn bản pháp lý phải “lách” bằng nhiều từ ngữ những khái niệm “phi luật học”. (Tuổi Trẻ 1.5.1993)

Vấn đề đặt ra sắp tới là các đại biểu quốc hội sẽ đưa luật pháp đến gần thực tế cuộc sống hay không. Còn không thì cuộc sống thực tế cũng sẽ tiếp tục phát triển, nhưng ngoài khuôn khổ pháp luật. Hỗn loạn như hiện nay.

Hải Vân

(1) Ngoài ra, dự luật còn xác định “nhà nước không thừa nhận việc đòi lại đất đã được cấp trong quá trình thực hiện các chính sách về đất đai”. Một qui định, mà theo đoàn đại biểu quốc hội thành phố, “dễ cho các nhà làm luật nhưng khó thực thi”.

Ngược dòng...

Nghề báo



1. Ba năm nay, ngày 3.5 được coi là “*ngày quốc tế vì tự do báo chí*”. Trong bản tài liệu được phổ biến năm nay nhân dịp này, tổ chức “các phóng viên không biên giới” đã duyệt qua những trở ngại mà người làm báo trên khắp thế giới đã và đang gặp trong khi hành nghề. Theo những thống kê không đầy đủ, “*61 nhà báo đã bỏ mình trong năm 1992 vì muôn tiến tới quá gần sự thật*”, “*123 người khác vẫn còn bị giam giữ ở thời điểm 1.1.1993*” ở khắp năm châu. Nhân chứng “*khó chịu*” của những cảnh tượng tàn bạo, hung ác, họ là những người phạm tội không chịu im lặng trước những sự lạm dụng quyền lực, trước sự cố chấp của những tổ chức cực đoan, hay trước sự thối nát của một chế độ...

Riêng về châu Á, bản tài liệu viết (dịch thoát):

“*Về phần mình, Trung Quốc đang giữ một kỷ lục buồn thảm : kỷ lục những nhà báo bị cầm tù. Vào ngày 1.1.1993, còn có khoảng 30 nhà báo vẫn bị giam giữ, phần lớn bị kết án nặng nề sau vụ Thiên An Môn năm 1989. Ở những mảnh đất châu Á khác, tự do báo chí cũng không tốt đẹp gì. Ở Philipin, mục sư Greg Hapalla, cộng tác viên của đài phát thanh DXAS bị bắn chết ngay khi đang phát thanh. Báo chí Sri-lanca thường xuyên bị đánh mắng nặng nề, cùng những hành động hung bạo khác. Những nhà báo Ấn Độ luôn luôn bị nguy hiểm chỉ vì đựng tới “tinh khí bất thường” của các tay bạo chúa địa phương, các đảng chính trị (như đảng BJP) hay những phong trào ly khai (của người Sikhs hay người Cachemiris). Ở Lào, Miến Điện, Bắc Triều Tiên, và trong một chừng mực ít hơn, ở Việt Nam, tự do báo chí vẫn chỉ là một ước mơ của người dân chủ”.*

Dĩ nhiên, sự đánh giá về cái “*chừng mực ít hơn*” kia thuộc trách nhiệm của những tác giả bản tài liệu. Trong phạm trù tự do, những sự so sánh thường khập khiễng và sự an ủi rằng số phận hẩm hiu của mình chưa phải là đen tối nhất chỉ có một... giá trị an ủi rất tương đối ! Có thể, sự đánh giá nói trên có phần nào khách quan chăng, khi người ta tính tới, trong mấy năm qua, sự hiện hữu của một phong cách báo chí “*đổi mới*” nhiều khi vượt qua được những kẽm kẹp của bộ máy quyền lực : Một Văn Nghệ thời Nguyên Ngọc, một Lang-Biang, Sông Hương, rồi Cửa Việt, một Tuổi Trẻ thời Kim Hạnh... (Nay thì Văn Nghệ đã được “*uốn nắn*”, Sông Hương, Lang-Biang, Cửa Việt bị đóng cửa, Kim Hạnh bị “*đổi công tác*”!). Có thể, người ta nghĩ rằng, dẫu sao Nguyên Ngọc không bị cầm tù, Kim Hạnh chỉ là bị cho ra rìa – như rất nhiều cuộc sa thải và cho ra rìa khác vẫn diễn ra ở nhiều nước có rất đầy đủ tự do. Có thể..., nhiều thứ lầm, trông lên thì chẳng bằng ai, trông xuống đúng là vẫn chẳng ai bằng mình !

Cho nên, thiết nghĩ cũng chẳng nên mất thì giờ nhiều hơn về cái “*chừng mực*” ít hay nhiều kia. Chỉ xin nhân đây, gửi một lời chúc cho những “*ước mơ của những người dân chủ*” sớm thành hiện thực. Có lẽ cần nói rõ hơn, những người dân chủ ở bất kỳ phương trời nào. Bởi chả riêng gì đảng cộng sản, những “*tinh khí bất thường*” của các tổ chức chính trị chống cộng nhiều khi cũng ghê gớm lắm !

2. Hai ngày trước ngày tự do báo chí, cựu thủ tướng Pháp Pierre Bérégovoy bắn một viên đạn vào đầu tự tử, không để lại một tư liệu gì cho biết vì sao ông đi tới quyết định thảm khốc đó. Một cơn chấn động lan trong mọi giới dân Pháp. Sự thất bại chua cay của đảng xã hội trong cuộc bầu cử vừa qua không đủ để cất nghĩa. Người ta bàn nhiều về những bài báo tấn công cá nhân ông, đặc biệt trong một vụ ông được một tỷ phú cho vay không lãi một triệu quan để mua nhà. Dù rằng, trong chính giới cao cấp của Pháp, chẳng ai ngoài Bérégovoy, ở tuổi 60, sau nhiều năm linh nhã trọng trách của đất nước, lại thiếu tiền đến mức phải đi vay để mua nhà. Những người đã đạt tới trình độ ấy thường có những mối liên hệ, những thu nhập bảo đảm hơn nhiều !

Song, dù cuộc vay mượn đã diễn ra khi ông không còn là một bộ trưởng trong chính phủ, “Béré” vẫn là một nhân vật trong chính giới, do đó nhiều người cho rằng báo chí không có lỗi khi đưa ra những thông tin xác thực, về đời sống riêng của ông nhưng có những liên hệ tới đời sống công cộng (người cho ông vay cũng là một nhân vật có ảnh hưởng của đời sống kinh tế Pháp, và có liên quan tới một số vụ việc đang được luật pháp xem xét). Dẫu sao, câu hỏi về một quy chế nghề nghiệp, một tiêu chuẩn đạo lý (*éthique*) của nghề báo vẫn được đặt ra... Đâu là giới hạn của cuộc sống riêng của những chính khách, những người đã chọn phục vụ cho công ích làm lề sống của mình ? Làm sao để những tin tức, những bài điều tra, phóng sự phản ánh được sự thật một cách trung thực nhất, không bị “nhiễu” bởi bao nhiêu quyền lợi riêng tư – kể cả lợi ích vật chất hay tình cảm của chính người viết báo ! – ? Làm sao để những bài bình luận giữ được mức vô tư và công tâm cần thiết, dù cho người viết bình luận dĩ nhiên có quyền đưa ra các ý kiến chủ quan của mình ? v.v...

3. Những câu hỏi đương nhiên không được đặt ra trong một thể chế độc đoán, nơi báo chí đã được chính thức định nghĩa là một “*công cụ*” của đảng cầm quyền, nơi nhà báo được nhắc nhở hàng ngày phải “*tinh táo*”, để không cho “*kẻ thù và bọn xấu lợi dụng*” (những cuộc đấu tranh xã hội, đấu tranh chống tham nhũng, “*tiêu cực*” v.v... được đưa lên mặt báo). Song hình như, ngay cả ở những nơi quyền tự do dân chủ của báo chí được bảo đảm rộng rãi nhất, hậu quả dai dẳng của những năm chiến tranh, cuộc đấu tranh chính trị bị đẩy tới mức cực đoan vẫn ngự trị tuyệt đối trên rất nhiều tờ báo mà tiêu đề đấu tranh cho tự do dân chủ chỉ đồng nghĩa với một chủ nghĩa chống cộng được thần thánh hoá. Đáp với “*yêu nước là yêu chủ nghĩa xã hội*”, rõ ra là “*không chống cộng là không yêu nước*” ! Và người ta thản nhiên biến hai triệu người vì những lý do khác nhau đang sống ở nước ngoài thành những chiến sĩ của tự do. Và “*hải ngoại*” với “*tị nạn*” trở thành tiêu chuẩn của đạo lý, đối lập với “*cộng sản*” ở trong nước ! Trong tinh thần đó, làm sao viết và đưa tin trung thực về những gì xảy ra nơi “*kẻ thù*” đang cầm quyền, nhất là khi nó không chịu mau chóng tan rã như mình mong muốn ?

4. Trên đây mới chỉ nói chuyện viết về chính trị. Còn xã hội, còn văn hoá, lịch sử, với bao nhiêu điều kiêng kỵ khác... Làm báo sao mà khó !

Ngày tự do báo chí muôn năm !

Hoà Văn

Những giọt nước mắt không tên

Nguyễn Thắng

Không ai bảo ai, từng người, từng người, họ đến tụ tập trước bệnh viện Val de Grâce. Họ đến, một bó hoa khêm tốn trên tay, một đoá hồng thắm, tấm lòng người công dân vô danh.

Mưa rơi lất phất. Đám đông im lặng. Mưa cùng lệ lăn dài trên má, nhạt nhòa từng đôi mắt. Họ đến từ lúc ngày mồng 1 tháng 5 1993 đã gần tàn, tin loan đi : cựu thủ tướng Bérégovoy tự sát, trực thăng cấp cứu chở vào Val de Grâce.

Họ không ngót đến, im lìm, kiên nhẫn. Những đoá hồng tưởng niệm đặt san sát bên nhau kết nên tấm thảm đỏ, tiễn đưa quan tài người quá cố lên đường trở về Nevers...

Tang lễ cử hành tại nhà thờ lớn Nevers ngày 4 tháng 5.

Thánh đường chật quan khách. Giới chính khách, những người chức cao quyền lớn, đã đang và sẽ gánh vác trọng trách lèo lái vận mệnh nước Pháp, tạm quên mọi tranh chấp chống đối hận thù, sát bên nhau xúc động tưởng niệm một con người thuộc về thế giới của họ, lỗi lạc lúc sinh thời, bạn hay thù đều phải tôn trọng.

Ngoài nhà thờ, trùng trùng điệp điệp là những người vô danh. Hiện thân của cả giới thường dân nước Pháp. Một biển người xúc động im lặng xót xa. Khóc cho một người đồng bọn, cam chịu như mọi ai khắc khoải và dần vặt, lo âu và thất bại. Cũng thấp cổ bé miệng, cũng chong chênh yếu đuối đơn côi đến nỗi chỉ còn một cách là tự sát để tỏ lòng mình...

Cuộc đời 67 năm của Pierre Bérégovoy là một thành đạt hân hữu. Một hành trình đẹp như trong truyện.

Cha là một đại úy quân đội Nga hoàng bỏ quê hương chạy tị nạn. Những muôn qua Hoa Kỳ mà không có tiền. Tính chỉ tạm trú tại Pháp cho đến khi đủ sức mua vé tàu vượt Đại Tây dương. Định mệnh trớ trêu, ý nguyện chưa đạt lại đi yêu một cô gái vùng Normandie và vĩnh viễn ở lại đất Pháp.

Nhà nghèo, cậu bé Pierre chỉ học tiểu học, rồi học nghề. Mười lăm tuổi đã phải đi kiếm ăn, vốn vẹn trong tay mảnh bằng thợ nguội. Mười bảy vào kháng chiến chống Đức. Chiến tranh chấm dứt, Pierre sống song song đời công nhân với đời hoạt động. Công đoàn và chính trị. Tự học, leo từng nấc thang một, trong nghề nghiệp và trong hoạt động.

Một đời sống tiêu biểu cho một phái tả không cộng sản của Pháp. Không làm gì trái với lý tưởng suốt thời buổi nước Pháp buộc phải từ bỏ các thuộc địa của mình. Không nản chí khi chủ nghĩa de Gaulle toàn thắng năm 1958, biết kiên nhẫn xây dựng phong trào. Để rồi, sau non một phần tư thế kỷ, được lá phiếu tín nhiệm của đa số nhân dân đưa lên nắm chính quyền năm 1981.

Một phái tả hứa hẹn “ đổi đời ” cắt đứt với tư bản chủ nghĩa. Nhưng rồi, một khi chính quyền vào trong tay, vấp

phải tình huống một xã hội không muốn xáo trộn đổi thay, ngày lại qua ngày chỉ biết có quản lý.

Trong một thời gian dài, tuy là một người gánh vác trọng trách trong đảng xã hội, Pierre Bérégovoy chỉ đứng ở hậu trường chính trị. Cho đến khi, phái tả lén cầm quyền chưa đầy một năm, tài chính nước Pháp tiêu điều, tư bản tranh nhau đánh tháo vốn ra nước ngoài, kinh tế nguy ngập... Ảo tưởng duy ý chí của chính phủ Pierre Maurois những toan đòn thương độc mã vực nước Pháp dậy, bất chấp xu hướng kinh tế khi ấy đang suy thoái khắp nơi, rơi rụng tan tành.

Võ lẽ ra là không thể đem biện pháp hành chính cuỗng lại quy luật thị trường, đảng xã hội thay chính sách. Từ một lực lượng đổi lập thâm căn, phái tả chuyển thành lực lượng cầm quyền hành pháp thuần thực. Bérégovoy là hình ảnh tiêu biểu nhất trong quá trình chuyển biến này.

Tháng 6-1982, Pierre Bérégovoy tham chính với chức vụ bộ trưởng xã hội. Làm tròn nhiệm vụ trong điều kiện rất khó khăn. Tháng 7-1984, lĩnh chức bộ trưởng tài chính và ngân sách trong chính phủ Laurent Fabius. Các quan chức cao cấp nắm giữ guồng máy của bộ, rất tự cao tự đại về kiến thức kỹ thuật của họ, tưởng đâu ông bộ trưởng xuất thân thợ nguội sẽ ngồi đó làm vì.

Họ không ngờ rằng Pierre Bérégovoy biết lắng nghe và tiếp thu nhanh, rất nhanh. Người mở rộng tự do cho thị trường tài chính là ông ta. Người hiện đại hoá Thị trường chứng khoán Pháp (la Bourse), tạo ra phương tiện đặt tiền cho đại tu bản là ông ta. Xoá bỏ chế độ kiểm soát giá cả cũng là ông ta. Chính sách của Pierre Bérégovoy làm cho các giới kinh doanh hài lòng.

Từ ấy, Pierre Bérégovoy nổi tiếng là một nhà quản lý kinh tế, tài chính chặt chẽ. Và sự thực là suốt từ ngày đệ ngũ Cộng hòa Pháp thành lập tới nay ông ta là bộ trưởng tài chính duy nhất không hề phá giá đồng franc. Và cũng là nhờ đã chứng minh được khả năng quản lý thực tiễn kinh tế mà đảng xã hội Pháp chỉ bị thất bại có giới hạn trong kỳ bầu phiếu đại biểu quốc hội năm 1986.

Bérégovoy không còn chân trong chính phủ nữa, nhưng các bộ trưởng tài chính khắp nơi trên thế giới vẫn tôn trọng, thường qua lại viếng thăm tại nhà riêng ở quận 16 Paris mà ông ta mới tậu được. Và Mitterrand tin cậy, giao cho nhiệm vụ đôn đốc cuộc tranh cử tổng thống năm 1988.

Mitterrand lại đắc cử. Nhưng Bérégovoy không được chỉ định làm thủ tướng chính phủ. Trở lại nắm bộ kinh tế, tài chính và ngân quỹ để cứ tiếp tục chính sách quản lý chặt chẽ, giữ cho nền tài chính không bị lũng đoạn vì xu hướng tiêu pha của các thủ tướng Michel Rocard rồi Edith Cresson. Thâm tâm hy vọng rằng cứ tạo thuận lợi cho tư bản đầu tư đi thì sẽ nảy sinh ra thêm công ăn việc làm, nhờ đấy mà giải quyết nạn thất nghiệp. Dư luận đặt cho Pierre Bérégovoy cái mỹ hiệu “ Pinay của phái tả ”¹ từ những năm ấy.

Cũng trong thời gian này một số người cộng sự thân tín của ông liên can đến các vụ tiết lộ tin còn giữ mật ra cho một số bạn hữu lợi dụng để hưởng lợi to. Tuy vậy, uy tín rất lớn của cá nhân bộ trưởng không bị suy suyển. Nhưng cũng vì đó mà Bérégovoy cho rằng cần phải bài trừ tham nhũng.

1992, đảng xã hội thảm bại trong các cuộc đầu phiếu khu vực và hàng tổng. Mà chỉ còn một năm nữa là đã tới hạn bầu cử lại quốc hội. Nước đã tới chán. Cả đảng trông đợi con người vững chãi, bình tĩnh, có tài quản lý ra đứng mũi chịu sào. May ra còn xoay lại được tình thế được chẳng. Mitterrand gọi Pierre Bérégovoy ra làm thủ tướng chính phủ.

Bérégovoy nhậm chức mà than rằng : Mitterrand chỉ định Michel Rocard làm thủ tướng vì ông ta là người nổi trội nhất, Laurent Fabius vì tuổi trẻ nhất, Edith Cresson vì là phụ nữ. Đến bây giờ thì đã quá trễ rồi !

Tình thế không ngót bất lợi cho người cầm quyền. Kinh tế không dựng dậy nổi, thất nghiệp cứ tăng lên, bội chi ngân sách không sao ngăn được, chống tham nhũng chẳng đi đến đâu. Hai lời hứa quan trọng của phái tả 12 năm trước đây – dẹp nạn thất nghiệp và làm cho đời sống chính trị được trong sạch – trở thành nhức nhối.

Chưa hết. Bỗng đâu – chắc chắn là tiết lộ từ hồ sơ thẩm cứu vụ Roger Patrice Pelat, bạn thân của Mitterrand, bị can trong vụ lạm dụng am tường tin tức mật để thủ lợi – tin Pierre Bérégovoy vay Pelat 1 triệu quan không phải trả tiền lời để mua nhà riêng được tung ra. Báo chí xoi bói rùm beng. Mặc cho Bérégovoy hết sức giải bày lòng thành của mình, một luồng dư luận cho ông ta cũng là phuơng thừa dịp cầm quyền để làm giàu.

Thế là các hướng chiến lược chủ yếu của đảng xã hội do Bérégovoy chủ trương cho đợt vận động bầu cử quốc hội tháng 3-1993 nối tiếp nhau gãy gục. Phe tả thảm bại.

Riêng Bérégovoy vẫn dắc cử dân biểu ở Nevers, nơi ông ta được liên tục bầu làm thị trưởng từ 1983. Nơi mà, bên một dòng kinh yên tĩnh ông ta hằng yêu thích, ngày thứ bảy mồng 1 tháng 5, Pierre Bérégovoy nổ một viên đạn vào đầu.

Tự sát bao giờ cũng là thông điệp cuối cùng của người quyết tâm vĩnh viễn ra đi chất vấn những ai ở lại.

Để nói những gì ? Khi đã hết lời mà chẳng được ai hiểu cho, khi đã phải lấy cái quyền tự do tối hậu là cắt đứt mạng sống của chính mình để gào thét nỗi lòng, người vĩnh viễn ra đi để cho người sống tự vấn mình, lắng xuống đáy lòng mà tìm giải đáp.

Nhất là trường hợp Pierre Bérégovoy. Không để lại một câu, không viết lại một chữ. Chỉ thấy chọn ngày lao động quốc tế mồng 1 tháng 5, như một tín hiệu.

Cựu thủ tướng Pierre Bérégovoy chết đi, người dân Pháp vừa cảm nhận như tang chung cho cả nước vừa xót xa như một cái tang riêng của chính mình. Dường như không ai không trăn trở xét lại cách xử sự trong đời sống hàng ngày, trong nghề nghiệp của mình.

Người trong ngành tư pháp giật mình thấy nỗi dằn vặt đón đau mà người vô tội cam chịu khi những sự kiện lẽ ra phải giữ mật trong thẩm cứu lại có kẻ vì vô tình hay ác ý đem tiết lộ ra ngoài. Còn kẻ phạm cái lỗi nghề nghiệp làm cho người ngay phải tự sát thì cứ nhởn nhơ vô tội vạ.

Người làm báo tự vấn lương tri của mình xét lại giới hạn quyền tự do thông tin là đâu ? Tự hỏi cái gì làm cho cả báo chí lẩn vô tuyến, truyền hình trở nên mù quáng, thiên vị.

Cùng gần một lúc hai tin được tung ra : Pierre Bérégovoy vay 1 triệu để mua nhà, Jacques Chirac người cầm đầu phái hữu tiêu phí nửa triệu trong vài ngày đi nghỉ ở bờ biển, mà ông ta chẳng hề phải dụng đến túi tiền. Vụ Chirac chỉ phớt qua rồi nín bặt, không một ai bàn đến nữa. Còn một người từng làm bộ trưởng tài chính trong nhiều năm, đến tuổi đã ngoài 60 mà gia tài không đủ để mua một căn hộ 70 mét vuông, phải đi vay một món nợ không có gì trái với luật pháp, thì báo chí không ngót xoi bối.

Người dân thường nhớ lại rằng có lúc mình đã cười gắt khi nghe Pierre Bérégovoy thanh minh. Nhớ lại rằng có lúc mình đánh đồng cựu thủ tướng với những nhà chính trị mồm loa mép giải làm cho những từ “trung thực”, “danh dự”, “lương tâm” rõ ràng tuếch ý nghĩa.

Chợt thấy nước mắt rơi, giọt nhỏ cho mình, giọt nhỏ cho con người liêm sỉ dám chết cho những giá trị tinh thần tưởng đâu không còn một chính khách nào tôn trọng.

Người Việt Nam sống ở đây, đối với sân khấu chính trị nước Pháp chỉ là người bàng quan, cũng không cầm được nước mắt.

Khóc người quân tử chọn cái chết để thanh minh khí tiết trong sạch của mình, không vấy của vô nghĩa khi nắm quyền bính trong tay.

Khóc người trí lự biết uyển chuyển theo thực tế, biết quản lý sao cho có hiệu quả nhất một nền kinh tế ngỏ, trong tình huống cả thế giới dao động, buộc công luận phải nhìn nhận là phái tả am tường nghệ thuật cầm quyền chẳng kém một ai.

Khóc người trung thành với lý tưởng công bằng xã hội. Hắn rằng một trong những điều đau lòng nhất của cựu thủ tướng là đã bất lực không ngăn nổi nạn thất nghiệp. Chiều trước ngày tự sát, chiều 30 tháng 4, Pierre Bérégovoy còn cầm bút viết cho thủ tướng Gia Nã Đại Brian Mulroney tỏ “mối thất vọng sâu sắc của mình trước tình hình suy thoái kinh tế cùng nạn thất nghiệp kèm theo”. Để cho 3 triệu lao động thành nạn nhân của thất nghiệp dần vặt đeo đuổi con người trung thành với lý tưởng phái tả ấy cho đến những giờ phút cuối cùng. Thâm tâm chắc không ngót nghiền ngẫm ý kiến của chính mình, năm 1965, từng đả kích nhóm Gaston Deferre “chỉ là những nhà quản lý mà thôi, chẳng có chút nào ý định thay đổi xã hội”.

Khóc người chơn chất, cảm nhận sâu sắc thất bại của mình. Chẳng như những chính khách điêu toa đã bán đứng lý tưởng công bằng của xã hội chủ nghĩa cho một thứ tư bản man rợ lại còn mồm loa mép giải những hòng đổi trắng thay đen.

Khóc người hào hùng, cái chết nhắc nhở mỗi người hãy gánh lấy trách nhiệm công dân của mình. Đừng chấp nhận điêu toa gian dối, trên báo chí, trong chính trường...

Viết giả phải trả cho sự từ nhiệm của công dân là dằn vặt là khổ đau là cái chết tức tưởi của người liêm khiết.

Nguyễn Thắng (5.1993)

¹ Antoine Pinay, thủ tướng chính phủ kiêm bộ trưởng tài chính năm 1952 rồi hai lần bộ trưởng tài chính của de Gaulle những năm 1958, 1959 ; người từng được biện pháp bình ổn tình hình nguy khốn kéo dài nhiều năm của nền tài chính nước Pháp.

Phỏng vấn PHAN ĐÌNH DIỆU : ỨNG DỤNG TOÁN HỌC và DÂN CHỦ

Bài phỏng vấn mà **Điển Đàm** đăng bản dịch dưới đây vừa được công bố trên tạp chí **Nordic Newsletter of Asian Studies** (số 2, năm 1993, xuất bản tại Copenhagen, Đan Mạch).

Người phỏng vấn là một nhà sử học Na Uy, ông Stein Tønnesson, tác giả luận án tiến sĩ có giá trị *Sự bùng nổ chiến tranh Đông Dương 1946* bảo vệ năm 1982 tại Oslo (bản tiếng Pháp : “1946 : Déclenchement de la guerre d'Indochine”, Nhà xuất bản L'Harmattan, Paris 1987).

Cuộc phỏng vấn được tiến hành vào tháng 9.1992 tại Nghĩa Đô (ngoại ô Hà Nội), trụ sở của Viện Khoa học Việt Nam, mà Phan Đình Diệu là một trong những phó viện trưởng.

Từ mùa thu 1992 đến nay, Phan Đình Diệu đã công khai trả lời các phóng viên Reuter và *Far Eastern & Economic Review*, song các bản tin và bài báo này chủ yếu nói về đương sự hơn là đưa lại lời ông phát biểu. Như vậy, đây là bài phát biểu đầu tiên của ông được công bố từ khi ông gửi bản “*Kiến nghị về một chương trình khẩn cấp*” (mùa xuân 1991, xem **Đoàn Kết** số 434, 5.1991).

Người ta còn nhớ sau khi bản kiến nghị này được phổ biến ở nước ngoài, và nhất là từ ngày nhà văn Dương Thu Hương bị bắt (tháng 4.1991), Phan Đình Diệu bị công an theo dõi chặt chẽ trong nhiều tháng, bạn bè ít ai dám tới thăm nhà. Đến cuối tháng 8.1991, ông được tổng bí thư Đỗ Mười tiếp và nghe những ý kiến đề nghị Đảng cộng sản từ bỏ chủ nghĩa Mác-Lê, thì cuộc phong tỏa nói trên mới chấm dứt. Từ tháng 10.1991 đến nay, ông đã đi nước ngoài ba lần. Tuy nhiên, sự theo dõi vẫn tiếp tục. Một trí thức Việt kiều vừa qua tới thăm nhà Phan Đình Diệu, lập tức cuộc viếng thăm được ghi vào hồ sơ như một tội trạng.

Trong một tình huống gân gà như vậy, vị trí một người trí thức như Phan Đình Diệu không thể đơn giản, và sự đánh giá của công luận lại càng phức tạp. Càng thiếu thông tin, dư luận càng có xu hướng đánh giá theo nhận định chủ quan. Tốt hơn cả, và trước tiên, cần mở dòng thông tin.

Trên tinh thần đó, chúng tôi đăng lại toàn văn bài phỏng vấn này.

Stein TØNNESSON : Năm 1982, ông công bố trên tạp chí Nghiên cứu Việt Nam một bài báo ngắn đề “*Ứng dụng toán học và máy tính điện tử*”. Nay dường như ông muốn ứng dụng toán học vào cả vấn đề dân chủ. Vì sao một nhà toán học lại trở thành chính khách ?

Phan Đình Diệu : Tôi không phải là chính khách, mà tôi chỉ muốn tham gia vào việc nước như một công dân. Là một người yêu nước, thiết tha với nhân dân nghèo khổ, tôi muốn đóng góp vào công cuộc phát triển đất nước. Là một người làm khoa học, đã từ khá lâu tôi phát hiện ra rằng chủ nghĩa Mác-Lê khó có thể mang lại điều gì hữu ích cho một nước muốn thoát ra khỏi nghèo nàn. Nghiên cứu khoa học điện toán, thuyết hệ thống và các vấn đề quản lý hiện đại, tôi nhận ra rằng mô hình xã hội chủ nghĩa như học thuyết Mác-Lê xác định không phù hợp với một nước muốn phát triển về xã hội, kinh tế và khoa học. Vì những lý do hiển nhiên, Marx và Lenin không có điều kiện tìm hiểu xã hội hiện đại. Song đảng Cộng sản ở Việt Nam cũng như ở các nước khác đã ngay tho tìm cách áp dụng học thuyết của họ vào xã hội hiện đại. Sự thất bại của họ đã được minh chứng rõ rệt nhất trong cuộc cách mạng điện toán, đặc trưng của thế giới trong thập niên 1980. Sự thất bại của hệ thống kinh tế xã hội chủ nghĩa ngày nay hầu như mọi người đều thấy rõ. Vấn đề còn lại là biết rút ra kết luận một cách đầy đủ và từ bỏ chủ nghĩa Mác-Lê.

ST : Tôi có cảm tưởng là trong lãnh vực kinh tế, thực ra Việt Nam đã từ bỏ mô hình xã hội chủ nghĩa rồi.

PDD : Nét nổi bật trong tình hình hiện nay là sự mâu thuẫn giữa một mặt là ý muốn duy trì sự chuyên chế của đảng, và mặt khác, phát triển thị trường tự do. Đây là một sự kết hợp mới. Chưa hề có một nhà lý luận cộng sản nào nghiên cứu tình thế này trên một cơ sở có thể coi là thường trực.

ST : Phải chăng hệ thống chính trị hiện nay phản ánh một quan niệm Á châu về dân chủ, khác với quan niệm dân chủ Tây phương ?

PDD : Có thể có sự khác biệt về thực tế chính trị giữa châu Á và phương Tây, chứ không có quan niệm khác nhau về dân chủ. Dân chủ thì ở đâu cũng là dân chủ. Một hệ thống dân chủ đòi hỏi tất cả phải tôn trọng các quyền con người và quyền công dân. Điều này đặt ra ở mọi nơi. Và quyền công dân phải được tôn trọng bằng cách tổ chức bầu cử tự do. Nhân tố then chốt của một chế độ dân chủ là cách bầu ra người lãnh đạo. Bầu cử dân chủ nghĩa là bầu cử tự do, bỏ phiếu kín, và mọi người đều có quyền ra ứng cử. Không có những điều đó, không thể gọi là dân chủ. Cũng cần nói thêm : tất nhiên có những mức độ khác nhau về dân chủ. Theo tôi nghĩ, không có nơi nào nền dân chủ có thể coi là hoàn thiện, kể cả ở nước ông [tức là Na Uy, chú thích của người dịch], hay ở Đức, Pháp

hoặc Hoa Kỳ. Chất lượng một chế độ dân chủ có thể đo bằng hai tiêu chuẩn. Thứ nhất là cách vận hành của thể chế bầu cử : cử tri có thực sự được chọn lựa hay không, kết quả cuộc bầu cử phản ánh dân ý tới đâu ? Thứ nhì là khả năng của nhân dân tác động vào quá trình quyết định thông qua thảo luận trên các media, trong các cuộc hội họp, gặp gỡ ở địa phương, cũng như ở cấp vùng, và cấp toàn quốc.

ST : *Phải chăng ông chủ trương thiết lập một chế độ đa đảng ở Việt Nam ?*

PĐD : Điều cốt yếu không phải là có nhiều đảng, không phải là có một chế độ đa đảng, mà là có sự chọn lựa thật sự. Muốn chọn lựa thật sự, hai đảng có thể cũng đủ, với điều kiện là hai đảng ấy thực sự khác nhau.

ST : *Ông có ngại rằng đặt ra những đảng đối lập có thể tác hại tới sự ổn định xã hội và sự tăng trưởng kinh tế hiện nay ở Việt Nam, thậm chí gây ra hỗn loạn chẳng ?*

PĐD : Vâng, tôi nghĩ có nguy cơ đó ; bởi vậy tôi mới nói hai đảng cũng đủ. Trong toán học có một định lý cơ bản : một biểu đồ định hướng là cân bằng nếu như và chỉ nếu như nó có hai nhánh (tiếng Anh *bipartite* còn có nghĩa là hai bên, hai đảng). Nhiều đảng quá có thể dẫn tới hỗn loạn — trừ phi các đảng liên kết chung quanh hai cực. Hệ thống luồng đảng ở Hoa Kỳ hay ở Vương quốc Anh xem ra ổn định hơn là hệ thống nhiều đảng như ở Pháp dưới thời đệ tứ cộng hoà. Còn ở Việt Nam hiện nay là hệ thống chính trị độc đảng. Ngày nào chế độ còn trấn áp được mọi sự đối lập thì hệ thống còn ổn định, nhưng đó chỉ là một sự ổn định tĩnh. Còn sự ổn định động, hàm ý phát triển tích cực, chỉ có thể thực hiện bằng cách lập ra một “đối cực”. Xin hiểu đối cực theo nghĩa xây dựng của nó, chứ không phải phá hoại.

ST : *Các nhà lãnh đạo hiện nay của Việt Nam dường như đã tiến một bước khá dài trong việc thừa nhận quyền tự do ý kiến và tự do phát biểu.*

PĐD : Sự chuyên chế của đảng không còn toàn diện như trước kia. Có một thời ngay cả khẩu phần lương thực cũng được quyết định trên cơ sở lòng trung thành đối với đảng. Bây giờ đã tự do hơn, nhưng theo ý tôi, 1987 và 1988 là những năm tự do hơn là từ đó đến nay. Trong hai năm ấy, chúng tôi đã bước đầu thử nghiệm thảo luận về chính trị và lý luận, sau đó bị dẹp.

ST : *Người ta vẫn khuyến khích báo chí tố cáo tham nhũng, lạm quyền.*

PĐD : Đúng thế, nhưng với những hạn chế rất rõ ràng. Điều cấm kỵ chủ yếu liên quan tới sự chuyên chế của đảng. Không ai được quyền phê bình đảng, cho dù ở cấp huyện. Tham nhũng thì được phép phê phán, vì tham nhũng không phải là vấn đề hệ thống chính trị. Đó là một vấn đề chung. Tham nhũng chung quy có nghĩa là bán quyền lực. Có lẽ ở đâu cũng có sự bán quyền lực, khác nhau là ở quy mô. Tình hình làm ăn hiện nay ở Việt Nam đang làm cho tham nhũng phát triển. Trong một xã hội cộng sản tập trung, sự tham nhũng chừng nào bị lệch dòng (*deflected*) vì thiếu vắng thị trường. Các đặc lợi phát sinh từ các đặc quyền hơn là do buôn bán quyền thế. Trong những xã hội dân chủ, do không giữ được (hoặc ít giữ được) bí mật, nên ở chừng mực nào đó, sự tham nhũng bị ngăn chặn, hay hạn chế ; người ta không (hoặc ít) dám buôn bán quyền lực vì sợ bị tố cáo hoặc truy tố. Còn ở

Việt Nam hiện nay, chúng tôi gặp cả hai cái nạn ấy cộng lại : một thị trường mặc sức phát triển trong đó quyền lực là một thứ hàng hoá buôn bán lại, song song tồn tại với một giới cầm quyền giữ bí mật cao độ. Vừa qua có vụ hoá giá nhà ở thành phố Hồ Chí Minh, cán bộ cấp cao được mua nhà công với giá rẻ, và bán lại với giá thật cao, chúng tôi đòi công bố danh sách, song người ta lờ đi. Hệ thống chính trị này không cho phép công bố đầy đủ thông tin về tham nhũng trong những vụ việc có quy mô quá lớn như vậy.

ST : *Tôi muốn trả lại vấn đề dân chủ : ông có cho rằng “đối cực”, hay ít nhất, là cái cực kia, có thể phát triển từ ngay trong Quốc hội hiện nay không ?*

PĐD : Tôi không mấy tin tưởng vào Quốc hội mới được bầu [tháng 7.1992]. Cuộc bầu cử quốc hội vừa rồi là chọn giữa vài ứng cử viên đã được đảng và Mặt trận Tổ quốc lựa ra từ trước. Khoảng 40 người ra ứng cử độc lập, nhưng người ta chỉ chấp nhận cho 2 người ứng cử, và cả hai đều thất cử. Trình độ học vấn của các đại biểu khoá này cao hơn khoá trước, nhưng tôi không thấy ai có thể đóng một vai trò độc lập. Các cuộc thảo luận ở Quốc hội vẫn diễn ra trong lằn ranh do đảng vạch ra.

ST : *Thế thì ông đặt hy vọng vào đâu ? Vào giới trí thức ? Trong đại hội Đảng vừa qua, vai trò của trí thức đã được nâng cấp một cách đáng kể.*

PĐD : Trước khi bàn về vai trò trí thức, thủ hỏi : trí thức là ai ? ở Việt Nam có hay không có một giới trí thức, một lực lượng trí thức độc lập về xã hội và chính trị ? Đó là vấn đề quan trọng đặt ra cho mọi xã hội muốn thiết lập hay cải thiện chế độ dân chủ. Trước tiên, tôi muốn nói tới lớp những nhà trí thức đã được đào tạo dưới thời Pháp thuộc. Trong lớp này, có những nhân vật dũng cảm và đáng kính. Một vài vị còn sống nhưng không còn mấy ảnh hưởng. Thật ra, chỉ còn lại một số rất nhỏ. Chúng tôi quý trọng công lao của họ đối với dân tộc. Lớp thứ hai là một số đông những chuyên gia được đào tạo trong giai đoạn xã hội chủ nghĩa. Trái ngược với nền giáo dục thời Pháp, chế độ xã hội chủ nghĩa đào tạo ra những chuyên viên hơn là những trí thức. Chúng tôi có nhiều nhà toán học, nhà vật lý học, nhà sinh học, kỹ sư... và bây giờ thêm nhiều nhà kinh tế. Nhưng chưa bao giờ họ được học để suy nghĩ về các vấn đề của xã hội. Đảng nghĩ hộ cho mọi người. Ý thức chính trị của các chuyên viên nói chung là yếu. Những người giỏi tham gia chính quyền, và tự nhiên là đảng viên. Rất có thể nhiều chuyên viên, trong cuộc sống riêng, cũng có tư tưởng dân chủ, nhưng không có cách gì kiểm nghiệm điều đó cả. Thành phần thứ ba là những trí thức được đào tạo trước đây ở miền Nam. Phần đông đã bỏ đi. Tất nhiên có thể họ sẽ trở về giúp nước bằng cách này hay cách khác, nhưng muốn đóng một vai trò chính trị có ý nghĩa, thì người trí thức phải gần gũi nhân dân. Cuộc sống kéo dài ở hải ngoại không phải là mảnh đất thuận lợi cho một lực lượng trí thức tích cực. Cuối cùng là thanh niên, những người vừa được hay còn đang được đào tạo trong những năm gọi là đổi mới. Những năm gần đây, quả đã có một nền văn nghệ độc lập khởi sắc. Nhưng còn phải có thời gian thì các xu hướng nói trên mới có thể hình thành một lực lượng xã hội chính trị thực sự. Nói tóm lại, kết luận của tôi là hiện nay Việt Nam chưa có một giai cấp trí thức.

(xem tiếp trang 17)

Trần Đức Thảo, một kiếp người

TRẦN ĐÀO

Sinh thời Jean-Paul Sartre coi ông là một trong số rất hiếm những người mácxít không chìm đắm trong tung niêm, mà dám xông pha nơi biên ải của sự hiểu biết. Đúng là Trần Đức Thảo đã xông pha khi ông công bố *Phénoménologie et matérialisme dialectique* (Hiện tượng luận và chủ nghĩa duy vật biện chứng, Minh Tân, Paris 1951). Ông đã tìm cách thống nhất tính ý hướng (*intentionnalité*) của ý thức, tính tự do của con người với quá trình vận động của Lịch sử. Ông đã theo dõi những bước đi chập chững của sinh học cuối thập niên 1940, cố tìm ra nhịp cầu nối liền sự sống và tự duy. Ông đã choảng cả trọng khối của hiện thực vào quan điểm siêu việt (*transcendance*) của các bạn đồng song ở phố Ulm. Đối với các nhà " mácxít " chính thống, ông làm loé sáng cái *intentionnalité* rất có vấn đề. Hai sự khước từ ấy, hai đòi hỏi ấy, là nội lực quán xuyến những tác phẩm của ông. Trong cõi hỗn mang của Lịch sử, ông đòi trọng vẹn cả phần xác lẫn phần hồn. Một con người tự do. Đã 40 năm nay.

Ngày ấy, tương lai Trần Đức Thảo tưởng chừng rộng mở và sáng chóe. Rốt cuộc, nó tối om, như cái tiền đồ của chị Dậu trong *Tắt đèn*. Là người triệt để mácxít, ông không tin có thể phủi đời mà hiểu được con người. Sự thấu hiểu thế giới chỉ chớm nở, hưng phấn thông qua hành động. Ông muốn trả giá, trả nợ đời để được tự duy thân phận con người cho tới cùng :

« Phản thứ nhì của *Phénoménologie et matérialisme dialectique*

¹ Un itinéraire, édité par l'auteur, Paris 1992.

(1951) do đó đã dẫn tới một cái ngõ cụt, và lúc đó tôi đã hy vọng tìm ra giải pháp trong cuộc cách mạng Việt Nam. Cuối sách, khi nói tới " vận động hiện thực của lịch sử ", chính là tôi bồng gió nói tới cuộc cách mạng Việt Nam »¹.

Trung thành với truyền thống sĩ phu, ông xếp bút nghiên, rời Pháp về chiến khu Việt Nam. Con người tự do ấy đã tự biến mình thành chiến sĩ. Là nhà triết học, ông quyết định, qua chiến đấu, sẽ khắc tự do của mình trong quá trình xây dựng nhân cách của nhân loại.

Người ta kể lại rằng Trần Đức Thảo ước mơ thuyết giảng chủ nghĩa Mác cho các nhà lãnh đạo Đảng. Nếu đúng vậy, quả là bé cái lầm. Họ xếp ông vào một xó để dịch tác phẩm của tổng bí thư Trường Chinh ra tiếng Pháp, nhân tiện để dạy ông chủ nghĩa Mác hiện thực của guồng máy Đảng.

Chủ nhiệm Khoa sử Trường đại học tổng hợp, mà rồi Trần Đức Thảo bị cấm giảng dạy, phải dịch thuật lặt vặt để sống, phải bán dần bán mòn những bộ từ điển để ăn. Họ chặt đứt mọi liên hệ của ông với thế giới, họ cô lập ông ngay giữa đồng bào của mình. Ông vẫn nghiên cứu với những phương tiện trong tầm tay. Vẫn một nỗi ám ảnh khôn nguôi : làm sao, một ngày kia, liên hợp được những cõi rẽ vật chất, sinh học, lịch sử, xã hội của con người với ý thức tự do của nó. Lâu lâu, giữa hai đợt bom Mỹ, ta vắng nghe tiếng nói của Trần Đức Thảo. Đầu đó một bài nghiên cứu đăng trên một tạp chí. Ta biết ông còn sống, còn tự duy. Thế là đủ. Chẳng có gì đáng tự hào, cũng chẳng có gì phải dằn vặt

lương tâm. Còn bao nhiêu việc khác cấp bách, phải làm. Vả chăng, có điều luật văn minh nào kết tội sự thò o trước một tư duy đang lâm nguy ?

Rồi tới lúc họ bán tống bán tháo chủ nghĩa cộng sản. Bán, bán hết. Hải sản, dầu mỏ, hồng ngọc, gỗ quý... đàn ông, đàn bà, từng container, từng chuyến charter, Đông Tây Nam Bắc, đủ mười phương tám hướng... bán luôn cả linh hồn của Đảng. Ông chẳng bao giờ có gì để bán. Chỉ còn một điều để cho : sự đòi hỏi còn nguyên vẹn từ tuổi trẻ. Họ sử dụng ông một lần chót, để ông sang Paris gặp gỡ trí thức, bảo vệ cái lý tưởng mà họ đã hết tin tưởng. Biết đâu đây. Lầm to, cái lầm tất yếu của mọi vương triều trong buổi suy tàn. Trên mảnh đất năm nào đã loé lên tư tưởng của mình, Trần Đức Thảo đã tìm lại cõi rẽ của sự trưởng thành, hưng phấn của tuổi trẻ : " cái mà nội tâm của những năm chót thời tôi ở Pháp " ¹ đã tái khởi động ngay từ những ngày đầu của perestroika.

Tình cờ tôi được gặp ông, vài tháng trước khi ông chết. Ông sống đơn độc trong một căn phòng bé tí, rệu rã. Gián lùng thủng bò khắp nơi, trên tường, trên trần. Đôi mắt ông, đôi mắt sáng, tho ngây như mắt trẻ con, không thấy chúng. Bạn bè bảo tôi ông Thảo bây giờ lầm cảm rồi, bao nhiêu năm bị truy bức tâm thần của ông đã bị nhị phân (*schizophrénie*) rồi. Song tôi đã gặp một con người minh mẫn.

Biết ông đã từng tranh luận với Sartre, tôi hỏi ông nghĩ sao về tác phẩm *Phê phán lý trí biện chứng* (*Critique de la raison dialectique*). Ông nói : " Sartre là nhà triết học duy nhất đã đặt ra những câu hỏi đáng đặt ". Tôi lại hỏi về trước tác của ông, và nói thực là tôi thấy chúng máy móc. Ông khoát tay như muốn gạt chúng đi, và đưa cho tôi tác phẩm cuối cùng, còn dưới dạng bản nháp.

Ông nói đôi điều về cuộc sống của ông ở Paris. Mỗi ngày ông còn viết được một trang. Ông vẫn lạc quan, vẫn hy vọng, qua sự tiếp cận những khoa học mới, ông sẽ mở ra con đường mới. Ông chưa biết nhân loại

mảnh mai lấm, ông chưa tưởng tượng được quá khứ có thể vùi dập tương lai. Bạn bè muốn giúp ông, và ông thường từ khước. Ông quá sợ bị kết nạp vào các trường, các phái, các nhà thờ. Tôi hiểu ông đã lâm bệnh nặng. Căn bệnh của ông có một cái tên : Tự do. Ông muốn vận dụng nó để làm gì ? Hãy nghe ông nói, một lần chót :

« ...khi tự vấn mình, ý thức đòi hỏi cái *Thiện* trong hành động, cái *Chân* trong tri thức, và cái *Mi* trong sự hoàn thành các quá trình nghiệm sinh. Qua đó, ý thức biến thế giới tự nhiên thành một *nhân giới*, xứng đáng với con người » («...la conscience dans son appel à soi-même pose l'exigence du bien dans l'action, du vrai dans la connaissance, et du beau dans l'achèvement des processus vécus. Par là, la conscience fait du monde naturel un **monde humain**, valable pour l'homme »¹).

Cái *chân* trong tri thức ! Ông đã sống nhầm thời đại. Thời đại này chỉ biết *hiệu quả* trước mắt. Cái *thiện* trong hành động ! Ông đã chọn nhầm thế giới. Thế giới này chỉ tuân theo *lợi nhuận*. Cái *mi* trong sự hoàn thành các quá trình nghiệm sinh ! Ông đã nhầm nhân loại. Nhân loại hôm nay chỉ ao ước cơm áo, giải trí và những bức tường thành.

Không khuất phục được ông lúc sống, họ tìm cách quản lý cái chết của ông. Dưới ống kính máy quay phim, họ gắn một cái huân chương hạng hai lên quan tài. Muộn quá rồi. Ông đã ra đi, mang theo hoài bão, chỉ để lại một sự đòi hỏi, cho những cuộc đời thăm lặng. Người chiến sĩ, người cộng sản, nhà tư tưởng không hề bỏ cuộc ấy đã ra đi. Sống như ông đã phải sống, có lẽ chỉ có thể chết như ông đã chết. Tôi hồi tưởng đôi mắt ông, đôi mắt sáng, thơ ngây tựa mắt trẻ con. Và tôi tự nhủ, xét cho cùng, đời ông thật buồn mà thật đẹp, vì ông đã biết chết như chẳng mấy người biết sống, sống mà không hề bán mình. Trần Đức Thảo là một nhà triết học chân chính.

30.4.1993

TRẦN ĐẠO
(KIẾN VĂN chuyển ngữ)



Bác Thảo

Thế là Bác đã ra đi. Vĩnh viễn ra đi.

Một số bạn bè khóc vì Bác đã ra đi nơi đất khách quê người. Cháu thì chẳng nghĩ thế : Bác đã cố tìm về mảnh đất thân yêu, nơi đã giúp Bác gây trồng và nuôi nấng những hạt giống tự do, bác ái đầu tiên trong đời Bác, mảnh đất, nơi mà Bác đã có lần ngang dọc, sục sạo để tìm ra ý nghĩa cho cuộc sống của Bác và của cả nhân loại, mảnh đất của *Vang bóng một thời*. Vang Bác đã tìm lại về đây, để rồi mãi mãi gởi gắm linh hồn nơi đây, như con thuyền ngang dọc đã tìm về một bờ bến hiền lành để vĩnh viễn thả neo. Vì cháu vẫn nghĩ “ bến hiền thuyền đậu ”.

Xe tang thẫn thờ, chậm chạp len qua những nẻo đường thủ đô. Trời đã vào xuân sao nắng vẫn hắt hiu, gió vẫn lạnh lùng và mây trời vẫn bát ngát ? Xe rong rủi qua Port Royal, cạnh khu nhà Bác ở. Hình ảnh một cụ già gầy đét cõi cất bước ra vào vườn Lục Xâm Bảo — không phải để hóng mát ngắm hoa vì trời độ ấy vẫn còn giá rét — mà là để trốn mùi nồng nặc của loại thuốc diệt gián ở căn phòng bé tí tẹo, làm tim cháu thắt lại.

Cháu không được biết Bác bao nhiêu, cháu chỉ nghe tiếng Bác thật nhiều vào những năm *Nhân văn Giai Phẩm*. Triết học không phải là một đề tài làm cháu bận lòng, nên tên Bác đến với cháu chỉ mang nhiều kính phục của một người đứng ngoài cuộc đang chiêm ngưỡng một thiên tài mang nhiều huyền thoại.

Thế rồi, số phận rủi run, cháu may mắn được gặp Bác trong

những ngày cuối cùng. Cháu lại kính phục và yêu mến Bác hơn.

Tuổi tác, sức khoẻ, cuộc sống vật chất khó khăn đã không hề là những trở ngại cho công cuộc tìm tòi và nghiên cứu của Bác. Nhìn Bác làm việc, viết lách, đòi hỏi tài liệu này, tài liệu nọ, sửa soạn bài vở cho những cuộc đi xa, cháu tưởng như cuộc đời sẽ kéo dài đến vô tận và chẳng gì ngăn cản được bước chân ai.

Bóng sáng nay, trong nhà xác, cháu ngắn ngø, nghẹn ngào chiêm ngưỡng khuôn mặt hiền lành và thanh thản của Bác, và cháu chợt nhận ra rằng đời Bác quá mang toàn bất trắc, bất công và bất hạnh. Giá như năm nào Bác chẳng quay về quê cũ với những ước vọng bao la, thì giờ đây Bác sẽ ra sao ? Âu cũng là định mệnh. Bác sẽ chẳng bằng lòng, vì định mệnh không hề có chỗ đứng trong tâm hồn Bác, nhưng cũng chẳng chối cãi được rằng định mệnh đã an bài mọi việc để rồi sáng nay chúng cháu lại phải tiễn Bác đến tận Père Lachaise.

Sáng nay ai khóc Bác đây ? Họ chẳng chỉ có tiếng gió lặng lờ len qua cành lá của khu vườn Lục Xâm Bảo và dòng sông Seine đục nước man mác đổ ra khơi, báo hiệu cho một ngày xấu trời tiễn đưa người xấu số.

Văng vẳng đâu đây tiếng hát xa xôi lan toả trong không gian của vòm trời ký ức : “ *Hạt bụi nào hoá kiếp thân tôi, để một mai...* ”

và

Cát bụi lại trở về cát bụi.

Paris ngày hỏa thiêu Bác, 28.4.93

PHAN TAM KHÊ

diễn ảnh

FROM HOLLYWOOD TO HANOI

hay là

con đường của Tiana, người con gái thế hệ 2

Tiana là cái tên Mỹ hoá gọn gàng của cô **Dư Thị Thanh Nga**. Ở Pháp, chúng ta chưa quen Tiana. Nhưng ở Mỹ, những ai đã coi bộ phim TV *Pearl* (nhân dịp 50 năm trận Trân châu cảng *Pearl Harbor*), thì đều biết Tiana Thi Thanh Nga, cũng như những ai khoái phim chưởng *made in Hollywood*, vì với thắt lưng đen, Tiana còn được gọi là “*Female Bruce Lee*” (*Nữ Lý Tiểu Long*). Cô gái võ nghệ cao cường này còn hát, còn soạn nhạc, còn nhảy múa, nhuộm tóc để tóc như Tina Turner, vuốt lông mi dài cong như Jane Fonda thời *Barbarella* vân vân và vân vân, tóm lại, cô phải làm đủ trò để sống được, ngoi lên được ở Hollywood.

Cái gì đã đưa đẩy một *tiểu minh tinh* như Tiana đi từ Hollywood đến Hà Nội ? Khoảng cách giữa hai địa điểm này không phải chỉ đo bằng chiều rộng của Thái Bình Dương. Có cả một vực thẳm, văn hoá, xã hội, chính trị ngăn cách thế giới của Tiana và quảng trường Ba Đình.

Tiana đúng là một cô Mỹ con : tuy không sinh đẻ tại Mỹ, nhưng sang Mỹ từ lúc 5 tuổi, và lớn lên trong khí hậu xã hội, văn hoá Hoa Kỳ. Đó là năm 1966 : Mỹ đã đổ bộ lên Đà Nẵng được một năm, và bắt đầu ném bom Hải Phòng. Cha cô, ông Dư Phước Long là giám đốc báo chí bộ ngoại giao Việt Nam cộng hoà. Theo đạo Tin Lành (họ Du đường như là dòng họ đầu tiên ở Đà Nẵng theo đạo Tin lành), ông thấy không thể sống với Cộng sản, và ông thấy miền Nam quá thối nát để đứng vững. Ông đã quyết định đi Mỹ, và trên chuyến máy bay cất cánh năm 1966, ông dặn dò con cái hãy nhìn đất nước Việt Nam *một lần cuối cùng*.

Mọi sự diễn ra không khác dự đoán của ông : 9 năm sau, “miền Nam” của ông sụp đổ, những người bạn thân của ông, như ông Trần Trung Dũng, đại thần nhà Ngô, phải di cải tạo mứt mùa, bao người khác may hơn, chạy sang đến Mỹ. Từ 1975 đến nay, ông viết báo, hoạt động hội đoàn ở Cali, kiên trì lập trường chống Cộng.

Người ta có thể hình dung ra *cái sốc* của Dư Phước Long khi con gái ông, năm 1988, quyết định đi Việt Nam “cho biết”. Và từ đó đến nay, Tiana đi Việt Nam 12 lần. Lần đầu mang về tặng ông món quà làm tại quê hương Đà Nẵng của ông, nhưng, eo ôi, lại là chiếc mũ cối bộ đội màu kaki xanh lè dễ ghét dể sợ.

Tất nhiên, ông Dư Phước Long không thể không xúc động khi Tiana mang về cho ông băng hình ảnh, băng ghi âm ông Trần Trung Dũng sau 13 năm tù đầy vẫn kiên trì ghét cộng

sản. Nhưng, cùng với hình ảnh người bạn già, cùng với hình ảnh bà con thân thuộc, ông còn phải chịu đựng hình ảnh những Võ Nguyên Giáp, Phạm Văn Đồng, Lê Đức Thọ... nói chuyện với con gái ông thân mật như với con cháu ở nhà.

Từ đó, người ta có thể hình dung ra phản ứng của giới chống Cộng tại San Jose thủ đô tị nạn khi cuốn phim *From Hollywood to Hanoi* được đem ra chiếu trong khuôn khổ một festival điện ảnh Á-Mỹ. Và ngược lại, những lời tuyên bố chống Cộng của người này người kia trong phim tất cung khó qua khỏi cửa ải *Ban văn hoá tư tưởng trung ương* nếu Tiana muốn cuốn phim của cô được chiếu rộng rãi ở Việt Nam.

Qua thái độ này, một lần nữa có sự gặp nhau giữa hai xu hướng “Cộng” và “chống Cộng” — xin bạn đọc chú ý là tôi để hai tính từ này trong ngoặc kép, và bỏ chung chúng nó vào cái rỗng ngữ chính xác nhất : *phản động*, theo nghĩa chính trị học khách quan của từ này, *xu hướng muốn quay ngược về quá khứ*.

Với cái nhìn *phản động* ấy, người ta xem phim của Tiana bằng con mắt chính trị, và tất nhiên không nắm bắt được thông điệp chủ yếu của nó : cuộc đi tìm quê hương của một cô gái nửa Việt nửa Mỹ, nghĩa là không Việt không Mỹ. Tiana đi thăm Việt Nam cũng tự nhiên như cô mặc bộ quần áo *bò* (jean) mà leo lên lưng trâu vậy. Cô đến Hà Nội, tối xem lăng cụ Hồ, vì cô nhớ thuở nhỏ, mỗi lần biếng ăn, bị cha mẹ doạ ném ra miền Bắc cho Hồ Chí Minh xé xác ra nhai ngấu nhai nghiến !

From Hollywood to Hanoi là một cuốn phim tư liệu, theo nghĩa nó không phải là một cuốn phim truyện, hư cấu, nhưng nó thuộc dòng *phim tư liệu chủ quan*, một thứ bút ký điện ảnh từ đầu đến cuối xưng *tôi*. Và khi *tôi* là một phụ nữ ba mươi tuổi lớn lên trong nhạc rock và trước màn ảnh tivi, thì tiết tấu, nhịp điệu hình ảnh cũng dồn dập, nhấn lệch (syncopé), rậm rật, quay cuồng. Phong cách dựng phim của Tiana độc đáo, nhạy bén : *From Hollywood to Hanoi* là một thành công lớn về mặt tiết tấu dựng phim (montage).

Nó là cái nhìn thoả mái của một thế hệ không mặc cảm, hay đúng hơn đã bỏ lại sau lưng những mặc cảm của thế hệ cha anh. Thanh Nga, do đó, là *một ống kính tiêu biểu*, cũng như Vũ Quỳnh N.H. (tác giả truyện ngắn *Đảo rùa dǎng* trong số này) là *một ngòi bút tiêu biểu* của thế hệ trẻ Việt Nam lớn lên ở Mỹ. Vũ Quỳnh N.H. sang Mỹ năm 1975 khi cô mới khoảng mười tuổi, và bắt đầu sáng tác bằng tiếng Anh, trước khi quyết định tra từ điển Anh-Việt, học tiếng Việt, để viết truyện bằng Việt ngữ. Tiana Thành Nga may mắn hơn, ngôn ngữ cô sử dụng không cần phải phiên dịch, nhưng thật ra, cô đã chọn con đường khó khăn : trong thời buổi điện ảnh khủng hoảng này, ai chịu bỏ thời giờ và bỏ tiền đi xem một cuốn phim tư liệu ?

Con đường mà Tiana đã chọn đòi hỏi nhiều dũng cảm và may mắn. Tôi biết cô không thiếu dũng cảm. Nên xin chúc cô nhiều may mắn. Tôi biết cô còn bao nhiêu dự án. Một kịch bản phim truyện đã bắt đầu. Một bộ phim tư liệu thứ nhì, thứ ba... vì trong 5 năm và 12 chuyến đi, cô đã quay 75 giờ phim. Mà *From Hollywood to Hanoi* chỉ dài 80 phút.

Kiến Văn

Festival điện ảnh CANNES

Mùi du đủ xanh L'ODEUR de la PAPAYE VERTE phim của Trần Anh Hùng

Ngày 9.6.1993, cuốn phim *Mùi du đủ xanh* (*L'odeur de la papaye verte*) sẽ ra mắt công chúng Paris cùng lúc tại nhiều rạp chiếu bóng (14 Juillet Odéon, 14 Juillet Bastille, Gaumont Ambassade Champs-Elysées, Gaumont Italie, Pagode). Đây là bộ phim truyện (dài) đầu tay của đạo diễn Trần Anh Hùng. Nhà sản xuất (Lazennec, cộng tác với SFP và La Sept Cinéma) cũng đã ký hợp đồng chiếu phim tại Nhật và Mỹ.

Là cuốn phim đầu tay, *L'odeur de la papaye verte* đã gây được sự chú ý lớn khi nó được tuyển chọn chính thức vào chương trình *Un certain regard* của Liên hoan phim Cannes lần thứ 46. Và giới phê bình điện ảnh đã Pháp đón nhận tác phẩm của Trần Anh Hùng với nhiều thiện cảm, thậm chí nhiệt tình. Báo *Libération* sau khi giới thiệu *Mùi du đủ xanh* (ngày 18.5), đã dành trọn một trang để phỏng vấn đạo diễn (19.5). *L'Humanité* (19.5) thì nửa nạc nửa mỡ, có lẽ vì nhà phê bình J.R. không đồng điệu với một “tác phẩm lai tạo nửa Đông nửa Tây, có phần chân thực, có phần cải lương” mặc dầu phải thừa nhận “bố cục tinh tế”. Nồng nhiệt hơn cả là phóng viên điện ảnh *Le Quotidien de Paris* (18.5). Bài báo đặt trọng tâm vào cuốn phim *Bài học dương cầm* của Jane Campion (mà nhiều người chờ đợi sẽ giành Cành cọ vàng 1993), nhưng lại mở đầu như sau : « *Mùi du đủ xanh* phảng phất không khí Festival de Cannes, một mùi hương dù dịu, ngây ngất, khó quên. Cuộc thi đua điện ảnh nào cũng có viên ngọc trai thầm kín, không nằm trong danh sách dự thi. Năm nay, đó là *Mùi du đủ xanh*. Cuốn phim Việt Nam đầu tiên này không dự thi, mà bị biệt giam trong chương trình Un certain regard. Nhưng nó đã gây ngạc nhiên và quyết rũ, trước tiên là báo chí đua nhau tìm gặp tác giả. Trần Anh Hùng, xin nhớ lấy tên anh, đã chọn con đường ngang, không đi qua chiến tranh, thời thuộc địa hay cuộc giải thực. *Mùi du đủ xanh* là hòn ngọc quý của nền văn hoá Việt Nam ».

Trần Anh Hùng sinh năm 1962 tại Mỹ Tho. Thuở nhỏ sống ở miền Nam, hai năm ở Lào, rồi sang Pháp năm 1975. Đỗ tú tài ban A (văn chương), xem phim *Poussière d'empire* của Lê Lâm (1983), và quyết định làm điện ảnh. Nhưng không vào khoá đạo diễn IDHEC mà chỉ học kỹ thuật quay phim ở Trường Louis Lumière (1985-87), vì anh quan niệm chỉ có kỹ thuật mới phải học, học cho biết, học để rồi quên, chứ còn việc đạo diễn thì không học ở đâu được cả, có tài hay không có tài, họa chăng là qua xem phim của người khác. Người khác, đối với Trần Anh Hùng, dường như chỉ có Bergman và Bresson.

Bạn đọc quen thuộc với điện ảnh nghệ thuật chỉ cần nghe hai cái tên Bergman và Bresson cũng đủ rõ Trần Anh Hùng

không có ý làm một cuốn phim quảng cáo du lịch vịnh Hạ Long hay sông nước Cửu Long (tôi không có ý chê bai gì *L'Indochine* của Régis Wargnier, một phim tình cảm hay và tiến bộ, hay *L'Amant* của Jean-Jacques Annaud). Cùng năm 1991, Hùng cũng về nước — lần đầu — để thăm dò khả năng quay *Mùi du đủ xanh* ngay tại Việt Nam. Dự án không thành, chủ yếu vì những nguyên nhân tài chính, trong đó phải nói : những cơ quan hữu trách ở Việt Nam chưa biết phân biệt những bộ phim đồ sộ được đầu tư hàng chục hay cả trăm triệu đô la, với ngân sách khiêm tốn mà Trần Anh Hùng tìm ra (trước đây, Hồ Quang Minh đã gặp tình huống này).

Thế là cả cuốn phim — mà báo chí chào đón như cuốn phim Việt Nam tham gia liên hoan Cannes — chỉ có những âm thanh ngoại cảnh (tiếng giun dế, côn trùng ?) là được ghi âm và mang từ Việt Nam sang. Còn tất cả ngoại cảnh, nội thất được xây dựng ở phim trường Bry-sur-Marne của hãng SFP ! Diễn viên (trừ nữ diễn viên chuyên nghiệp Nguyễn Anh Hoa từ Việt Nam sang) đều là những diễn viên không chuyên nghiệp (kể cả vai chính Trần Nữ Yên Khê, tất nhiên đã đóng trong hai phim ngắn đầu tay của Hùng là *Thiếu phụ Nam Xương*, 1987, và *La pierre de l'attente*, 1991).

Tôi xin phép không tóm tắt truyện phim, vì phim của Trần Anh Hùng tạo xúc động không phải trong những tình cảnh éo le hay những pha giật gân mà bằng thẩm mỹ của hình ảnh, bố cục, tiết tấu, không khí, âm nhạc, âm thanh (nhạc trong *Mùi du đủ xanh* là của Tôn Thất Tiết). Vì một lý do ngoài ý muốn, tôi không xem kịp cuốn phim, nên xin khất một lần sau sẽ viết bài phê bình. Nhưng với những gì được biết về tài năng đầy hứa hẹn của Hùng trong cuốn phim tốt nghiệp *Thiếu phụ Nam Xương*, và qua phản ứng của báo chí, tôi có thể an tâm mời bạn đọc đi coi *Mùi du đủ xanh*.

Kiến Văn

Phiếu mua báo Điện Đàm

Họ và tên.....

Địa chỉ

.....Điện thoại :

mua một năm báo Điện Đàm kể từ số.....

Kèm theo đây là ngân phiếuFF

đề tên DIEN DAN gồm :

.....FF là tiền mua báo (Pháp nội địa : 250 FF, châu Âu ngoài Pháp : 280 FF ; các tỉnh và lãnh thổ DOM-TOM của Pháp, và các nước ngoài châu Âu : 330 FF)

.....FF là tiền ủng hộ.

Xin gửi phiếu này và séc (hoặc money order) về địa chỉ : DIEN DAN, B.P. 50, 92340 BOURG-LA-REINE (FRANCE).

Riêng bạn đọc ở Đức có thể gửi séc 80 DM cho ông TRAN, Am Stadtpark 6, 8458 SULZBACH-ROSENBERG hoặc chuyển khoản vào trương mục (Überweisung)

TRAN (Bank : STADT & KREISSPARKASSE, SULZBACH-ROSENBERG, Konto : № 21 09 700 BLZ 752 517 80)

chữ tay trong văn ta

ĐĂNG TIẾN



Bạn đọc thường trách các tác giả ở nước ngoài khi viết tiếng Việt, thường xen ngoại ngữ, chủ yếu là tiếng Anh, tiếng Pháp. Dù có lời chú thích tiếng Việt phụ đề, lời xen kẽ này vẫn làm người đọc khó chịu, vì phải đọc một ngôn ngữ không thuần khiết, thậm chí dễ dãi và lai căng.

Tình trạng quả có đáng phàn nàn, nhưng đương như không tránh được. Khuynh hướng văn chương trên thế giới, nói chung là đi gần lại với lời ăn tiếng nói hằng ngày. Ví dụ Việt Nam : trước kia các cụ chỉ có thơ phú, tức là văn vần và biên ngẫu, khi viết văn xuôi thì viết bằng chữ Hán. Từ thời Pháp thuộc, ta mới học viết văn xuôi, nhưng văn xuôi thời phôi thai còn xa tiếng nói hằng ngày. Ngay cả Nhất Linh, trong *Nho Phong* hay *Người Quay Tơ*, còn viết văn lên bồng xuống trầm, đấy là không kể những lệ ký, lệ sử não nùng. Phải đợi đến những năm đầu thập niên 1930 các tác giả mới hành văn đơn giản, từ cú pháp đến từ vựng. Có hệ thống nhất là nhóm *Tự lực văn đoàn* với các báo *Phong hoá*, *Ngày nay*.

Thời đó, người viết văn thường dùng thổ ngữ Hà Nội làm tiếng chuẩn ; viết văn thì phải theo lối *Nam phong*, *Tự lực*. Hồ Biểu Chánh ở miền Nam chỉ là một trường hợp đơn lẻ đưa tiếng nói hằng ngày miệt Nam Bộ vào tiểu thuyết ; nhưng sách ông chỉ phổ biến ở Nam Bộ. Một nhà phê bình uyên bác như Vũ Ngọc Phan đã đọc Hồ Biểu Chánh qua tiểu thuyết đăng báo trên *Phụ nữ tân văn* và hiểu nhầm xứ Thổ miền Nam thành xứ Muồng miền Bắc. Một người lịch lãm như Tân Đà mà khi giải thích truyện Kiều không biết chữ *dạ ran* thông dụng miền Trung trong câu “ a hoàn trên dưới dạ ran ”. Nhưng dần dần, với hai cuộc kháng chiến, làng mạc và nông dân Việt Nam từ Tây Bắc đến mũi Cà Mau đã đi vào văn học với tiếng nói địa phương. Người đọc toàn quốc phải học tập toàn bộ tiếng nói của đồng bào cả nước để hiểu văn chương, nhưng không phải lúc nào cũng dễ tiếp thu. Xuân Diệu, cha *Dàng Ngoài mẹ Đàng Trong*, rất thiết tha với sự nghiệp thống nhất đất nước, đã gay gắt với bài thơ *Lời quê* của Hồ Chí Minh vì nhiều tiếng địa phương Bình Trị Thiên. Tác phẩm in tại miền Nam có khi phải ghi chú. Trong truyện *Đất* của Anh Đức, chữ *bánh té* được giải thích là “ *bánh chưng* Nam Bộ, gói thành đòn tròn và dài như gói giò ” (!) [1970]; trong *Truyện và Ký* của Nguyễn Thi, *bánh tráng* được dịch ra *bánh đa*, con heo là *con lợn*, nhảy mũi là *hắt hơi*...[1978]. Ngược lại, nhà văn Bình Nguyên Lộc đã từng tra cứu nguồn gốc tiếng Việt, mà không biết những từ *gành*, *lô láo* trong Kiều. Trong tuy bút *Quê vừa xuất bản* (California, 1992), Võ Phiến cho biết

nhiều người Bình Định, quê ông, không biết chữ *láng giềng* và vì vậy “ câu hát ”

*Lạnh lùng thay láng giềng ơi
Láng giềng lạnh ít sao tôi lạnh nhiều*

được chế biến :

*Lạnh lùng thay í bạn miềng ơi
Bạn miềng lạnh ít cõ sao tui lạnh à nhiều
Hê ê.... hò hê.*

Khi văn chương đi gần đến lời ăn tiếng nói hằng ngày thì văn chương Việt Nam tại Mỹ, tại Pháp phản ánh cách diễn đạt của Việt kiều, để lọt vào nhiều tiếng Anh, tiếng Pháp thông dụng. Đó gần như là lẽ thường tình.

Nhà văn Võ Phiến sử dụng tiếng Việt rất thận trọng và tinh vi. Lúc mới di tản sang Mỹ, 1975, ông đã có những nhận xét hóm hỉnh về tiếng Mỹ : cái gì hay, đẹp lại gọi là *khai* (kind), giáo đường nơi lễ bái thiêng liêng gọi là *trốt* (church), thiên nhiên huyền nhiệm gọi là *náy tro* (nature) v.v... Nhưng khi ông viết văn, truyện ngắn hay tuỳ bút, ông cũng xen kẽ tiếng Mỹ. Đó là tiếng nói của cuộc sống. Lúc đầu, Võ Phiến đã từng lo ngại không còn viết lách gì được nữa, vì không còn ngôn ngữ : “ *Ngôn ngữ nó trung thành với nếp sống xã hội, cho nên kẻ ra đi còn mong gì. Ra đi chúng ta sống tản mát, không thành xã hội riêng. Chúng ta làm mất điều kiện sinh trưởng của ngôn ngữ mình (...) Tiếc thay, những kẻ lưu lạc như chúng ta không tập hợp được thành một xã hội, một cộng đồng riêng. Chúng ta sống kẻ ở đầu thành phố người ở cuối thị trấn (...) Những cá nhân rặc rời không thể đặt ra tiếng mới ; những trao đổi chốc lát, bất thường, không thể làm bật ra tiếng mới... Tiếng nói chúng ta rồi sẽ không còn phản ánh được cái sinh hoạt hay cái tâm tình của cộng đồng nào hết, của thời đại nào hết (...) Điều chúng ta đang nói đây là cái Việt ngữ của kẻ ly hương : dần dà nó mất tính cách sinh động. Chúng ta đưa nó đi, cố giữ nó, nhưng sẽ giữ nó như thế giũ gìn một cái xác ướp* ” (Tựa của *Thư gửi bạn*, 1976).

Nhưng rồi Võ Phiến vẫn tiếp tục sáng tác, cùng với nhiều nhà văn khác tại nước ngoài, tạo ra được một nền văn chương hải ngoại ! Chúng ta nên mừng, và chào mừng, và không nên đặt ra những rào giật không thực tế. Tiếng Việt ở nước ngoài pha trộn tiếng địa phương nước ngoài, cũng như văn thơ trong nước đang đổi đổi lời ăn cách nói địa phương trong nước. Đó là quy luật mà người đọc phải từ tốn chấp nhận. Năm 1956 tại Sài Gòn khi xuất bản tập thơ *Tôi Không Còn Cố Độc* là mắt lì tai, Thanh Tâm Tuyền đã khẳng định ở trang đầu : “ *Ở đây tôi là vị hoàng đế đầy đủ quyền uy. Bởi vì người vào trong đất đai của tôi* ”. Quyền uy đó là tự do sáng tác, về mặt tư tưởng và ngôn ngữ, trong một xã hội dân chủ và tiến bộ. Người đọc không nên đòi hỏi quá đáng ; dĩ nhiên là nhà văn cần biết giới hạn sở thích của mình trong sự tôn trọng độc giả. Viết kiểu gì cũng được, nhưng không bừa bãi. Người ta có thể thích hay không lối thơ Thanh Tâm Tuyền, lối văn Võ Phiến... nhưng không nghe ai nói hai ông ấy viết bừa bãi.

Người viết văn thường lo làm sao cho câu văn sáng sủa. Đôi khi chèm vào một tiếng nước ngoài là người đọc hiểu ngay ; dĩ nhiên là có trường hợp ngược lại một từ ngoại lai làm câu văn tối nghĩa. Khi viết về tập thơ *Lá* (12.1992) của Văn Cao, tôi có kể lại chuyện học giả Levi-Strauss châm suy nghĩ

về thuyết cấu trúc khi nhìn một đoá hoa bồ công anh. Câu chuyện lý thú ở chỗ : một hệ thống tư tưởng lớn lao và phức tạp có khi nhấp nháń từ một hình ảnh đơn giản. Nhưng muốn lý thú thì phải thấy cái đơn giản, phải biết bồ công anh là hoa gì. Thêm một chữ Pháp *pissenlit* thì nhiều người thấy ngay ; muốn cẩn thận, tôi còn thêm chữ Anh *dandelion* cho bạn đọc ở Mỹ dễ hiểu. Toà soạn *Diễn Đàn* cho rằng tôi viết sai chính tả... tiếng Pháp, bèn sửa lại thành chữ Pháp *dent-de-lion*. Lãng xẹc. Nghiêm lại đời mình có hai cái sợ : là sợ nhanh vượt và sợ sự tử. Bây giờ trong một chữ mà hai lần toát mồ hôi. Nhưng từ ấy đến nay, tôi vẫn chưa nói gì với ban biên tập, sợ phụ hảo ý của anh em.

ĐẶNG TIẾN

Chém cha cái số hoa đào !

Bài *Hoa đào năm ngoái* của Đặng Tiến (*Diễn Đàn* số 19) vì nhận được và đánh máy vào giờ chót, nên có nhiều sai sót. Toà soạn xin tạ lỗi bạn đọc và tác giả.

Nghiêm trọng hơn cả là ở đoạn cuối trang 20, chúng tôi đã nhảy 4 dòng bản thảo ! Nay xin đăng lại cả đoạn :

« Nguyễn Du giữ lại hình ảnh hoa đào. Vừa dễ dàng vừa đặc dụng, vì “năm ngoái” chàng Kim đã thấy nàng Kiều “dưới đào đường có bóng người thoát tha”. Bốn câu sau, chàng đã nhất được cành kim thoa trên một nhánh đào, và đây là đầu mối của tình yêu : “chẳng duyên chưa dễ vào tay ai cầm”. Rồi *Đã biết tuổi vàng* từ một cành thoa dưới hoa đào » [đoạn gạch dưới là đoạn đã bị bỏ sót].

Trước đó 5 dòng, thay vì “một khái niệm khái quát”, xin đọc là “một khái niệm khách quan”.

Đáng trách hơn cả là câu “*Hoa đào năm ngoái còn cười gió đông*”. Trong bài của Nguyễn Hữu Thành (số 17), chúng tôi đánh sai *năm ngoái* thành *năm trước*. Số 20, nhân bài Đặng Tiến, chúng tôi đã dính chính ở phụ chú cuối trang 20. Ấy vậy mà, cùng một cột báo, trên đó mấy dòng, vẫn “*Hoa đào năm... trước*”.

Vậy có thể rằng :

*Chém cha cái lỗi hoa đào
Moi ra rồi lại mắc vào như chơi.*

DIỄN ĐÀN FORUM

Chủ nhiệm: Hà Dương Tường

Tổng biên tập: Trần Hải Hạc

Ban chủ biên: Trần Hải Hạc, Nguyễn Ngọc Giao, Bùi Mộng Hùng, Hà Dương Tường, Lê Văn Cường

Ban biên tập, kỹ thuật, quản lý:

Vũ An, Trần Đạo, Nguyễn Lộc, Hoàng Lê, Tuấn Linh, Nguyễn Trọng Nghĩa, Văn Ngọc, Thoại Phong, Nguyễn Quang, Phong Quang, Bảo Tâm, Thanh Thanh, Vũ Thanh, Nguyễn Thắng, Hàn Thuỷ, Đặng Tiến, Nam Trần, Hoài Văn, Kiến Văn, Hải Vân, Hòa Vân

Phỏng vấn PHAN ĐÌNH DIỆU...

(tiếp theo trang 11)

ST : Nghĩa là nhìn về toàn cục thì ông bí quan ? Hay ông còn thấy có hy vọng ở đâu đó ?

PĐD : Tôi nói điều này chắc ông ngạc nhiên : mặc dầu tôi đã nói như ở trên về sự chuyên chế của đảng cộng sản, song tôi vẫn hy vọng là đảng cộng sản tự nó sẽ thay đổi. Những ai suy nghĩ một cách có trách nhiệm về tiền đồ dân tộc tất phải tán thành sự thay đổi trong ổn định. Cách tốt nhất để thực hiện việc này là thuyết phục đảng cộng sản phải biết nhìn nhận thực tế và từ bỏ con đường cũ. Tôi đã soạn những bản kiến nghị và nói với những nhà lãnh đạo đảng. Ít nhất họ đã nghe tôi nói. Theo tôi, đảng cộng sản Việt Nam có hai mặt, mặt cộng sản và mặt yêu nước. Nó nên giữ mặt thứ nhì và bỏ mặt thứ nhất, nó có thể tự biến đổi thành một lực lượng yêu nước chân chính. Theo chỗ tôi biết, có những nhà lãnh đạo cấp cao là những người rất chân thành.

ST : Nhưng làm thế nào đi tới cái thế lưỡng cực ?

PĐD : Đây chính là sự thử thách lớn về tinh thần trách nhiệm và sự dũng cảm của giới lãnh đạo. Nếu họ thực sự yêu nước thương dân thì họ phải chấp nhận biến đảng trở thành một đảng dân tộc, tôn trọng đầy đủ các quyền tự do cơ bản và tổ chức bầu cử tự do. Trong điều kiện đó, những tổ chức chính trị khác sẽ xuất hiện, từng bước triển khai thành một lực lượng đối lập xây dựng. Nếu đảng cộng sản tự cải tạo trong quá trình đó, thì trong suốt một thời gian dài, nó có thể thắng cử.

ST : Ông có nghĩ rằng ông có thể đóng một vai trò trong tiến trình biến đổi đó hay không ? Phan Đình Diệu phải chẳng là Sakharov của Việt Nam ?

PĐD : Như tôi đã nói ở trên, tôi không phải là một chính khách và tôi không có tham vọng (chính trị). Song, với tư cách một nhà khoa học và một công dân yêu nước, tôi muốn tham gia việc nước. Dân chủ là tham gia việc nước.

Stein TØNNESSON

Sinh năm 1937 (giấy tờ chính thức đề năm 1936) tại Nghệ Tĩnh (đóng dấu Phan Đình Phùng), Phan Đình Diệu theo học trung học và năm đầu đại học trong vùng tự do khu 4. Tốt nghiệp khoa toán Trường đại học tổng hợp Hà Nội, dạy học. Năm 1962, sang học ở Liên Xô. Năm 1967, về nước sau khi bảo vệ luận án tiến sĩ toán học.

Từ năm 1977 đến 1985, phụ trách Trung tâm tin học. Hiện là phó viện trưởng Viện khoa học Việt Nam. Nghiên cứu về trí tuệ nhân tạo.

Phan Đình Diệu không phải là đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam (có lúc được đề nghị kết nạp, nhưng ông từ chối, nói bao giờ có hai đảng cộng sản, có thể ông sẽ gia nhập một trong hai đảng đó), song ông được xếp vào loại trí thức được chế độ trọng dụng. Ông đã được cử làm đại biểu Quốc hội liên tiếp trong hai khóa (1974-1981). Sự nghiệp dân cử của ông được chấm dứt sau khi Phan Đình Diệu phát biểu trong một cuộc họp tổ ở Quốc hội : ông Lê Duẩn cực kỳ vĩ đại, và sẽ vĩ đại hơn nữa nếu ông từ chức !

TỪ KHÔNG LỘ đến KHÔNG LỒ



NGUYỄN TRỌNG NGHĨA

Giới thiệu quyển sách về làng Hành Thiện của Đặng Hữu Thụ (D.D. số 18, tr. 26), Kiến Văn đã nồng nhiệt ca ngợi (chắc là khách quan thôi) "công phu" của tác giả : anh xem cuốn sách này như là một "kho tư liệu quý về một thời đã qua" dù "chỉ là một sơ thảo". Anh chỉ chê có một điều : "chính tả và dấu thanh còn nhiều sai sót". Và anh đưa thí dụ sau đây để chứng minh cho nhận định đó : "tên ông thành hoàng làng Hành Thiện, nhà sư Dương Không Lộ (đời Trần), đã trở thành ... Không Lồ". Dù chưa được đọc công trình nghiên cứu của Đặng Hữu Thụ, tôi tin chắc lời chê của Kiến Văn là đúng : tôi vốn tâm phục anh như là một chuyên gia có thẩm quyền về chính tả, "bộ môn" xưa nay tôi vẫn dở có lẽ do bẩm tính trời sinh ra thế ! Nhưng điều đó không cấm cản tôi nghĩ thí dụ của Kiến Văn đưa ra là...chưa đúng lắm! Tôi viết mấy dòng này trước hết để minh oan cho ông Đặng Hữu Thụ và sau nuã để nêu lên cùng bạn đọc "bốn phương" một vấn đề tuy nhỏ thật nhưng không phải là không có cái thú vị của nó vì đây đúng là một vấn đề chứ không phải là một sai sót về chính tả và dấu thanh : đó là những nghi vấn về Không Lộ và về mối tương quan giữa vị thiền sư này và nhân vật Không Lồ trong truyện cổ tích.

Thiền uyển tập anh (được trùng san và khắc in năm Vĩnh Thịnh thứ 11 (1715)) do Ngô Đức Thịnh, Nguyễn Thuý Nga dịch và chú thích (Hà Nội, nhà xuất bản Văn học, 1990) có chép tiểu sử của Không Lộ xin tóm lược như sau : thiền sư họ Dương, người hương Hải Thanh (thuộc lộ Thiên Trường, đời Lê thuộc trấn Sơn Nam Hạ, nay thuộc tỉnh Thái Bình), nhà maryl đời làm nghề đánh cá, sau bỏ nghề theo tu hành đạo Phật. Sư chuyên chú tu trì pháp môn Đà La Ni. Khoảng niên hiệu Chuong Thanh Gia Khánh (1059-1065, đời Lý Thánh Tông), sư cùng đạo hữu là Giác Hải đi vân du cõi ngoài, dấu kín tông tích, đến chùa Hà Trạch, ăn rau mặc lá, quên cả thân mình, dứt hết mọi điều ham muốn, một lòng chuyên chú thiền định. Rồi sư thấy tâm thần, tai mắt ngày càng sáng láng thông tỏ, bay trên không, đi dưới nước, hàng long phục hổ, muôn nghìn phép lạ không lường hết được. Sau sư về bản quán trú trì (chùa Nghiêm Quang). Sư từng đọc bài kệ :

Tuyễn đắc long xà địa khả cư,
Đã tình chung nhật lạc vô du.
Hữu thi trực thường cô phong đính,
Trường khiếu nhất thanh hàn thái hư.

Dịch thơ :

Kiều đất long xà chọn được nơi,

Tình quê lai láng chẳng hề voi.

Có khi xông thẳng lên đầu núi,

Một tiếng kêu vang, lạnh cả trời.

(Kiều Thu Hoạch)

Có lẽ đây là bài thơ thiền hùng tráng nhất của văn học Việt Nam !

Theo Đinh Gia Thuyết trong bài *Một vị thánh tăng của Ninh Bình* (Đuốc Tuệ số 75), thiền sư còn là tác giả của bài *Ngư nhàn* (cái nhàn của ông chài), nhưng không chắc lắm :

Vạn lý thanh giang vạn lý thiên,
Nhất thôn tang giá nhất thôn yên.
Ngư ông thụy trước vô nhân hoán,
Quá ngọ tinh lai tuyết mãn thuyền .

Dịch thơ :

Trời xanh nước biết muôn trùng,
Một thôn sương khói, một vùng dâu day.
Ông chài ngủ tí tít ai lay,
Quá trưa tĩnh dậy, tuyết bay đầy thuyền.

(Kiều Thu Hoạch)

Nhu ta biết, *Thiền uyển tập anh* (TUTA) là tư liệu xưa nhất do người mình viết về lịch sử Phật giáo Việt Nam. Trong bài *Chữ nôm và văn nôm đời Lê* (Tập san Khoa học xã hội, số 7, 10-1980, tr.106), bác Hoàng Xuân Hãn đã nêu câu hỏi là có nên xem thiền sư Ẩn Không (thường được gọi là Đa Ngạn đại sư), đệ tử của Thần Nghi sống vào nửa đầu thế kỷ XIII là tác giả của *Thiền uyển tập anh*. Tiếp thu ý kiến đó, Ngô Đức Thịnh trong bài giới thiệu TUTA cho rằng Ẩn Không là người cuối cùng đã hoàn thành quyển sách này đã được các thiền sư Thông Biện (?-1134), Biện Tài (nửa sau thế kỷ II), Thường Chiếu (?-1203), Thần Nghi (?-1216) nối tiếp nhau biên soạn. Theo Ngô Đức Thịnh (sđd, tr. 15), TUTA được khắc in — chứ không phải được hoàn thành như Nguyễn Huệ Chi đã nghĩ trong bài khảo luận văn bản viết rất công phu (*Thơ văn Lý-Trần*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1977, tập I, tr. 117) — vào năm Khai Hựu Đinh Sửu (1337).

Theo TUTA, Không Lộ đồng hương với thiền sư Giác Hải (ta không nên quên rằng vào đời Lý nhiều khi hương rộng bằng một huyện ngày nay). TUTA kể về Giác Hải như sau :

« *Thiền sư họ Nguyễn,...) từ nhỏ làm nghề đánh cá, thường lấy thuyền làm nhà, lênh đênh trên sông biển. Năm 25 tuổi bỏ nghề cũ, cắt tóc đi tu. Lúc đầu sư cùng với Không Lộ theo học đạo với Hà Trạch. Sau sư nổi pháp tự của Không lộ. Thời Lý Nhân Tông (1172-1228), sư và Thông Huyền chân nhân có lần được vời vào hoàng cung ngồi hầu vua trên bệ đá mát ở điện chính, chợt có đôi tắc kè đậu gần đó kêu vang lên rất chối tai. Vua bảo Thông Huyền xua đi. Thông Huyền lặng lẽ niệm thần chú, một con liền rơi xuống. Thông Huyền cười bảo sư :*

— Còn một con nữa xin nhường hoà thượng !

Giác Hải bèn chú mục nhìn, chỉ nháy mắt con cắc kè kia cũng rơi nốt. Vua lấy làm lạ, làm thơ khen ngợi như sau :

*Giác Hải tâm như hải
Thông Huyền đạo hựu huyền
Thần thông kiêm biến hoá
Nhất Phật, nhất thần tiên.*

Dịch :

*Giác Hải lòng nhu biển
Thông Huyền đạo rất huyền
Thần thông kiêm biến hoá
Một Phật, một thần tiên.*

(Phạm Trọng Điềm)

Do chuyện đó tên tuổi Giác Hải đồn vang khắp thiên hạ, cả tảng, tục đều kính mộ. Vua Lý Nhân Tông lấy lễ tiếp đãi như thầy. Mỗi khi xa giá về hành cung ở Hải Thanh, vua thường đến chùa Diên Phước trước. Vua hỏi Giác Hải :

– *Sư có thể cho nghe về phép thần túc không ?*

Sư bèn làm tám phép thần biến, rồi tung người nhảy lên không cao mấy trượng, trong chốc lát lại nhảy xuống chỗ cũ. Vua và các quan đều vỗ tay khen ngợi. (...) Khi sư lâm bệnh, gọi đệ tử đến đọc kệ rằng:

*Xuân lai hoa diệp thiện tri tri
Hoa diệp ưng tu cộng ứng kỳ.
Hoa diệp bǎn lai gai thị huyền,
Mặc tu hoa diệp hương tâm tri.*

Dịch :

*Xuân sang hoa bướm khéo quen thi,
Bướm lượn hoa cười vẫn đúng kỳ.
Nên biết bướm hoa đều huyền ảo,
Thây hoa mặc bướm, để lòng chi !*

(Ngô Tất Tố) »
(sđd, tr.138-140)

Như vậy theo TUTA, Dương Không Lộ và Nguyễn Giác Hải là người cùng hương, cùng làm nghề chài, cùng nổi tiếng có nhiều phép thần thông. Nhưng ngay trong TUTA cũng đã có một điểm mâu thuẫn khi nói rằng Giác Hải "nối pháp tự của sư Không Lộ" là chùa Diên Phúc, nhưng trước đó lại nói Không Lộ dựng chùa ở bản quận có tên là Nghiêm Quang. Theo *Đi tích lịch sử văn hóa Việt Nam* (DTLSVHVN, Nhà xuất bản Khoa học xã hội Việt Nam, Hà Nội, 1991), hiện nay ở miền Bắc có cả hai chùa nói trên : chùa Nghiêm Quang được đổi thành Thần Quang (tục gọi là chùa Keo Dưới) vào năm Chính Long Bảo Ứng thứ 5 (1167) ở xã Vũ Nghĩa (nhưng ở trang 279 thì lại nói là xã Duy Nhất, tôi chưa có điều kiện kiểm chứng) huyện Vũ Thư tỉnh Thái Bình và chùa Diên Phúc (tức là chùa Keo Trên) được đổi tên thành Viên Quang cũng vào năm Chính Long Bảo Ứng thứ 5 (1167) nay ở xã Hành Thiện, huyện Xuân Trường, Hà Nam Ninh (vốn xưa là ấp Giao Thủy, vào năm 1167 được đổi thành xã Hộ Xá, rồi Nghĩa Xá, Hành Cung và, cuối cùng vào đời Minh Mạng (1820-1840), thành Hành Thiện được đổi đến địa điểm hiện nay vào cuối thế kỷ XVI). Không biết dựa vào đâu, các tác giả của DTLSVHVN xác định rõ là chùa Nghiêm Quang được Không Lộ xây vào năm Chương Thánh Gia Khánh thứ 3 (1065) và chùa Diên Phúc được Nguyễn Giác Hải khởi xây vào năm Thiên Phù Duệ Vũ thứ 2 (1121), nghĩa là sau chùa Nghiêm Quang đến 56 năm khi Giác Hải ít ra đã đến 86 tuổi, vì trước đó đã viết là Giác Hải đi tu lúc 25 tuổi, và vào năm Chương Thánh Gia Khánh thứ 2 (1060), ông cùng Dương Không Lộ và Từ Đạo Hạnh tìm đường sang Thiên Trúc học đạo. Khác với TUTA, DTLSVHVN cho rằng (cũng không biết dựa vào đâu) Không Lộ viên tịch năm Giáp Tuất (1154) thay vì Kỷ Hợi (1119) : nếu ta giả định là ông

cùng tuổi với Giác Hải thì Không Lộ phải thọ đến gần 120 tuổi ! Thật ra thì đương như thiền sư còn thọ hơn thế nữa vì ở trang 297, có lẽ dựa theo *Hải Dương tinh thần tích*, DTLSVHVN lại ghi rất chính xác là Không Lộ viên tịch vào ngày 26 tháng 3 năm Giáp Tuất (1094), thọ 79 tuổi. Giả dụ là nhờ nhiều phép màu, thiền sư sống lại để rồi viên tịch lần thứ hai vào đúng 60 năm sau (1154) thì hoà ra ngài thọ đến gần 140 tuổi ! Một điều lạ là TUTA không nói gì đến Nguyễn Minh Không, một vị thiền sư rất nổi tiếng và cùng thời với Giác Hải như sẽ trình bày sau đây.

Theo *Lĩnh Nam chích quái* (LNCQ) mà Lê Hữu Mục chứng minh là có thể do Trần Thế Pháp viết vào cuối đời nhà Trần, khoảng từ 1370 đến 1400 (Khai Trí, Sài Gòn, 1961, tr. 8-15), thì Dương Không Lộ và Nguyễn Giác Hải cũng là hai nhân vật khác nhau. Thật ra thì trong truyện Dương Không Lộ và Nguyễn Giác Hải (các) tác giả LNCQ chỉ làm công việc nhập tiểu sử của hai vị thiền sư trong TUTA làm một, được lấy lại gần như nguyên văn. Trong truyện *Từ Đạo Hạnh, Nguyễn Minh Không*, phần đầu cũng được sao lại từ TUTA, chỉ thêm vào chuyện Nguyễn Minh Không (người làng Điềm Xá, nay thuộc huyện Hoa Lư, Ninh Bình (cũ)) chữa bệnh cho Lý Thần Tông là Từ Đạo Hạnh đầu thai. Có hai chi tiết nên đặc biệt lưu ý trong truyện này là Minh Không đã theo học đạo với Từ Đạo Hạnh bốn mươi năm và có quan hệ với một chùa có tên là Không Lộ ở làng Giao Thủy.

Trong *Nam Ông mộng lục* do Hồ Nguyên Trừng viết ở Trung Quốc vào năm 1438 hay trước đó một thời gian (vì được in ở Trung Quốc, tác phẩm này có lẽ giữ được nguyên diện mạo ban đầu của nó : đó là một ưu điểm so với hầu hết các tư liệu viết khác của Việt Nam kể cả TUTA và nhất là LNCQ), có hai truyện liên quan đến Giác Hải và Nguyễn Minh Không. Truyện *Tăng đạo thần thông* (phép thần thông của tăng, đạo) (*Thơ văn Lý Trần*, sđd, tập 3, tr. 703-704) gần giống như truyện Giác Hải trong TUTA ; chỉ khác hai điểm là chuyện xảy ra vào đời Lý Thái Tông (1028-1054) chứ không phải Lý Nhân Tông (1066-1128) như trong TUTA và Thông Huyền và Giác Hải trừ yêu quái thay vì diệt cắc kè. Còn truyện *Minh Không thần dị* (phép thần dị của Minh Không) (sđd, tr. 709) thì lại có nội dung in hệt đoạn sau của truyện *Từ Đạo Hạnh và Nguyễn Minh Không* trong LNCQ đã được trình bày trên đây, chỉ khác (và sai so với chính sử) có một môt điểm là Minh Không chữa bệnh cho thế tử (Dương Hoán) chứ không phải cho Lý Thần Tông (1128-1138) tức là Dương Hoán khi đã lên làm vua. Truyện này có thêm một chi tiết đáng để ý là chính vua (Lý Nhân Tông) đã đặt tên chùa là Không Lộ sau khi Minh Không đã chữa lành cho thế tử, "rồi đi trên không mà về".

Về chuyện Minh Không chữa bệnh cho Lý Thần Tông, *Đại Việt sử ký toàn thư* (ĐVSKTT, nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1967, tập I, tr. 271) có chép như sau : vào tháng 3 Thiên Chương Bảo Tự năm thứ 4 (1136) « *vua bệnh nặng, chữa thuốc không khỏi, nhà sư Minh Không chữa khỏi phong làm quốc sư (...)* (tục truyền rằng khi nhà sư Từ Đạo Hạnh trút xác, trong khi ốm đem thuốc và thần chú giao cho học trò Nguyễn Chí Thành tức là Minh Không và dặn rằng 20 năm sau nếu thấy quốc vương bị bệnh nặng thì đến chữa ngay) ». Đoạn sử này khá ăn khớp với một đoạn khác trong ĐVSKTT

kể chuyện Từ Đạo Hạnh đầu thai làm con Sùng Hiền Hầu (sau này là Lý Thần Tông) xảy ra vào tháng 6 năm 1116, tức là khoảng 20 năm trước khi Lý Thần Tông bị bệnh (sđd, tr. 246-247). ĐVSKTT còn ghi vài chi tiết khác về thiền sư Minh Không : tháng 5 năm Thiên Thuận thứ 4 (1131) vua sai " *dựng nhà cho đại sư Minh Không*" (tr. 267) ; tháng 8 năm Đại Định thứ 2 đời Lý Anh Tông (1141) " *quốc sư Minh Không chết (sư người xã Đàm Xá, huyện Gia Viễn, phủ Trương Yên, rất linh ứng, phàm khi có thuỷ nạn tai hại gì, cầu đảo đều nghiệm cả. Nay hai chùa Giao Thuỷ và Phả Lại đều tọa tượng đế thờ)*" (tr.277). Chùa Giao Thuỷ tức là chùa Thần Quang (hay, xưa hơn nữa, Nghiêm Quang) đã nói trên đây ; còn chùa Phả Lại có lẽ là chùa Chúc Thánh ở trên núi xã Phả Lại, huyện Quế Dương, tỉnh Bắc Ninh, nay thuộc huyện Quế Võ, tỉnh Hà Bắc (xem DTLSVHVN, tr.167) chứ không phải chùa Diên Phước hay Keo Trên như Đào Duy Anh đã chú thích trong bản dịch ĐVSKTT ở trang 348. Theo *Đại Nam nhất thống chí* (NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1971, tr. 110) tương truyền sư Không Lộ có tu ở đây ; nhưng *Bắc thành dư địa chí* của Lê Chất (tiền bán thế kỷ XIX) thì lại chép là thiền sư Minh Không.

Dựa trên những tư liệu đã trích dẫn, đặc biệt là ĐVSKTT ta có thể nghĩ rằng Minh Không và Không Lộ chỉ là một người : Nguyễn Chí Thành, người làng Diềm Xá, Ninh Bình (Hà Nam Ninh), pháp danh là Minh Không, học trò của Từ Đạo Hạnh, đã chữa bệnh cho Lý Thần Tông nên được phong làm quốc sư. Vì chùa Nghiêm Quang được Lý Thần Tông ban tên là Không Lộ (ít ra là theo truyền thuyết), nên người đời cũng gọi Nguyễn Chí Thành là Không Lộ : việc lấy tên chùa để gọi vị sư trụ trì là hiện tượng khá phổ biến trong truyền thống Phật giáo Việt Nam. Cũng xin mách thêm rằng DTLSVHVN có nói đến bản thân tích của chùa xã Hào Khê (nay thuộc huyện Ninh Thanh, Hải Hưng) khẳng định Không Lộ là Nguyễn Minh Không : theo tư liệu này, cha của ông là Nguyễn Chiêu (quê ở trang Hộ Xá, huyện Giao Thuỷ) và mẹ là Dương Thị Úng (quê ở xã Hào Khê thời Lý là thôn Hán Triền). Có lẽ vì mẹ là họ Dương nên mới có sự lầm lẫn cho rằng Không Lộ có họ Dương chẳng ?

Nếu Không Lộ và Minh Không là hai người thì làm sao có thể cất nghĩa sự vắng bóng, trong TUTA, của Minh Không, một vị quốc sư nổi tiếng xuất hiện đến ba lần trong ĐVSKTT.

Một câu hỏi cần đặt ra là các truyền thuyết về Từ Đạo Hạnh, Minh Không, Giác Hải đã hình thành từ bao giờ. Trước hết như ta biết dưới triều Lý, Phật giáo chịu ảnh hưởng của mật tôn khá sâu sắc : các vị thiền sư nổi tiếng vì thế được tín đồ tin tưởng là có pháp thuật cao cường. Yếu tố huyền diệu, vốn đã có sẵn trong xã hội và tâm thức quần chúng, có lẽ đã phát triển cùng với thời gian trôi qua.

Về thiền sư Giác Hải chẳng hạn, theo TUTA thì ông thần thông là thế, nhưng trong *Viên Quang tự bí minh tính tự* (văn bia chùa Viên Quang tức là chùa Diên Phúc hay chùa Keo Trên ở Hành Thiện) của Dĩnh Đạt viết có lẽ dưới triều Lý Cao Tông (1175-1210) sau khi Giác Hải viên tịch chừng 40, 50 năm, lại không chứa đựng một yếu tố huyền diệu nào về Giác Hải mà Dĩnh Đạt hết lời ca tụng. Điều này khiến ta nghĩ rằng những chuyện pháp thuật thần thông được thêm vào TUTA sau này. Dựa vào *Nam Ông mộng lục* của Hồ

Nguyên Trùng bị quân Minh bắt đưa về Trung Quốc năm 1407 khi ông làm tư đồ tả tướng quốc cho em là Hồ Hán Thương, ta có thể giả định là những truyền thuyết huyền diệu về Đạo Hạnh, Minh Không, Giác Hải đã hình thành trễ lăm là vào giữa thế kỷ XIV để rồi được ghi lại trong một số tác phẩm như TUTA (ít ra bởi những người " hiệu đính " vô cùng tuỳ tiện do quan niệm " văn chương công khí ") và LNCQ. Nhưng dưới dạng truyền khẩu, những truyền thuyết nói trên vẫn tiếp tục biến đổi, lăm lúc theo kiểu — xin nói một cách nôm na — *nhổ râu ông nọ, cắm cằm bà kia !* Kết quả là chúng ta có những truyện cổ tích như " *Khổng Lồ đúc chuông hay sự tích trâu vàng*" (xem Nguyễn Đồng Chi (NDC), *Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1976, tập II, tr.265-270), " *Từ Đạo Hạnh hay sự tích thánh Láng*" (NDC, tập III, 1973, tr. 283-302) hay " *Người thợ đúc và anh học nghề*" (NDC, tập IV, 1975, tr. 7-14). Từ chỗ đúc " *tú khí*" (chóp tháp Báo Thiên, chuông Quy Điện, tượng Phật chùa Quỳnh Lâm và đỉnh chùa Phổ Minh), thiền sư Khổng Lồ đã trở thành đức thánh Khổng Lồ, tổ sư của nghề đúc !

Nhưng *con cà con kê* như vậy cũng đã quá dài, có lẽ đã đến lúc xin được đưa ra một vài ý kiến chưa chín muồi lăm về một câu hỏi khá thú vị có thể đặt ra : tại sao *Không Lộ 空路* đã biến thành *Khổng Lồ 孔路* ?

Tôi nghĩ là có hai khả năng. Trước hết có thể là do tục kiêng tên thần thánh, đặc biệt là nếu các ngài nổi tiếng linh thiêng (tục này được gọi là *hởm* còn chỉ sự tôn trọng sở thích hay đặc tính của thánh thần) : vì Không Lộ (Minh Không) khi sống đã lừng danh có pháp thuật cao cường và, sau khi viên tịch, trở thành một vị thần linh ứng được thờ ở nhiều chùa, đình, đền (xem DTLSVHVN), nên dân chúng đã đọc tránh tên ông thành Khổng Lồ. Sự kiện này có thể chỉ xảy ra từ thế kỷ XVI khi " *phong trào*" dựng đình, thờ thành hoàng, lập hương ước càng ngày càng phát triển. Vì Khổng Lồ thần thông, linh ứng dị thường, trí tuệ tượng của dân gian đã biến ông thành một người to lớn và cực kỳ khỏe mạnh như Nữ Oa, Tú Tượng, Lý Ông Trọng (xem NDC, sđd, tập II, 1976, tr.311-314)...

Chúng ta cũng có thể dùng những luận cứ ngữ âm học để trả lời cho câu hỏi nói trên. Dường như ngày xưa (xin phép được nói một cách mơ hồ như vậy vì tôi chưa có thì giờ và nhất là khả năng nghiên cứu để nói một cách chính xác hơn !) trong khá nhiều trường hợp người mình không phân biệt thanh nặng (.) và thanh huyền () như đồng bào Nghệ Tĩnh ngày nay (câu chuyện " *bò đen húc lợn bò vàng*" !). Xin đưa ra một vài bằng chứng. Trước hết là trường hợp những chữ hán ngày nay thường đọc với âm *lộ*:

1. *足客* (con đường) theo Huỳnh Tịnh Của (*Đại Nam quốc âm tự vị*, 1895, tr. 572) cũng đọc là *lò* như *Khổng Lồ* ;

2. *貞有* (cho) như trong *hối lộ*, vào tiền bán thế kỷ XVI được đọc là *lò* (trong *Từ điển Việt-Bồ-La*, A. de Rhodes có ghi hai từ *hối lò* và *thụ lò*, tr. 118) ;

3. *足客* với nghĩa *bày ra ngoài* cũng đọc là *lò* như trong từ *loâ lò* (trần trường) mà ta cứ tưởng là từ láy thực ra là một

(xem tiếp trang 23)

Những phức tạp trong cõi trung mô

HÀN THUÝ

*Giữa đất trời còn chứa nhiều những thứ
Không có trong giấc mộng triết gia**

Shakespeare, Hamlet, Hồi I, cảnh V

Cõi trung mô là cái chi mô ? xin tạm dùng chữ *trung mô* (*mésoscopique*) để chỉ cái phạm vi ở giữa cõi *vi mô* (*microscopique*), vô cùng nhỏ, và cõi *vĩ mô* (*macroscopique*), vô cùng lớn ; tóm lại có thể gọi là cái cõi đời thường, trong đó đầy rẫy những vấn đề. Khoa học ngày nay vẫn tiếp tục đi sâu vào vi mô và vĩ mô để tìm đến tận cùng những quy luật cơ bản của thế giới tự nhiên. Nhưng một hy vọng này ra từ thời cổ điển, cho rằng khi đã hiểu được những gì sâu kín và cao xa nhất thì có thể từ đó lý giải mọi vấn đề trong đời thường, đến ngày nay hình như bế tắc. Người ta thấy rằng việc khảo sát những hiện tượng trong cõi trung mô cần đến những phương pháp đặc thù, tuy rằng những quy luật của tự nhiên, dù ở phạm vi nào đi nữa, cũng không thể mâu thuẫn với nhau.

Bài này tiếp tục những lần trước, giới thiệu một giấc mộng mới của khoa học: nghiên cứu về sự phức tạp. Nhu thế cũng đủ ngông cuồng, vì làm sao nói một cách đơn giản về sự phức tạp ? vì vậy trước tiên cần phá giải cái nghịch lý này : nếu có thể giải thích một cách đơn giản về một vấn đề cụ thể được coi là phức tạp thì nó đã...hết phức tạp ! Nhưng tham vọng của những nghiên cứu về sự phức tạp không phải để giải quyết mọi khó khăn phức tạp cụ thể, mà nhằm bàn về sự phức tạp nói chung, với hy vọng sẽ có ích trên từng vấn đề cụ thể. Bàn một cách khoa học có nghĩa là giới hạn rõ phạm vi nghiên cứu, phân loại theo định tính (*qualitative*), rồi tiến tới định lượng (*quantitative*). Đây là một cách tiếp cận đã trở nên cần thiết trước những thách đố quá lớn lao của thời đại : bảo vệ môi sinh, giải quyết nạn nhân mìn, khủng hoảng kinh tế tiếp tục trong một thế giới phát triển không đồng đều...năng lượng, tiền tệ, giáo dục, thể chế chính trị v..v.. mọi thứ đều liên kết chằng chịt với nhau, nghiên cứu những quan hệ đã trở nên quan trọng hơn đi sâu vào từng phạm vi, cái năng động và không ổn định đã trở nên quan trọng hơn sự thăng bằng khô cứng và ảo tưởng. Chưa nói đến những câu hỏi nghìn đời của tôn giáo và triết học : từ đâu nảy sinh sự sống, từ đâu nảy sinh bản năng, ý thức, trí tuệ ? mà hiện nay một số nhà khoa học tấp tểnh muốn trả lời — ở mức độ giả thuyết — . Những vấn đề này xin hẹn dịp khác sẽ đề cập.

* There are more things in heaven and earth, Horatio
Than are dreamt of in your philosophy

Dĩ nhiên tiếp cận từ khía cạnh phức tạp không phải cách tiếp cận độc nhất, nó chỉ thể hiện thái độ tôn trọng tổng thể của đối tượng nghiên cứu, từ đó có thể bổ sung những phương pháp riêng khác của từng ngành khoa học. Và nghiên cứu về sự phức tạp nói chung này hiện nay cũng chỉ mới ở giai đoạn đầu, có lẽ nó thuộc lãnh vực *phương pháp luận khoa học* nhiều hơn. Có hay không có những đặc tính chung của phức tạp ? hay phải chăng mỗi đối tượng nghiên cứu mỗi phức tạp khác nhau ? đó đều là những chủ đề bàn cãi. Có lẽ khuynh hướng vẫn là đi tìm một số cái chung trong những đặc thù.

1. Khó khăn và phức tạp, khách quan và chủ quan

Cần phân biệt khó khăn và phức tạp, sự phân biệt này cũng là bước đầu giới hạn vấn đề, đưa từ ngữ *phức tạp* trở thành thuật ngữ có cách hiểu khác với cách hiểu thông thường. Số bộ có bốn trường hợp khác nhau : có cái vừa dễ vừa giản dị, có câu hỏi giản dị mà khó trả lời, có cái vừa khó khăn vừa phức tạp, nhưng lại có thể có cái vừa phức tạp vừa dễ ! Trường hợp đầu có thể bỏ qua ? Chưa chắc, vì thế nào là giản dị ? nhà triết học Pháp Bachelard đã nói : " cái giản dị luôn luôn là cái bị gián lược ". Thế nào là dễ hiểu ? làm sao để mọi người cùng hiểu một vấn đề, một hiện tượng, một cách chung nhất và chính xác ? Thực ra những vấn đề, những hiện tượng có thể hiểu một cách khoa học đều cần cái gọi là trình độ khoa học, nghĩa là một căn bản chung về các khái niệm, về những kết quả hiện nay được coi là thường thức nhưng chính đáng sau nó là cả một quá trình hàng ngàn năm kết tinh của trí tuệ nhân loại. Một con tinh nhân, thật là dễ dàng giản dị, trẻ con mười tuổi đã làm được. Nhưng bạn đọc hãy thử đặt mình vào vị trí một người La Mã, viết hai con số bằng cách viết La Mã, rồi tự đặt một câu hỏi kỳ cục : làm sao làm con tinh nhân ? sẽ thấy chẳng giản dị chút nào. Dĩ nhiên xin đừng quy ra cách viết hiện nay trong đó có con số không, một sáng tạo khủng khiếp vì dám biểu thị cái *hư vô* bằng cái *hữu thể*. Con số không thời bấy giờ còn nằm tại châu thổ sông Hằng, chưa tới Châu Âu qua ngả đường Ả Rập. Vậy xin hãy tạm quên khái niệm dễ và khó, một khái niệm mang nhiều tính chủ quan, vì nếu đi đến cùng chỉ đáng gọi là khó những vấn đề chưa có ai giải đáp. Đấy là nói về khoa học chính xác, mà ở kích thước trung mô trong quá khứ thường được coi là kỹ thuật, hay là khoa học ứng dụng, chẳng hạn như hóa học, sinh học, cơ khí, viễn thông...

Nhưng hiện nay những vấn đề lớn ở mức trung mô là những vấn đề có liên quan tới con người và xã hội, ở đây một đặc điểm mới nổi bật làm tăng thêm khó khăn và phức tạp là không có cách đặt vấn đề và cách hiểu chung nhất, vấn đề nào đặt ra cũng là đặc thù, và cũng là chưa có ai giải đáp. Nghiên cứu sự phức tạp trong những vấn đề liên ngành có quan hệ với nhân văn và xã hội trước hết là nghiên cứu về một ngôn ngữ chung, một cách đặt vấn đề chung. Câu hỏi " *thế nào là dễ hiểu ?*" lại càng khó hiểu, để chế ngự sự phức tạp không tránh khỏi trước hết phải tìm hiểu sự phức tạp của trí tuệ con người, thật khó thay. Năm 1984, tổ chức *Đại học của Liên Hiệp Quốc* có mở hội thảo về đề tài **Khoa học và thực hành sự phức tạp** [1], nhiều nhà nghiên cứu nổi tiếng thuộc nhiều ngành đã tham luận, đưa ra nhiều cái nhìn phong phú. Nhưng người đọc không khỏi bi quan, vì đối diện những câu hỏi nghiêm túc và cấp bách, trí tuệ con người hiện nay vẫn đang còn mầm dò tìm.

Một khuynh hướng chung khá nổi bật là đem áp dụng những khái niệm của sinh học, toán học, điều khiển học (*cybernétique*) và nhiệt động học (*thermodynamique*) vào những lĩnh vực mới, với hy vọng tìm ra những cấu trúc tương tự và những giải pháp tương tự. Một cuốn sách dễ đọc tiêu biểu cho khuynh hướng này là *Le Macroscope* [2] của Joel de Rosnay, giám đốc nghiên cứu của viện Pasteur. Dưới đây là một vài cái mốc trong khuynh hướng đó, nói gọn lại là xác định một hệ thống, đặt ra những câu hỏi, những bài toán về hệ thống đó. Một hệ thống là một cấu trúc gồm những phần tử có liên quan chặt chẽ với nhau cần được nghiên cứu một cách tổng thể. Hệ thống ấy có thể có hay không có liên hệ với môi trường bên ngoài. Phương pháp mô tả những cấu trúc phức tạp là một vấn đề, khảo sát những cấu trúc biến đổi theo thời gian lại là một vấn đề nữa, đây là đề mục dài dòng và lý thú nhất, xin để dành cho kỳ sau. Sự phức tạp của những quy trình vận động hay tính toán dựa trên một cấu trúc cho sẵn lại là một vấn đề thứ ba, có lẽ là cái dễ trình bày nhất.

2. Hành trình của người chào hàng (voyageur de commerce)

Hãy tạm gọi *giải thuật* hay *thuật toán* (*algorithme*), là quy trình làm những con toán đơn giản, cộng trừ nhân chia, bình phương, căn số, v.v.. theo một thứ tự nào đó để giải được một bài toán. Mỗi giải thuật hoạt động trên một số thông tin được biết trước và tổ chức theo một cấu trúc nào đó, người ta có thể ước tính độ phức tạp của thông tin bằng một con số, từ đó người ta có thể đo sự phức tạp của một giải thuật bằng cách so sánh sự phức tạp của *đầu đề* với tổng số những bài toán nhỏ phải làm đó để giải quyết. Thí dụ bộ bài 52 lá đã bị xáo trộn, làm sao sắp xếp trở lại ? sự phức tạp của đầu đề là 52, sự phức tạp của giải thuật sắp xếp là tổng số những so sánh lá này với lá kia. Người ta chứng minh được là một giải thuật sắp xếp có tính tổng quát cần đến ít nhất $N^* \log(N)$ so sánh, nếu gọi N là số những cái cần được sắp xếp, và đã tìm ra nhiều giải thuật khác nhau có tính tối ưu đó. Một sinh viên giỏi có thể tìm ra sau vài giờ một giải thuật cần đến N^*N so sánh, dở thì trình bày một giải thuật N^*N^*N . Để thấy sự khác nhau tính gọn ra nếu N là 1.000 thì phương pháp tối ưu cần 10.000, phương pháp có độ phức tạp bình phương cần 1 triệu và phương pháp phức tạp lập phương cần 1 tỷ. Đến đây xin bạn chịu khó đọc thêm một định nghĩa nữa thôi thì sẽ đủ chuẩn bị để đi vào hành trình của người chào hàng : một quy trình tính toán trên một cấu trúc có độ phức tạp N được gọi là một quy trình có tính P (*polynomial*) khi có một số n để độ phức tạp của quy trình không vượt quá N luỹ thừa n , với bất kỳ trị số nào của N . Để ý giải thuật so sánh dở nhất nói ở trên mới là N luỹ thừa 3. Một quy trình được gọi là NP (*non polynomial*) khi nó phức tạp hơn bất cứ quy trình nào loại P. Thí dụ ở trên cho thấy là giải một bài toán bằng một quy trình loại NP, ngay cả với máy tính tối tân nhất, cũng là chuyện ảo tưởng khi con số N chỉ lớn hơn vài chục.

Một người chào hàng cần đi khắp các tỉnh A, B, C, D, v.v.. để chào hàng. Nhìn trên bản đồ dĩ nhiên có những con đường khác nhau để đi từ tỉnh nọ đến tỉnh kia. Vấn đề đặt ra rất đơn giản là làm sao tìm con đường ngắn nhất để đi khắp các tỉnh rồi lại trở về nhà. Đây là một bài toán kinh điển, sinh viên nào đã dự một khoá *vận trù học* (*recherche opérationnelle, operational research*) đều học qua, và đều biết rằng nếu tìm

ra được một giải thuật loại P cho vấn đề này thì bằng tiến sĩ nắm trong tay, cả với ghế giáo sư ở bất cứ trường đại học danh tiếng nào. Vì tuy chưa chứng minh được trên lý thuyết là bất cứ giải thuật nào cũng NP (do đó người ta đã gọi bản thân bài toán là một bài toán NP), hiện nay không còn ai tin ở một giải thuật P, muốn thành danh thì chỉ cần tìm cách chứng minh *không thể P*, coi mồi chắc ăn hơn.

Đây là một trong những câu hỏi kỳ lạ và sâu sắc nhất của toán ứng dụng và tin học mà chưa có trả lời. Vì người ta biết rằng nếu giải đáp được bài toán này (theo hướng khẳng định hay phủ định) thì cũng sẽ chứng minh được là máy tính điện tử có khả năng hay không có khả năng thực tế giải quyết mọi bài toán. Vì có thể quy mọi bài toán giải trên máy tính về một hành trình của người chào hàng. Lý giải chặt chẽ thì lôi thôi và không phải chỗ, nhưng bạn đọc có thể quan sát rằng bài toán này mô phỏng rất giống hoạt động của máy tính : đi từ A đến B tượng trưng cho một con toán đơn giản nào đó, rồi từ B lấy quyết định đi tới một tỉnh khác C hay D cũng là mô phỏng một khả năng đơn giản và cơ bản của máy tính.

Kết luận rút ra là về những vấn đề phức tạp thì không nên cầu toàn, đi tìm một lời giải tối ưu nhiều khi là đi vào ngõ cụt. Cần đặt lại vấn đề, đưa ra những tiêu chuẩn không phải là tối ưu, mà chỉ là *chấp nhận* được, để lựa chọn giải pháp.

3. Con voi con voi...

Để nói đến một thành tựu lớn về phương pháp mô tả các cấu trúc phức tạp, lại phải trở về phương pháp *dệ quy* (*recursive*), có bạn hỏi tại sao dùng chữ *dệ quy* ? hình như chữ này xuất hiện từ nhóm chuyên gia tin học Việt kiều tại Pháp, sau thấy có trong từ điển toán học tại Hà Nội. Tạm dùng trong khi chờ một cao nhân nào chỉ giáo cho một chữ khác hay hơn, dù sao chủ yếu cần trình bày nó là cái gì ? Dệ quy không phải chỉ được sử dụng trong nghiên cứu về hỗn loạn mà còn trong rất nhiều phạm vi khác, vì hỗn loạn chỉ là một loại phức tạp đặc biệt thôi. Ngược lại không có gì chứng minh là sự hỗn loạn nào cũng có thể được mô tả bằng một cấu trúc đệ quy trong *không gian pha*, tuy rằng trên thực tế các trường hợp thành công là khá nhiều. Lần trước nói rằng *dệ quy* là "nó tự giống một bộ phận của nó" sợ bạn đọc chưa thỏa mãn nên xin tán thêm cho hết cái hay : "nó là cái hữu hạn có khả năng mô tả cái vô hạn", "cái ngắn gọn có khả năng mô tả cái phức tạp" và vì thế trở nên một phương pháp khoa học vô cùng quan trọng và hữu ích.

Nay xin mô tả một đàn voi, theo kiểu ca dao "con voi con voi, cái voi di trước..." : một đàn voi là một con voi di trước một đàn voi ! Thật là ngược với những gì đã học trong phương pháp luận cổ điển : trong định nghĩa một khái niệm không được quyền dùng chính khái niệm ấy, vì như thế sẽ gây ra một cái vòng luẩn quẩn (*cercle vicieux*). Nhưng lôgich ngày nay đã đủ chín mùi để biến cái vòng luẩn quẩn thành đường vòng đi lên (hay di xuống, tuỳ). Chỉ cần một tham số cho phép phân biệt đàn voi bên trái (của định nghĩa) và đàn voi bên phải. Thí dụ :

- Một đàn một con voi là một con voi
- Một đàn n con voi là một con voi di trước một đàn ($n - 1$) con voi.

(n ở đây là một quy ước, có thể thay bất cứ con số cụ thể nào). Bạn thử nghĩ xem, có thể nào mô tả cái vô tận bằng một số câu

chữ hữu hạn mà không *dẹ quy* chăng ? Dĩ nhiên không phải cái gì vô cùng phức tạp đều có thể mô tả được, trừ phi bản thân nó phải có một cấu trúc, tức là có những liên hệ, "nó tự giống nó". Rất dễ tưởng tượng một cấu trúc hữu hạn trong đó những liên hệ hoàn toàn khác nhau, không cái nào giống cái nào, thí dụ một món ăn, với rau, thịt, muối, tiêu, gia vị. Vì vậy cũng có thể tưởng tượng rằng có những cấu trúc có vô số phần tử, và giữa những phần tử có vô số những quan hệ khác nhau, không thể suy từ phần tử này ra phần tử kia, cũng như không thể suy từ quan hệ này tới quan hệ kia. Như thế thì thực không thể mô tả nó như thế nào, chỉ có thể nói rằng đó là thứ "không có trong giấc mộng triết gia". Mandelbrot [3] sử dụng rất tài tình phương pháp *dẹ quy* để mô tả loại cấu trúc mà ông gọi là *fractal* (phá vụn, hay *phá tan* ?, cũng vui vui vì giữ được âm hưởng của *fractal*) nhưng thực ra là phá không tan vì phá một cấu trúc ra từng mảnh vụn thì lại tìm thấy cũng cấu trúc ấy trong các mảnh vụn. Thuật ngữ *fractal* do Mandelbrot tạo ra từ chữ latin *fractus* hay *frangere*, có nghĩa là mảnh vỡ, hay đập vỡ thành các mảnh có sắc cạnh không đồng đều, để chỉ những hình thể biến đổi phức tạp và bất ngờ. Ông đã chứng minh rất nhiều hình thể trong thiên nhiên là *fractal*. Cần nói rõ *fractal* trong thiên nhiên không phải là hỗn loạn, khác với nói rằng hỗn loạn có thể mô tả được bằng *fractal* trong *không gian pha*, không gian toán trừu tượng. Các hình thể *fractal* trong thiên nhiên không nói là có trật tự, nhưng cũng không thể gọi là hỗn loạn, đó là cây cối, là núi, là bờ biển...trước đó không ai nghĩ đến, sau đó mọi người phải đồng ý đó là ... *fractal* : dấu ấn của một khám phá lớn.

Khái niệm *dẹ quy* chỉ hình thành trong phương pháp luận khoa học từ cuối thế kỷ 19 trong lôgic toán với Cantor, Peano... và hoàn chỉnh dần trong những thập-niên đầu của thế kỷ 20. Nó trở thành một công cụ quen thuộc từ khi có máy tính điện tử, nếu bạn dùng máy MacIntosh hoặc chương trình *cửa sổ* của máy PC tức là bạn đã mang món nợ với *dẹ quy*, vì "trong cửa sổ có cửa sổ". Về lôgic toán và tin học lý thuyết nói chung, cuốn *Godel, Escher và Bach* [4] của Douglas R. Hofstadter tuy rất dài (750 trang) nhưng có lẽ dễ đọc nhất trong số vô vàn quyển cùng một chủ đề. Rất thú vị và hoàn toàn nghiêm túc. Sách đầu tay của một chàng trai trẻ mà đoạt ngay giải Pulitzer, thể hiện một khía cạnh của truyền thống khoa học, văn hóa, nghệ thuật phương Tây, cộng với hiểu biết về thiền học của phương Đông.

Trí tưởng tượng dồi dào như Kim Dung cũng chỉ bịa ra *trong dao có kiếm*, chứ không biết *trong dao có dao* ! Trong văn học cổ điển các vở *Giác mộng đêm hè* hay *Hamlet* của Shakespeare đều có *kịch ở trong kịch*, một cách rất tinh tế để tạo ra khoảng cách giữa vở diễn và người xem, như kịch tác gia hiện đại Bertold Brecht đã lý thuyết hoá. Vì một cái gì khi đã tự nó quy về nó liền tạo ra một ý niệm khép kín, cách biệt với bên ngoài, tự nó hiện hữu chỉ vì nó. Phải nói nữa rằng *kịch ở trong kịch* lại gợi ra được rất nhiều điều mới để khán giả liên tưởng và suy nghĩ, kể cả về quan niệm của kịch tác gia về kịch. Ngược dòng về thời cổ đại, bộ *Ngàn Iẻ một đêm* cũng có bút pháp *kể truyện trong kể truyện*, ngoài ra có lẽ hiếm.

Trước khi tạm thời chấm dứt xin nói thêm cấu trúc *dẹ quy* không phải là cấu trúc độc nhất có tính tổng quát cần tìm hiểu. Cấu trúc *dẹ quy* của lôgic được sử dụng để xây dựng nền tảng cho toán học, nhưng những cấu trúc *dẹ quy* có tính cách ứng

dụng lại được xây dựng trên nền tảng của những không gian toán có những cấu trúc rất cơ bản khác, như cấu trúc tôpô (*structure topologique*) thể hiện sự liên tục, cấu trúc nhóm (*structure de groupe*) thể hiện sự cân đối hài hòa, và cấu trúc trật tự (*structure d'ordre*).

Hàn Thuỷ

Kỳ sau tiếp : *Ôn định, phát triển và phát sinh hình thái*

[1] *Science et pratique de la complexité*, Université des Nations Unies, Actes du colloque de Montpellier, 1984, nxb La Documentation française 1986.

[2] *Le macroscope, vers une vision globale*, Joel de Rosnay, nxb Seuil, 1975.

[3] *Les objets fractals*, Mandelbrot B., nxb Flammarion, in lần thứ 3, 1989.

[4] *Godel, Escher, Bach, an eternal Golden braid*, Douglas R. Hofstadter, Basic Books, New York, 1979 ; có bản dịch tiếng Pháp.

***Không Lộ.....* (tiếp theo trang 20)**



từ kép gồm hai từ hán việt (loã như trong loã thể và lồ) ;

4. với nghĩa nước thơm nhu trong *cam lô* , mà nhiều người, ít ra ở Trung và Nam Bộ thường đọc là *cam lồ*.

Bác Hoàng Xuân Hãn có mách tôi chữ *ngạn* (bờ sông) cũng đọc là *ngàn* như trong câu thơ *Chinh phụ ngâm* : *Ngàn dâu xanh ngắt một mầu*. Cho đến nay, vì dốt, tôi cứ tưởng *ngàn* cũng như *muôn* dùng để diễn tả ý là nhiều lắm !

Vì *lộ* được đọc là *lồ* nên về sau khi âm *lộ* càng ngày càng phổ biến, *Không Lộ* trở nên vô nghĩa và, vì thế, biến thành *Không Lồ* tức là họ Khổng tên Lồ. Trong quyển *Lý Thường Kiệt* (Sông Nhị, Hà Nội, 1950, tr.), vì tôn trọng truyền thống dân gian (hay vì bác là người Hà Tĩnh chăng ?) Bác Hãn cũng viết là thiền sư Khổng Lồ và dường như bác xem Minh Không và Khổng Lộ là hai người khác nhau.

Vì văn học dân gian tạo cho Khổng Lồ hình tượng của một người cực kỳ to lớn nên dần dần, từ một tên riêng, *khổng lồ* biến thành một danh từ chung chỉ những người quá đỗi to lớn (*géants*), nhưng không biết vào lúc nào vì A. de Rhodes chưa ghi vào từ điển của ông.

Vào cuối thế kỷ XIX, Huỳnh Tịnh Của đã ghi từ người *khổng lồ* và định nghĩa là người lớn lăm ; ông cũng có ghi tên rạch bà *Khổng Lồ* ở Biên Hoà (sđd, tr. 572). Từ danh từ chung, *khổng lồ* được dùng như là tính từ chỉ là một bước rất ngắn do đặc tính của ngữ pháp tiếng Việt: trong quyển *Nam tự điển* (1931-1939) của Hội Khai Trí Tiến Đức đã thấy ghi tính từ *khổng lồ* với nghĩa là to đại và với thí dụ cái chuông *khổng lồ* (tr. 284).

Không biết đó có phải là cái chuông do quốc sư Minh Không đúc Lý trù trì ở chùa Khổng Lộ (Nghiêm Quang) nên cũng có tên là thiền sư Khổng Lộ là một người Khổng Lộ gánh cả kho đồng của vua Trung Quốc về đúc như truyện cổ tích đã kể hay chăng ?

Nguyễn Trọng Nghĩa

Phạm Thị Hoài trên sinh lô mới của văn học

THUÝ KHUÊ



Sau *Thiên sứ* xuất bản năm 1989, *Mê lộ* năm 1990, *Từ Man nương đến AK và những tiểu luận*, tác phẩm mới nhất của Phạm Thị Hoài vừa do Hợp Lưu xuất bản tại Hoa Kỳ, là một tác phẩm quan trọng trong tiến trình văn học của Phạm Thị Hoài và văn học Việt Nam hiện đại. Tác phẩm này xác định chủ đích đổi mới văn chương mà Phạm Thị Hoài đã mở đường bằng *Thiên sứ* và *Mê lộ*. Phong cách khai quang ấy xuất hiện dưới hai hình thức :

- Cập nhật hoá tản văn với ngôn ngữ các ngành nghệ thuật đương đại như điện ảnh, hội họa, âm nhạc...
- Từ chối lối kể chuyện một chiều theo trật tự cổ điển, tác giả soi cái nhìn hai chiều vào một hiện tượng : đi từ ngoại cảnh đến nội tâm, hoặc ngược lại. Lối nhìn mới ấy cho phép độc giả tiếp nhận một lúc cả hai khía cạnh : khía cạnh khách quan (nhìn từ bên ngoài của người viết) và khía cạnh chủ quan (nhìn từ bên trong của chính hiện tượng vừa được viết ra).

Đó là lối viết flash (nói kiểu điện ảnh) hoặc lập thể (nói kiểu hội họa) chủ yếu nằm trên sự cắt đứt mạch tư tưởng bằng những cận cảnh (gros plan) thoáng qua trong đầu. Điều này thường xảy ra trong trí óc chúng ta (đang nghĩ chuyện này, nhảy sang chuyện khác) : ý nọ nhằng ý kia (chữ của Nguyễn Tuân). Nhưng chính sự nhằng nhịt ấy mới là tư tưởng trong trạng thái tinh chất.

Sự chuyển mình của Phạm Thị Hoài hình thành qua cách đặt câu hỏi : Trước hết, viết là gì ? Viết, theo Phạm Thị Hoài, là một cách ứng xử với bản thân mình và ứng xử với môi trường. Như thế nghĩa là thế nào ? Nghĩa là Phạm Thị Hoài không viết về một cái gì, không hề thuật chuyện, không hề kể chuyện. Mà Phạm Thị Hoài chọn cách thuật, cách kể, cách thể hiện chữ nghĩa để nói lên tư tưởng của mình. Và chính cái tư tưởng ấy cũng không có tham vọng “ giải quyết ” gì cả : đọc xong “ câu truyện ” không những vẫn đề vẫn nguyên, mà còn đưa đến trăm ngàn “ vẫn đề ” khác. Phạm Thị Hoài sử dụng ngôn ngữ như một chất liệu hơn là một ký hiệu. Ở điểm này, Phạm Thị Hoài gần gũi các họa sĩ, nhà thơ, điện ảnh gia, kịch tác gia hơn là các tiểu thuyết gia kể chuyện theo lối cổ điển.

Tác phẩm *Từ Man nương đến AK và những tiểu luận* được chia làm 5 phần. Xuyên qua 5 phần ấy, ngôn ngữ giữ những chức năng khác nhau :

Phần I gồm hai tuỳ bút, thật ra là hai bản giao hưởng : giữa ngôn ngữ và tình yêu (trong *Man nương*), giữa ngôn ngữ và những kỷ niệm một đời phong trần (trong *Kiêm ái*).

Phần II gồm một bài tường thuật *Cuộc đến thăm của ngài thanh tra chính phủ và Nền cộng hoà của các nhà thơ*. Hai bài này viết theo thể lý luận bằng nguy biện và phản chứng.

Phần III gồm hai truyện ngắn, vừa có tính cách siêu thực : pha trộn dĩ vãng và thực tại, thực tại và ảo giác ; vừa có tính cách cực thực : phá vỡ mọi ảo tưởng về cuộc đời, với tựa đề *Một anh hùng và Những con búp bê của bà cụ*.

Phần IV : truyện ngắn *Thuế biển* dạo đầu cho tiểu truyện *Thầy AK, kẻ sĩ Hà Thành*, tác phẩm then chốt của Phạm Thị Hoài.

Phần V gồm ba tiểu luận : *Viết như một phép ứng xử* bàn về quan niệm viết của tác giả, *Một trò chơi vô tăm tích* nói về chức năng của văn chương và *Văn học và xã hội Việt Nam* luận về cách sử dụng văn học trong đời sống Việt Nam.

Những phân đoạn trên đây có vẻ như không liên lạc gì với nhau nhưng toàn bộ tổng hợp chặt chẽ đường lối đổi mới bút pháp và cách thị sát con người của Phạm Thị Hoài. Trong năm phần, chỉ có phần thứ nhì và phần thứ năm, Hoài dùng ngôn ngữ như một ký hiệu thông thường để dẫn giải và lý luận. Những phần còn lại, ngôn ngữ được sử dụng như một chất liệu phản ánh tư tưởng trong trạng thái nguyên thủy, chưa pha trộn màu mè, chưa được sắp xếp thứ tự như khi đã phát âm ra ngoài thành tiếng nói, và lại càng không phải là thứ ngôn ngữ mà nhà văn đã dàn xếp với những quy luật, xảo thuật, lớp lang, với hằng hà sa số hư từ, liên từ, giới từ, chấm, phẩy, rướm và cộm để bao bọc chữ nghĩa.

Gọt cái vỏ ngoài đi, Phạm Thị Hoài làm hiện hình ngôn ngữ nguyên chất : sắc, thô, gai góc, và thể hiện nó dưới một quan niệm mỹ học khác, dựa trên những điểm :

- gợi nhạc trong âm điệu thăm của các thanh âm.
- gợi hình trực tiếp bằng từ vựng chiến lược, hoặc gián tiếp qua ẩn dụ công phá.
- phô bày một lúc hai lớp lang : vừa hiện tượng (qua cách tả) vừa bản chất (qua cách luận), cả hai phong cách xen kẽ nhau, trùng hợp nhau, làm nên một hợp chất cô đọng, súc tích, nhiều hình ảnh, châm biếm, chua cay, mà cũng thấm đậm, đau đớn.

Ngôn ngữ Phạm Thị Hoài do đó vừa gọn, sắc và có chất thơ đối với người đồng điệu, vừa khó hiểu đối với người không cùng độ nhạy cảm và quan điểm thẩm mỹ. Ngôn ngữ ấy cần sự cộng tác của người đọc. Độc giả không đọc Phạm Thị Hoài như đọc một câu chuyện kể theo mạch cổ điển, đọc đâu hiểu đấy, mà vừa đọc vừa khám phá, vừa phải “ nhai lại ” những điều vừa đọc, đổi thoại với chính mình và đổi thoại với tác giả. Nói cách khác : đọc Phạm Thị Hoài cũng là một cách ứng xử, với mình, với tác giả, và với môi trường. Đọc như thế đòi hỏi một phong cách trí thức, trí thức hiểu theo nghĩa là người biết suy nghĩ mà nhà văn hay những người có bằng cấp cao không hẳn là một phạm trù.

Man nương, tại sao lại Man nương ? Man nương có liên lạc gì đến tên người con gái trong truyền thuyết “ truyền Man nương ” ghi trong *Lĩnh nam chích quái* ? Hay là người con gái thổ dân miền sông Đà, núi Tản, xưa gọi là Man, nay là Mán ? Chắc là có. Man còn là biến tự (*anagramme*) của Nam – tên thật của Hoài. Nhưng những điều ấy không mấy quan trọng.

Man nương vừa là bản giao hưởng của tình yêu, vừa chứng minh một thử nghiệm bút pháp. Mạch văn ở đây diễn tả trực tiếp tư tưởng loé ra trong đầu với cường độ nhanh, chậm, đứt khúc, ghênh, thác của một dòng sông. Nói như một nhà âm nhạc : “ dòng nhạc chảy trong đầu tôi ” thì *Man nương* chính là “ dòng tư tưởng chảy trong đầu người tình ” từ khi người yêu đến cho đến lúc nàng đi, mỗi buổi chiều từ hai giờ đến bốn giờ, trong căn phòng xanh lơ, vuông vắn (4m x 4m5) và chiều cao standard 2m8 : kích thước tiêu chuẩn của một đời sống bình thường. Và tình yêu cũng bình thường, tràn trề không màu mè, son phấn như trong các tiểu thuyết bán chạy, giữa một người đàn ông “ khảng khái, nhanh nhẹn xương ” và một người đàn bà có “ khuôn mặt và mái tóc không cùng ê kíp ”. *Man nương* là sự tiếp xúc trực tiếp bằng thị giác, thính giác, xúc giác và tâm linh giữa hai cá thể. *Man nương* là lưu lượng chan hòa của tình yêu trong nhịp đập thiết tha và đồn dập nhất : bản giao hưởng nhẹ tấu lên khi *Man nương* se sít bước vào phòng :

« *Man nương, tôi gọi em như vậy những buổi chiều bốn mét nhân bốn mét rưỡi nhân hai mét tám màu xanh lơ trong căn phòng trống rỗng tầng ba có hai hành xanh một thứ cây nào đó tôi không bao giờ biết tên.* »

Man nương em không rón rén nhưng cũng không thật đàng hoàng băng qua một hành lang dài bếp dầu hôi chậu và guốc dép vãi như kẹo trước mỗi cửa phòng phòng nào cũng bốn mét nhân bốn mét rưỡi nhân hai mét tám màu xanh lơ » (tr.10).

Thứ đọc to lên, chúng ta mới thấy văn trong Man nương không thể đọc vì sự phát ngôn không bắt kịp nhịp chữ và lượng chữ dài hơn lượng thở. Ngôn ngữ ở đây là những “tiếng thăm” biến ẩn trong đầu khi dồn dập, khi xô lệch, khi cao, khi thấp, khi buông, khi thả, tùy theo động tác thể xác hay suy tưởng tâm linh. Chức năng ngôn ngữ ở đây là gợi hình, biểu cảm, môi giới cho cảm khúc của hai người tình. Những hình ảnh nhấp nhô không chỉ là những hình ảnh đẹp mà còn xen lẫn những góc cạnh méo mó, lệch lạc của đời thực : « *Đã bao lần em gắng thu xếp một tư thế lý tưởng nào đó lúc thì giấu giếm ngực lúc xưa đuổi hai cái xương chậu và chủ yếu là thủ tiêu những đường cong ngược ôi Man nương !* » (tr.11)

Man nương không phải là bản giao hưởng du dương trầm bổng trong không khí lâng mạn “tiểu thuyết” mà là một bản nhạc khác thường, hiện đại, cực thực, với những sần sùi, gai góc, những đường cong ngược... trên thân thể và tâm hồn con người ngay trong phút giây cực lạc. Ngòi bút sắc và đôi mắt sáng của Hoài không ở đó để ghi lại khía cạnh đặc dị (singularité) của đời sống mà để khai quật, mổ xẻ, lột mặt nạ (démasquer) khía cạnh bình thường dưới nhiều lăng kính, nhiều góc độ khác nhau. Nếu văn cổ điển dùng sự thành thực làm chuẩn thì văn của Phạm Thị Hoài dùng sự thực làm chuẩn. Điều khác nhau và cái mới là ở chỗ đó.

Dối với Phạm Thị Hoài, mẹ Việt Nam không phải là hình ảnh những bà mẹ Âu Cơ, đẻ ra trăm trứng, trứng rồng, trứng tiên. Cũng không phải là những bà mẹ kháng chiến huyền hoặc và thần thoại trong thơ Tố Hữu. Mẹ Việt Nam của Phạm Thị Hoài là bà mẹ trong *Kiêm ái*, sống trong những căn buồng cũn giang hồ như những ga tàu treo, cái gì cũng chuẩn bị nhỏ neo, những bà mẹ bán trôn nuôi miệng, bán tấm thân trần hình cong chữ S, sần sùi ở bờ biển vĩ độ mười hai mươi ba, để mua về những kỷ niệm rách nát, treo lủng lẳng trên tường. Những bà mẹ bị những đứa con khôn sớm nhìn sõi vào từng vết tích kệch cỡm, chiếu kính hiển vi vào từng sợi dây thăn kinh nhầu nát của cuộc đời phong trần, truy lạc, càng ngày càng dão mãi ra. Những đứa con ấy còn nhẫn tâm khai quật quá khứ, cả những tầng “người người lớp lớp” đã chôn sâu dưới lòng đất mà mùi xú uế còn không ngớt xông lên. Những đứa con quật mò ấy không nhân nhượng với quá khứ gian dối của cha và hiện tại giang hồ của mẹ. Cũng phải.

Mẹ Việt Nam của Phạm Thị Hoài còn là những bà cụ mũi nhăn nheo như một quả chuối khô giữa mặt ngồi bên bờ Hồ, bán những con búp bê, những đứa con do chính bà cụ sản xuất ra. Những dáng vóc rệu rạo bán ba mươi đồng không ai thèm mua ấy được Phạm Thị Hoài sinh động hóa thành những thiếu nữ Việt Nam — không phải là những thiếu nữ da vàng, yêu quê hương như yêu người yếu kém, trong nhạc Trịnh Công Sơn — người thiếu nữ Việt Nam của Phạm Thị Hoài, ngày hôm nay là những : “ *Con bé con nhà hàng xóm bên phải đang cầm chặt chiếc tích kê trong tay nhở nạo thai lần thứ ba trong vòng một năm rưỡi. Bạn đừng hình dung nó là đứa con gái trơ tráo nhảy tót lên bàn nạo xong rồi phủi dít trèo xuống. Lần nào nó cũng khóc mũi mẫn đủ ba mươi phút tiêu chuẩn trước khi phải nhường giường cho người tiếp theo. Đáng lẽ phải khóc cho cái tình yêu vừa bị vét ra bằng hết thì nó lại chỉ khóc vì bị bác sĩ chửi mắng, làm như nếu được đổi xử nhẹ nhàng hơn thì nó còn nồng lui tới đây hơn [...]* ”

Trong khi đó thì con bé nhà hàng xóm bên trái đã hoàn thành thêm một chùm thơ mới toanh, dĩ nhiên nói về tình yêu là cái nó chưa hề nhấp thử một giọt [...]. Nó viết những bài thơ giống như của các thi sĩ nổi tiếng phương Đông, những người chỉ ưa tiêu diêu du, thơ nó có nước sông Hoàng tuôn tung dòng

lớn từ trên trời xuống, có núi Thiên Mụ, có bến Tầm Dương, có những tâm sự đột ngột xuống hàng [...]. Phố tôi lại khoái những cảm xúc bịa rã ở của nó, người nào không thấy hay thì vỗ tay đèn dét vào trán tự trách mình không đủ trình độ để thưởng thức [...]. Con bé bèn làm thêm những bài thơ vạch trần tội ác xã hội mà nó đọc được trong đống báo cũ mua về để gói cà [...].

Những vại cà được bảo trợ bắt đầu đóng váng mà con bé không hay biết, nó còn đang ở trong thời quá khứ, cái gì cũng khắc biến thành dĩ vãng liêu xiêu, vẫn bịa đỡ như bao giờ. Tôi đến hoa huơ đồng bạc trước mắt nó và bảo, hai trăm này, hai trăm này, để nhắc nó ra khỏi cái quá khứ không hề có, nước sông Hoàng chảy như thế là nhiều rồi » (tr.95-98).

Sự “nhẫn tâm” của tác giả lúc nào cũng chờ đợi và sẵn sàng choc thủng bất cứ mảng lưới nào chắn che sự thật kèm thêm việc sử dụng ẩn dụ công phá để sai khiến hình ảnh về hùa, phóng ra những tấm portrait, những nhận xét, hay những cảnh huống khi thì hài hước khi thì nêu thơ, khi cay đắng, tàn nhẫn đến lạnh người, đại loại :

« *Một bên mi giả của nàng sấp roi và hai quả đồi non trên ngực nàng so le nhau, mỗi quả ở một độ cao, có lẽ do đắp vội* » (tr. 92). « *Kỷ niệm còn là những vết thủng trên tường bê tông... một đồ đạc treo nặng nghĩa nào đó đã sơ tán... Mẹ con em sống kiểu thời chiến kỷ niệm cũng nguy trang, với vội vàng vàng* » (tr. 22). « *Nửa nam đất nước thì nhuốm màu cải lương, nửa bắc tỉ tê em chả* » (tr. 113). « *Văn sĩ và hoạ sĩ là hai thủ duy nhất ở Hà Nội có thể sánh với phù sa sông Hồng, dày đặc và vô tận* » (tr. 127). « *Tượng là những hình khối cực kỳ tiên tiến của tâm linh, đứng giữa cuộc giao hoan tung bừng của các thời đại đá đồng gốm sắt ấy ta mới được biết tâm linh của chúng ta vốn cục như thế nào, rõ ràng rõ chít như thế nào* » (tr. 129).

Phạm Thị Hoài tạo ra một thế giới đa diện : vừa có thực, cực thực, vừa mộng ảo, siêu thực. Tác dụng của ẩn dụ biến những hình hài cụ thể trở thành trừu tượng và những ý niệm trừu tượng trở thành cụ thể để Hoài vẽ — một hiện tượng — với ít nhất một ảnh thật, một ảnh ảo và một ảo ảnh, với lượng chữ nhỏ nhất. Nếu những tác giả trước Hoài vung vít chữ nghĩa thì tới Hoài, chữ nghĩa đã được tiêu xài dè sỉn, nếu không muốn nói là tiết kiệm tối độ tối đa.

Những bài viết trong phần II, có tựa là *Làng Đinh* đứng riêng một thể loại khác, gồm một bài tự thuật và một bài tham luận. Bài thứ nhất *Cuộc đến thăm của ngài thanh tra chính phủ* là lời của một “dân làng” vừa “tâm sự” vừa “giải thích” lý do tại sao làng Đinh vắng bóng nhiều thú như khoa học, triết học, thi ca... Tóm lại, những thứ đó đối với họ đều “phù phiếm” cả. Tay ấy lý luận như thế này : sở dĩ chúng tôi không có các nhà thơ, vì chúng tôi không coi “việc bầu trời xanh trong mắt một người đàn bà là một nội dung ra hồn, bầu trời quê hương tôi xanh hay không, điều đó phụ thuộc vào thời tiết và được phản ánh trung thực trong mắt tất cả một ngàn nhân khẩu, hơn hai trăm hộ... chứ đâu phải độc quyền miêu tả của riêng ai...” (tr. 41); chúng tôi không có triết học bởi vì các triết gia thuộc loại giật dây kẻ khác, làm lũng đoạn xã hội, khi họ còn sống đã dành mà ngay cả những khi “họ đã yên phận đâu đó ở thế giới bên kia, họ vẫn tiếp tục già mồm triết lý”, cho nên “họ chính là những kẻ đầu têu nguy hiểm nhất” (tr.43).

Cái lối lý luận gàn này gồm thâu cả *nguy biện* lẫn *phản chứng* cứ từ từ dẫm lên những thực trạng — mà bình thường chúng ta gọi là “thảm trạng” — bằng thứ ngữ ngôn hóm hỉnh, hài hước, khiến người đọc càng nghiền ngẫm, càng thú vị và cái thú vị càng cao thì cái chua cay càng lớn. Phạm Thị Hoài từ chối loại “cảm xúc” dễ dàng, trực tiếp. Hoài lựa chọn gián tiếp : muốn khóc phải cười trước đã.

Bài tường thuật kết thúc trong chủ ý : Anh đã từng lường gạt dân quá nhiều lần, thì lần cuối dù anh có muốn nói thật, muốn

đổi mới thật, họ cũng không tin. Làng Đinh với bốn bức cổng chào, chỉ là hình ảnh nước Việt bế quan toả cảng thu gọn lại. Bao nhiêu năm bị giam hãm, bưng bít trong bốn bức tường, không cần đến các thứ “văn minh văn hiến” đó thì ngày nay, *ich gi mà phải đổi mới?*

Đối lập với tiếng nói của “nhân dân” là bài tham luận của một ông quan văn tựa đề *Nền cộng hoà của các nhà thơ* trong đó diễn giả mô tả một nền cộng hoà văn học chỉ đạo mà đội ngũ nhà thơ được tổ chức theo phạm trù quân sự: gồm thi sĩ thường và sĩ quan thơ ca. Sĩ quan thơ ca lại có ngạch trật: dự bị, úy, tá, tướng và nguyên soái, với một ban tham mưu, một bộ tư lệnh và hai tổng tư lệnh toàn cõi thơ: « *Chúng ta sẽ có bộ phận thơ chỉ huy, hậu cần, phòng không, văn công, đặc nhiệm, đại bác, cảm tử, thiết giáp... Cái đẹp loại một, loại hai, cho chí cái đẹp hạng bết không còn pha trộn tăm lumen như trong thùng nước mắm mậu dịch* » (tr.66-67).

Cái cười ở đây xác nhận tâm cảm bi quan tột độ của Phạm Thị Hoài trước xã hội Việt Nam hiện tại. Hai bài viết trong phần *Làng Đinh* đã là lý do chính khiến tác phẩm không thể xuất bản được tại quốc nội.

Những bài viết trong ba phần đầu cho chúng ta một khái niệm tổng quát về con người và xã hội Việt Nam. Nhìn sâu, từ người mẹ giang hồ trong *Kiêm ái* đến *Những con búp bê của bà cụ* hay những *anh hùng*, chỉ là những nạn nhân của xã hội. Ngay cả ông quan văn sáng chế ra cái nền cộng hoà bất hủ của các nhà thơ cũng chỉ là thứ sản phẩm tất yếu của một xã hội thượng thừa quy chế quân luật và bao cấp.

Phần thứ tư với truyện ngắn *Thuế biển*, tác giả đưa ra một mô hình “thủ phạm”, để dẫn tới phần thứ năm, thày AK, điển hình cho các khuôn mặt thủ phạm khác đã cấu tạo nên cái xã hội ấy. Người đàn ông trong *Thuế biển* mới chỉ là nét phác, sơ đồ của một thứ “lương tâm” luôn luôn được “*đánh bóng mạ kẽm*”, thứ người “biết trọng danh dự”, “trọng chữ nhân tâm”, một loại “*đức Chúa hằng sáng*”, đức Phật từ bi. Những “đức tính” ấy của người đàn ông làm nên “cái diện mạo tinh thần của cả một cộng đồng”.

Và tất cả những *cố gắng li ti làm vừa lòng kẻ khác* của ông khi đi chơi với người con gái: *ngôn từ, ngôn từ, rồi lại ngôn từ...* làm cho ông ta trùng hợp với Pandora (người đàn bà đầu tiên trên trái đất, trong thần thoại Hy Lạp, trách nhiệm đem cái xấu đến cho nhân loại) và đã dẫn đến cái *acte gratuit* (chữ của Gide) hành động vô cỗ cuối cùng và lạnh lùng của người con gái: « *Tôi giơ tay ra, rất nhẹ, và nhìn theo cho đến khi mái tóc người da đỏ của ông ta mất hút giữa những làn sóng biển. Dưới đó không có bảo hiểm. Sau lưng tôi là tiếng rú của một ni cô. Tiếp theo là a di đà phật* » (tr.117).

Thuế biển với kết từ dứt khoát và lạnh lùng: lương tâm thật (người con gái) loại trừ lương tâm giả (người đàn ông), mới chỉ là khúc nhạc dạo đầu cho tiểu tuyển thày AK, kẻ sĩ Hà thành, trong phần V.

Phần tối thượng trong tác phẩm, Phạm Thị Hoài dành riêng cho giới trí thức văn nghệ sĩ với tiểu truyện *Thày AK, kẻ sĩ Hà thành* bằng ngòi bút tuyệt xảo trong sự châm biếm.

Thày AK, một thứ thày đời, một kẻ sĩ chính hiệu, AK gồm thâu toàn bộ đức tính của mươi hai đệ tử của chàng:

- kẻ sĩ thứ nhất ưa dự án, phác họa và đề cương
- kẻ sĩ thứ nhì: có thể viết ngàn trang sách mà không cần hiểu nghệ thuật là gì.
- kẻ sĩ thứ ba: vừa là họa sĩ kiêm điêu khắc, tác phẩm lỏn nhõn những nỗi đau xoắn vặn mù mịt vào nhau, những nỗi đau rỗng và lão toét như những khẩu hiệu chính trị.
- kẻ sĩ thứ tư thuộc loại mình tự xỉ và mình: bao nhiêu điều xấu trên đời tôi nhận hết — tôi cầu kinh sám hối.
- kẻ sĩ thứ năm: bao nhiêu xấu xa thuộc người khác “*Chúng nó*

khốn nạn thật, chúng nó dạo này làm căng, chúng nó không để cho mình yên đâu...”.

- kẻ sĩ thứ sáu: chuyên xưng tụng những khuôn mặt sống nổi danh nhất ở đất Hà thành. Qua họ, chàng nhận ánh hào quang ké và phản xạ lại: chàng sáng hơn họ.

- kẻ sĩ thứ bảy: thuộc lòng các vĩ nhân đã chết: *Voltaire nói thế này, Goethe nói thế kia...*

- kẻ sĩ thứ tám: là đấng học sĩ chính qui, phó tiến sĩ, phó viện trưởng, phó giáo sư, hiên ngang quẳng những danh giá vẫn băng vào sọt rác mà chúng ta ngơ ngẩn nhất lên vì tiếc của.

- kẻ sĩ thứ chín: là một anh nhà quê, hiền lành ngồi nghe và chu đáo trả tiền khi tất cả đều bước ra khỏi quán.

- kẻ sĩ thứ mười là một nhà phê bình nghệ thuật tuyệt đối tránh dùng thể khẳng định mà chỉ ưa những “*phải chăng, có phải, có lẽ, đường như, nếu như, đâu như...*”

Mười vị đó cộng thêm cô học trò Kiều Mai và một đệ tử thứ mười hai, vẽ nên toàn diện các khuôn mặt sĩ phu Bắc Hà.

Trong lối công phá những sâu mọt của xã hội, Phạm Thị Hoài không thèm đếm xỉa đến những thứ mà mọi người chờ đợi. Chính quyền nếu có xuất hiện trong tác phẩm chỉ là thứ chính phủ mà người dân không thèm biết “*nằm ở đâu, ở hướng nào dưới gầm trời mênh mông này*” (tr.46), hoặc ám chỉ mông lung: “*bây giờ chúng ta đang ở trong một ngôi miếu thờ Ông Rắn mà dân bản xứ cung kính gọi là Người*” (tr.146). Chữ Người viết hoa. Đó là cách miệt thị gián tiếp.

Đối tượng của Phạm Thị Hoài ở đây là những bộ mặt trí thức văn nghệ sĩ, xúc không hết, có thể so sánh với phù sa sông Hồng dày đặc và vô tận. Và thày AK là một biểu tượng. AK — có thể là tên một khẩu súng — biểu tượng của sự phá hoại. AK — có thể là do chữ AQ của Lỗ Tấn và chữ K, nhân vật chính của Kafka trong hai tác phẩm *Vụ án* (Le procès) và *Lâu dài* (Le château) ghép lại. Lỗ Tấn và Kafka là hai tác giả mà Phạm Thị Hoài khâm phục và chịu ảnh hưởng. Nếu AQ diễn hình cho những bộ mặt Trung Hoa thời Lỗ Tấn thì AK là khuôn mặt diễn hình mà Phạm Thị Hoài chọn lựa cho xã hội Việt Nam ngày nay.

Phạm Thị Hoài mở đầu bằng hình ảnh hoá thân mà Kafka bầy ra trong *La métamorphose*: anh chàng Gregor Samsa sáng dậy tự nhiên thấy mình biến dạng thành một con bọ khổng lồ. Sự thoát xác của nhân vật trong truyện Kafka — cuốn sách mà thày AK vừa đọc và không hiểu và gán cho nó ý nghĩa “luân hồi” chỉ là cái cớ để Phạm Thị Hoài nói về cái dốt của người trí thức và mở đầu cho cuộc phiêu lưu mang hình thức thánh giáo của hai thày trò AK, trong một xã hội mà bản chất lương thiện đã bị thày trò AK làm ô nhiễm đến tận xương tuỷ. Nếu AQ của Lỗ Tấn là nạn nhân của xã hội Trung Hoa thời đầu thế kỷ thì AK của Phạm Thị Hoài là thủ phạm đã ô nhiễm xã hội Việt Nam hiện nay. AK là ai? AK là những người giả hiền, mang bộ mặt chúa, phật đi truyền giáo. Những trí thức ấy lừa bịp bản thân và lừa bịp quần chúng. Họ là những nhà văn lừa đảo trong văn phong, trong tư tưởng... họ sát nhân bằng ngôn ngữ, bằng ngòi bút. Họ là những thày thuốc chữa bách bệnh bằng dầu cù là. Họ là những thày giáo dạy học bằng lồng ngôn và ngoa ngữ. Họ là những con bù nhìn chính trị, suốt đời chỉ biết nhai lại độc một bản diễn văn. Họ là những thi sĩ làm thơ bằng cảm xúc bịa. Họ là những họa sĩ, điêu khắc sáng chế những quấn quai giả tưởng... Không khí trào lộng và hý lộng trong cuộc thánh du của hai thày trò AK càng cao thì bản cáo trạng càng dài.

Pham Thị Hoài là một người trí thức công khai nhìn nhận trách nhiệm của người trí thức. Trách nhiệm trước tiên đối với bản thân, sau đó đối với chữ nghĩa và sau cùng với người đồng loại.

Paris, 17.04.1993

Thuy Khuê

điểm sách mới

Tỷ kheo THÍCH MINH CHÂU
dịch



Chuyện tiền thân đức Phật

Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam ấn hành, 1991.

Gồm 4 tập. Tập 1 và 2, 120 chuyện, 340 trang. Tập 3 và 4, từ chuyện số 121 đến số 250, 328 trang, vị chỉ là 668 trang. Như thế là trên tổng số khoảng 550 jakata (chuyện tiền thân đức Phật) trong bộ Jatakassa Atthavannana tiếng pali, hoà thượng Thích Minh Châu đã dịch được non một nửa.

Nền văn học Phật giáo Jataka đã ảnh hưởng lớn đến sự truyền bá của đạo Phật ở Ấn Độ cũng như ngoài Ấn Độ, và đã lan ra lãnh vực văn học, nghệ thuật, kiến trúc, trở thành gia tài chung của nền văn hóa dân gian những nơi chịu ảnh hưởng Phật giáo, dưới mọi chân trời.

Chuyện tiền thân đức Phật đã thành phổ biến không những trong giới Phật tử mà còn tràn lan khắp mọi địa phương, mọi dân tộc. Các chuyện về súc vật đôi khi vượt biên giới tôn giáo Ấn Độ để trở thành chuyện cổ tích dân gian, nửa thần thoại nửa thực tế, không lệ thuộc tôn giáo nào hay xứ sở nào nữa.

Có thể một số chuyện cổ tích Việt Nam, như chuyện Tấm Cám chẳng hạn, cũng bắt nguồn từ những chuyện tiền thân đức Phật này.

Lần đầu tiên, chúng ta có một bản dịch jakata quan trọng, vì số lượng chuyện cũng như vì dịch nghiêm túc.

Nguyễn Thắng

Ngô Đức Thọ - Nguyễn Thuý Nga dịch và chú thích

Thiền uyển tập anh

Phân viện nghiên cứu Phật học, Nhà xuất bản văn học, Hà Nội 1990, 254 trang.

Một tư liệu căn bản về lịch sử Phật giáo Việt Nam. Ông Trần Văn Giáp đem dùng làm tài liệu gốc cho công trình nghiên cứu nghiêm túc đầu tiên (1932) về vấn đề này, Le Bouddhisme en Annam des origines au XIII^e siècle (Đạo Phật ở An Nam từ nguồn gốc cho đến thế kỷ thứ 13), mở đường cho các công trình nghiên cứu khác nối tiếp theo từ đó tới nay. Vừa qua, các nhà nghiên cứu trẻ gốc Việt ở Úc, ở Harvard (Hoa Kỳ) đọc lại Thiền Uyển Tập Anh qua lăng kính so sánh với các tập ghi chép những dòng thiền Trung Quốc như Truyền đăng lục, Cao tăng truyện và nêu lên được những vấn đề lý thú về nguồn gốc thiền Việt Nam...

Một tư liệu quan trọng chẳng những về Phật giáo Việt Nam mà còn về văn học, triết học, văn hóa dân gian v.v... Một trong số hiếm tác phẩm của ta khởi thảo từ cuối đời Lý, hoàn chỉnh và ổn định đời Trần, cách đây trên bảy trăm năm mà văn bản còn lưu lại đến nay còn khá trọn vẹn...

Thế nhưng, cho tới nay tác phẩm không được phổ biến. Vì nguyên bản là chữ Hán. Tuy có một bản dịch đã xong từ kh

lâu, những còn đợi được in trong bộ Thơ Văn Lý Trần. Tập I, rồi tập III bộ này đã xuất bản từ những năm 1977 và 1978. Thiền Uyển Tập Anh không có trong hai tập này.

Bắt đầu trên 10 năm. Đến 1989 nhà xuất bản Khoa học xã hội cho in quyển thương tập II. Thiền Uyển Tập Anh được xếp vào quyển hạ, vẫn còn nằm chờ trong ngăn kéo.

Dài dòng để nói rằng bản dịch theo bản khắc in năm Vĩnh Thịnh thứ 11 (1715) này đến tay người đọc sau biết bao năm mong chờ !Thêm lời giới thiệu của Ngô Đức Thọ, phân tích sâu sắc và uyên bác quá trình hình thành văn bản tác phẩm : “Khởi thảo bởi thiền sư Thông Biện (đời Lý), chuyển tiếp qua các thiền sư Biện Tài, Thường Chiếu, Thần Nghi đến Ẩn Không, tức Na Ngạn đại sư (đời Trần) là người cuối cùng hoàn thành việc biên soạn”. Tuy đã định bản nhưng các đệ tử của Ẩn Không còn cất giữ khoảng 50 - 60 năm nữa, cho đến năm Khai Hựu Đinh Sửu 1337 Thiền Uyển Tập Anh mới được khắc ván lưu hành...

Giặc Minh xâm chiếm đất nước. Sách của người Việt làm ra bị tịch thu, đốt đi. Tư liệu thất tán. Đánh đuổi được quân Minh xong, các danh nho như Nguyễn Trãi, Phan Phu Tiên, Lý Tử Tấn nhặt nhạnh giấy tàn, sách nát, gǎng sưu tập thơ văn người xưa còn sót lại. Nhưng dường như Thiền Uyển Tập Anh bị lãng quên.

Phải tới Lê Quý Đôn mới phát hiện ra rằng tác phẩm này là kho chứa văn học đời Lý : “Nước ta từ khi gây dựng, văn minh không kém gì Trung Quốc. Bài Từ vua Tiền Lê tiến Lý Giác nhà Tống lời lẽ nồng nàn có thể vỗc được... Hai vua Thánh Tông, Nhân Tông nhà Lý đều giỏi sách hay thơ, nhưng không biết tra tìm vào đâu, chỉ thấy sách Thiền Uyển Tập Anh còn chép được của Thái Tông hai bài, của Nhân Tông hai bài”.

Kết quả là Lê Quý Đôn dùng bản Vĩnh Thịnh sưu tập được 14 bài của 11 tác giả hầu hết là thiền sư đời Lý. Và nếu ngày nay chúng ta được thưởng thức những câu thơ như :

“Đừng tưởng xuân tàn hoa rụng hết
Đêm qua sân trước một nhành mai”

(mặc dù xuân tàn hoa tận lạc / đình tiền tạc dạ nhất chi mai) của thiền sư Mẫn Giác thì chính là nhờ Thiền Uyển Tập Anh.

Hôm nay bộ tập sách quý này đến tay chúng ta trọn vẹn. Và bằng tiếng Việt.

Nguyễn Thắng

Lê Trung Hoa

Họ và Tên Người Việt Nam

Nhà xuất bản Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1992, 172 trang, giá 8000 đồng, 35 FF tại các nhà sách Vietnam Diffusion (Paris 13).

Chắc cũng như tôi, các bạn đọc họ Nguyễn đã hơn một lần phải trả lời người ngoại quốc : “Không, ông Nguyễn đó không phải là cousin của tôi, gần 40 % người Việt Nam chúng tôi mang họ Nguyễn”. Nhưng, nếu phải đi sâu hơn nữa để nói về hệ thống tên, họ, và nhất là tên đệm của người Việt Nam, so sánh với hệ thống Tây phương và Trung Hoa, thì chúng ta dễ bí. Không phải ở đâu cũng dễ tìm ra những bài

nghiên cứu (như của các ông Nguyễn Bạt Tuy, Nguyễn Tài Cẩn) về vấn đề này. Mà cũng lạ : phải đợi đến Lê Trung Hoa, năm 1992, chúng ta mới có một cuốn sách chuyên đề về " Họ và Tên người Việt Nam ". Ưu điểm đầu tiên của chuyên luận này là nó tập hợp những thông tin rải rác, tản漫 trong các bài báo và cuốn sách về hệ thống tên, họ của người Việt Nam — không những của người Việt (tộc Kinh), mà của cả các tộc khác thuộc cộng đồng quốc gia Việt Nam.

Tất nhiên, có nhiều điều cần bàn lại. Thí dụ, tác giả cho rằng người Việt không có họ kép (ông không coi Đặng Trần — họ của Đặng Trần Côn chẳng hạn — là họ kép). Nếu đó là ý kiến, thì không còn gì phải bàn. Nhưng khi ông triệt thoái vấn đề bằng một chú thích dưới trang : " Có người muốn xem Nguyễn Lê... Võ Trần... là họ ghép. Nhưng quan điểm này chưa được đa số chấp nhận " (tr. 22), thì người đọc không khỏi thắc mắc : có đời nào chân lý khoa học lại do đa số quyết định ? Nói rộng hơn, ngoài cách tiếp cận lịch sử (lịch đại /diachronique), muốn tìm hiểu hệ thống họ, tên, và nhất là chữ đệm của người Việt Nam, nhất thiết phải phân tích cấu trúc (đồng đại / synchronique) của nó.

Dẫu sao, chuyên luận của Lê Trung Hoa là bước khởi đầu cho một nghiên cứu khoa học về vấn đề lý thú này.

KIẾN VĂN

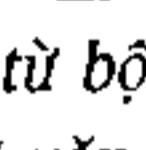
đọc sách

Trong cõi của Trần Quốc Vượng

Quyển **Trong cõi** của Trần Quốc Vượng (NXB TRĂM HOA ở Mỹ - 1993) rất hay. Hay nhất là mấy bài cuối. Văn của ông sâu sắc, dí dỏm, đọc rất thích thú. Giai tác này đã có mấy bài giới thiệu hay rồi : **Diễn đàn** ở Pháp số 1-3-1993 có bài của Nguyễn Trọng Nghĩa. **Hợp Lưu** (ở Mỹ) số 10 có bài của Thế Uyên. Tôi chỉ xin mách mấy chữ sai :

菩薩蠻詞

(Thủ bút của giáo sư Trần Quốc Vượng - Trương 14)

1. Chữ **Bồ** G.S. viết rất " lạ " ! Người ta viết thế này : 
2. Nếu giáo sư muốn dịch từ là đèn thì nên viết chữ từ bộ kỵ :  Chữ từ bộ ngôn G.S. viết trên đây nghĩa là lời văn, một thể văn....
3. G.S. dịch **Bồ Tát Man** Từ (chữ Hán trên đây) là **Đèn Bồ Tát** người Man (Tr. 15). Theo ngữ ý thì đây là **Bài từ điệu Bồ tát man**. Không phải " sùng ngoại ", cho các học giả Trung Quốc giỏi chữ Hán hơn giáo sư của ta, nhưng tôi cũng xin dẫn vài chứng cứ để tiện tham khảo : a) Trong **Từ Hải** có giải nghĩa **Bồ tát man** nhưng dài lăm. b) Trong **Toàn Đường Thi** (Quyển 897, sách 25, tr. 10137) có năm bài từ điệu **Bồ tát man** của Tôn Quang Hiến. Bốn câu G.S. chép ở trang 14 là nửa đầu bài thứ năm.

Vì G.S. gọi bài từ này là thơ (tr. 14), nên tôi xin thưa vài câu về từ. Từ là một thể văn vẫn nhưng khác với thơ (thi). Từ có rất nhiều điệu mà **Bồ tát man** là một điệu. Đào Tấn¹ có để lại 24 bài từ, trong hai bài điệu **Bồ tát man** có những câu :

" Lang tình thu hậu tiêu sơ diệp

" Thiếp tâm mạch thương du dương diệp " (tr. 258)

Văn rất hàm súc : *Tình chàng (dã nhu) lá thu tàn thưa thớt, (nhưng) lòng thiếp (vẫn nhu) con bướm lượn quanh bờ ruộng*. Xuân Diệu dịch theo nguyên diệu :

" Tình chàng lá rải sau thu úa

Lòng thiếp bướm lượn theo đường cỏ "

Ở Trung Quốc có nhiều thi nhân làm từ nhưng ở ta thì rất ít. Hoặc có khi các cụ **xen** từ vào thơ : ví dụ bài **TÂM SỰ MÝ** Ê của Tân Đà có xen vào một bài từ điệu **Vân Thủ** rồi tiếp luôn một bài từ điệu **Hoa phong lạc**, đọc lên nghe âm điệu du dương, thánh thót lạ thường ! Phạm Thái trong bài **TÌNH XUÂN** cũng có xen vào bài từ điệu **Tây giang nguyệt**, có những câu đối xan xát và trau chuốt tột mức :

" Thấp thoáng thoi oanh dệt liễu

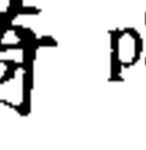
Thung thăng (có bản chép là phất phơ) phấn bướm giờ mai."

4. Bài chữ Hán cuối trang 15 có vài chữ tôi thấy **Toàn Đường Thi** (Quyển 891, S.25, tr. 10067) chép khác :

Chữ từ **祠** họ chép **hà 河**

Chữ đối **对** họ chép **thôn 村**

Hai chữ này tôi chỉ " mách lẻo " thôi. Vì sợ bài quá dài nên không bàn.

5. Phiên âm : Tr. 15 : ý  phiên âm ý.

Tr. 16 : **tôn 尊** phiên âm **môn**, **trại 賽** phiên âm **tại**.

6. Có những câu hầu như ai cũng thuộc mà tôi thấy chép " khác " ! Ví dụ đôi câu đối tuyệt vời của Cao Bá Quát (tr. 126) :

Phá tặc dân hiềm tam tuế vẫn

Đằng không do hận cửu thiên cơ

Câu dưới đây dịch : *Lên mây, từng chín giận chưa cao* (tr. 126) thì đúng là " **Đằng** vẫn do hận cửu thiên đê " rồi. Sao lại sửa **vẫn** ra **không** và **đê** ra **cơ** ? **Đằng** vẫn (**Đằng** vẫn giá vū) hay hơn **Đằng** không. Còn chữ cơ thì xin hỏi nghĩa là gì ?

Nguyễn Hữu Thành

Paris tháng 4-1993

1. **Thơ Và Từ Đào Tấn** - Nxb VĂN HỌC 1987 - Theo thiển ý thì quyển sách này rất tốt. Bản dịch đã hay lại có cả chữ Hán (thủ bút của Đào Tấn ?) viết đẹp và không sai. Sách của ta như thế là hiếm lắm. Chỉ đọc **LỜI GIỚI THIỆU** dài (*dài nhưng không thừa và không dai*) 47 trang của Xuân Diệu cũng đã " say " thơ rồi.

Cẩm nang du lịch :

VIETNAM, Michel Blanchard, Guides Arthaud

Hiện nay có tới bốn, năm cuốn hướng dẫn du lịch Việt Nam bằng tiếng Pháp. Vì thời gian và trang báo hạn chế, nên chỉ xin tạm giới thiệu một cuốn, đó là cuốn VIETNAM, của Michel Blanchard, do Arthaud vừa tái bản. Tôi chọn cuốn này vì nó mới nhất, lại được tác giả cập nhật hoá về các khách sạn, cơ sở du lịch, và ngắn gọn, tiện mang theo khi đi du lịch.

Thêm một ưu điểm so với các cuốn khác : các tên đất tên người ít lỗi chính tả.

Tác giả nhiều năm làm phóng viên AFP tại Việt Nam và tiếp tục theo dõi tình hình Việt Nam. Giá bán : 150 FF.

K.V.

ĐẢO RÙA

Vũ Quỳnh N. Hà

Người con gái có mái tóc dài đen quấn lọn đổi lại thế năm. Kỳ này nàng năm xấp để hở cái lưng trần bồng nhảy mồ hôi và dầu nắng, hai chân đồng đưa lên xuống làm bộ mông tròn chỉ bị che gần phân nửa bởi mảnh quần tắm kiểu Thong Bikini căng dãn theo động tác, như đang nhả, nuốt sợi giây bé tí ti chạy vòng quanh chỗ hở.

Elusu đưa cùi chỏ qua thúc vào Duy :

– Mày xem, người con này chắc nịch trông thật đã mắt.

Duy đảo theo cái nhìn đuôi mắt của Elusu. Cái chắc nịch của U.S. fitness, YMCA và aerobics theo điệu nhạc nhu động dẫu lên từng bắp thịt của tấm lưng trần không có đến một lăn nhạt. Duy chói mắt. Hai chân con nhỏ dài không thua gì bãi cát bảy dặm ở đảo Rùa này.

“ Đảo Rùa ” không phải là tên thật. Từ trên phi cơ nhìn xuống đảo cũng không có hình thù của một con rùa. Chẳng qua là cái tên được dân địa phương đặt ra có lẽ bắt nguồn từ những chuyện cổ tích người xưa để lại. Một cái tên cho có vẻ huyền thoại, hấp dẫn như Động Tiên hoặc Hang Dơi. Elusu dùng tên “ đảo Rùa ” để gọi đảo Cayman, chỉ là một thói quen của gã. Sáng nay rảnh rỗi, trời còn sớm gã rủ Duy ra bãi cát bảy dặm để ngắm mấy cô du khách năm phơi nắng, cũng là một thói quen.

Những căn chòi nhỏ nằm một dãy dọc theo bãi biển thật yên tĩnh. Không có xe bán kem quẩy rầy leng keng điệu nhạc. Chỉ có tiếng sóng vỗ ì àm ngoài khơi dội vào. Lâu lâu vài anh bồi rượu từ những khách sạn lớn chung quanh, lấy cớ lượn vòng quanh hỏi xem thiên hạ muốn uống gì cũng đủ làm dân du khách thấy mình được ưu đãi đặc biệt. Ở đây cát trắng mịn, nước trong veo. Những cô du khách từ xa đến nghỉ mát, mặc áo tân thời bằng da thú Anne Klein, óng ánh metallic Goltex, nếu có lõi bơ rót cũng chẳng sợ tìm không thấy. Mấy cô tha hồ phơi nắng để ngực trần không sợ bị cảnh sát biển phạt. Elusu ngắm và phê bình con gái năm rải rác chung quanh như phê bình xe hơi. Cayman nhỏ, chạy vòng quanh đảo chưa tối đến một ngày. Gã thèm thường được có một chiếc xe như thèm gái đẹp. Cả đời, sự nghiệp của gã chỉ mua được chiếc xe gắn máy, đủ để làm phương tiện di chuyển và tìm chỗ đậu xe ở Georgetown khỏi phải tốn tiền.

Thoáng nhìn Elusu người ta có thể đoán gã không phải là dân đảo chính gốc. Màu da đen của gã pha lẫn giữa hai giọng máu Jamaican và Bồ Đào Nha, nhất là mái tóc gã không quấn

và xoắn lại như người bản xứ. Elusu không có tham vọng và cũng không có ước vọng to lớn gì. Lối sống buông thả nay đây mai đấy của gã đôi khi gợi lại cho Duy hình ảnh của chính mình. Duy nhìn cái bụng hơi phệ của Elusu – kết quả của những buổi ngồi đấu láo uống bia – rồi lại nhìn qua người con gái đang nằm sấp, mong nàng đổi lật lại vị trí. Nhưng Elusu đã kéo hắn đi. Vài ba tiếng nữa đây tàu thả neo, sẽ có thêm nhiều đàn bà, con gái để tha hồ nhìn ngắm và bàn tán.

Hôm nay Elusu diện hơn thường lệ. Bộ quần áo may cùng loại vải sắc sỡ hoa hoè có điểm hình vài con két, đầu bôi Jell vuốt mượt ra sau, đuôi tóc cuốn giây thung giữ lại. Gã có vẻ hanh diện về nguồn gốc, tổ tiên, mặc dù thường ngày gã hay ngồi chồm hổm chửi đồng thiên hạ, than ngắn thở dài cuộc sống nghèo khổ của đời ông cha chả để lại cho gã được gì nhiều. Thế hệ ông cha gã xả thân cứu thủy thủ của hoàng gia Anh quốc, nhờ vậy giờ con cháu được miễn đóng thuế hàng năm.

Chiều nay có khoảng ba giờ dân du khách sẽ “ đổ bộ ” lên đảo từ những tàu Princess, Carnival với giàn đèn đủ màu chói sáng cả khung trời ngoài khơi. Elusu sẽ có mặt, chờ những chiếc tàu nhỏ chở đầy người vào bến. Gã làm nghề hướng dẫn đã lâu. Từ khi còn mặc quần thủng đít gã hay được cha cho theo ra bến tàu đón du khách đi thăm động đoi, trại nuôi rùa, hang hải tặc. Hồi xưa các cô, các bà thấy Elusu thường hay béo má, vuốt đầu khen thằng nhỏ dễ thương. Dần dà lớn lên gã không quên nghề cũ. Georgetown, khu phố chính, gã rành từng ngõ hẻm; đường vòng quanh uốn khúc, gã nhớ từng viên gạch ốp.

Elusu quay sang Duy thầm thì :

– Tí nữa tao sẽ tìm cho mày một con nhỏ thật thơm, thật đẹp.

Cái “ thơm ” Elusu ám chỉ là cái thơm mùi nước hoa thành thị mang từ xa đến, 6 oz ¹ Giorgio Beverly Hills, bốn mươi lăm dollars, ở đây chẳng ai dám dụng vào. Elusu chê con gái đảo quê mùa, lam lũ. Gã hít một hơi vào lồng ngực, hỏi lại :

– Sao ? Thích không ?

– Cám ơn, nhưng tí nữa tao có hẹn với Kaya. Duy trả lời.

– Kaya ? Elusu hỏi lại. Vẽ mặt hơi ngạc nhiên pha lẩn chút khó chịu.

– Ủ, Kaya ! Duy nhấn mạnh.

Quay sang, Duy gấp cái nhún vai Elusu thường làm mỗi khi gã không biết nên nói gì cho phải.

*
* *

Kaya, người con gái màu da bánh mật của ngày đầu Elusu lôi Duy đến xem trại nuôi rùa. Kaya lúc đó không có hoa bụt đeo ngang tai, cuốn quanh bụng để ngực trần Tahiti, không hoa Lei, mặc muumuus ông eo điệu nhạc Hula Hawaii. Kaya chỉ có cái áo đầm trắng loại Made in India, 100% cotton, chống mông ở bãi cát bởi trứng rùa để ấp trong lồng kính. Kaya với mái tóc dài quấn khô lõa xõa trên vai, thiếu chất condition cần cho những buổi trưa hè nắng gắt.

Nếu không phải vì Kaya chống mông một mình ở bãi cát

vắng này thì chưa chắc gì hắn đã ra làm quen... Hắn cười lịch sự :

– Chào cô.

Kaya cũng quay sang nhìn hắn. Môi nàng đầy, mắt nàng nâu đen. Kaya có vẻ quen với dân du khách hay là cà tơi hỏi.

– Anh ở xa mới đến?

– Tôi từ Miami, Florida.

Elusu vẫn cái điệu bộ của những tên làm nghề hướng dẫn viên, hình như đã ăn sâu vào tủy, gột bỏ chẳng được – cao giọng cắt ngang cuộc đối thoại giữa hắn và Kaya :

– Đây là một nguồn tài nguyên quý giá còn hơn châu báu ở đảo này, mà có biết không? Món thịt chính của đảo là thịt rùa. Hàng năm trại rùa sản xuất không biết là bao nhiêu tấn thịt, chưa kể đồ nữ trang được làm từ mai rùa mà dân du khách thích mua về làm kỷ niệm.

Duy quay qua tìm Kaya. Hình như nàng không để ý thái độ thiếu lịch sự của Elusu. Nàng cũng có vẻ không thích đứng gần, nghe Elusu kể lể. Lúc này chiếc rổ trên tay nàng đã nặng trĩu trung rùa. Duy ráng chờ Elusu nói cho xong câu. Sở Kaya biến mất hắn hỏi vội :

– Thiên hạ ăn trứng rùa?

–Ồ! Không đâu. Kaya lắc đầu chỉ tay vào rổ. Trứng này dùng để ấp. Để tôi dẫn anh đi một vòng xem cho biết.

Rồi nàng nắm tay, kéo Duy đi chẵng cần để ý đến sự có mặt của Elusu. Duy quay qua hỏi Elusu như một cách chia tay khéo :

– Tối nay gặp nhau ở chỗ cũ chứ?

– Ừ! Thôi tao đi, Elusu cũng từ biệt.

Những bồn nước to cỡ chậu plastic thay thế hồ bơi mà những gia đình bình dân hay mua cho con cái tắm vào mùa nóng nực, chứa nước biển sủi bọt được bơm từ ngoài khơi vào. Kaya chỉ cho hắn xem một bồn có cả hơn trăm con rùa đang tranh nhau bơi. Những con rùa chỉ bé bằng hai ngón tay chụm lại. Nàng giải thích :

– Bồn này chứa rùa xếp theo mẫu tự. Đây là bồn A. Khi mấy con này lớn hơn một chút, tính ra độ khoảng hai tháng, sẽ chuyển sang bồn B.

Kaya dẫn Duy đến trước một cái hồ xây theo khuôn khổ thế vận hội có rào làm bằng kẽm chia từng khu vực, mỗi khu vực có 3 hoặc 4 con rùa to cỡ hai người ôm, lung nặng nề di động. Duy đoán đây là những con rùa lớn nhất. Ngồi sát thành lâu lâu một con bơi sát qua, người ta có thể thò tay xuống sờ vào mai nó. Dưới hồ có xây những khối kính thật to cao quá mặt nước để du khách có thể đứng nhìn rùa bơi qua lại như trong Sea World ở Orlando, Florida.

– Cỡ này là làm thịt được rồi. Phải lôi nó lên mang vô xưởng...

Duy cắt ngang câu nói của Kaya :

– Thịt rùa không biết giống thịt gì nhỉ?

Hồi nhỏ ở Việt Nam hắn có nghe đến thịt rùa biển. Dân nhậu khen ngon nhưng có người lại nói ăn thịt rùa không khéo dễ trúng phong. Hắn chẳng ham thủ cho biết ra sao, mà nhô lại cặp rùa treo trên tường nhà ông bà ngoại hắn, đầu cổ săn

sùi như da rắn, không thấy gì là thẩm mỹ.

– Thịt rùa ăn giống thịt heo và thịt gà. Kaya trả lời. Anh muốn đến xem người ta làm thịt rùa không?

Hắn sợ nhìn thấy cảnh máu me chết chóc, không có gì là hấp dẫn, vội xua tay :

– Khỏi cần vào xưởng làm gì. Cô mặc đẹp như vậy vào đó bị bẩn mất công.

– Anh phải thử cho được món turtle steak ở đảo này. Ai từ xa đến cũng đều khen ngon. Không những thế còn bổ nữa. Dân thủy thủ Tây Ban Nha kéo dài được hành trình ngoài khơi không biết đến bao nhiêu tháng trời là cũng nhờ ở thịt rùa.

Thấy sự thân thiện, vui vẻ của Kaya, Duy không bỏ lỡ cơ hội :

– Vậy chiều nay tôi mời cô đi ăn turtle steak được không?

Là con gái đảo lâu lâu mới có người mời, Kaya thích thú gật đầu chấp thuận :

– Chiều nay vào khoảng bảy giờ được chứ? Nàng loay hoay vẽ bản đồ cho hắn.

– Đúng bảy giờ! Hắn cười.

Thịt rùa hắn hơi ớn, nhưng được dẫn Kaya đi thì dĩ nhiên hắn thích.

*
* *

Kaya có phần diện hơn lúc hắn gặp nàng buổi sáng – Duy nhận xét hơi thừa thãi. Hắn ngắm Kaya, áo đầm tím nhạt của màu hoa Africa đủ để ánh nắng hoàng hôn chiếu xuyên qua, đủ cho hắn thấy những đường cong trên người nàng. Vẫn loại 100% cotton thoáng mát, không phải lo bôi deodorant vào nách ngăn mồ hôi. Kaya không đeo nịt vú, hai đốm đậm lờ mờ trên khung áo như gợi mồi cái liếc nhìn thoáng qua của hắn. Nách nàng lót phớt mẩy sợi lông quăn dài không nhổ, chân không cạo để trần thoải mái. Nàng mang dép cao su, loại ở Việt Nam người ta thường bày bán trên các vỉa hè. Chỉ cần xối nước, đạp đạp vài cái là bùn đất hay cát đều rớt ra khỏi phải lôi thôi cởi tháo mỗi khi cần rửa chân. Không panty hose, không garter belt như hắn hay nghe Elusu kể về những cô gái từ xa đến.

Duy lịch sự hôn phớt lên hai má nàng. Kaya e thẹn nhưng thích thú với hành động hào hoa, tân thời này của hắn. Ở đây là đảo, một chấm nhỏ trên bản đồ, chẳng phải Paris, được một người đàn ông đối xử galant làm sao không thích được.

Con đường trải nhựa từ chỗ Kaya ở lồi lõm sau cơn bão Hugo vẫn còn in dấu tích. Những căn nhà xiêu vẹo thuộc giới lao động, hình như bị muỗi biển tàn phá thiếu phương tiện sửa sang, nằm dọc một dãy, vài con chó thả long chạy sủa long bong.

Tiếng thảng gấp của bánh xe ôm nhựa đường làm Duy giật mình kéo vội Kaya về phía mình. Nàng cười chảng phải cái cười chế diễu, để lộ hai hàm răng trắng đều :

– Có vậy mà anh cũng giật mình. Tự sinh viên không biết từ đâu bầy ra trò này để hù thiên hạ, nghĩ cũng vui.

Tiếng cười của lũ người lố nhố trên xe và tiếng thảng gấp

vẫn từ xa vọng lại. Duy hơi ngượng về cái tật giật mình xưa nay vẫn có. Kaya giải thích thêm :

– Tui nó thích lựa những cặp đi đường rồi giả bộ thăng gáy để chọc đó mà ! Anh chờ xem, tí nữa tui nó sẽ trở lại.

– Ủ, thì tôi cũng biết. Chỉ lo sợ cô có bị gì thì phiền.

Hắn bào chữa cho có lệ.

“ Conch Star ”, cái bảng nhỏ có vẽ hình con ốc biển nổi lờ mờ bởi ánh đèn neon 100 watts và lú thiêu thân lượn vòng, không đủ ánh sáng. Một quán bình dân trang hoàng vài ba lưỡi cá giăng trên tường và mấy vỏ sò gắn chung quanh. Tiếng nhạc vang lên hồn đòn. Mỗi quán một ban nhạc, không cửa che. Nghệ sĩ local và vài ba anh Jamaican gân cổ lên thổi saxophone. Blue Jazz không thịnh hành. Raggae từ Phi Châu mang qua, mệt mỏi điệu nhạc của bao nhiêu năm đòi quyền tự do, bình đẳng. Ubao, Ziggy Marley, Black Uhuru “ Free South Africa ” nhịp nhàng, chậm chạp kéo lê như đời sống dân địa phương. Thiên hạ như cổ níu kéo lại thuở xa xưa. Không ai muốn đổi mới dù dân du khách mỗi năm mỗi ồ ạt kéo về. Không có nhóm biểu tình đứng đường hô hào bảo vệ không khí ô nhiễm, tầng ozone trong thời kỳ nguy kịch, hơi độc nhà máy, mưa acid, bảo vệ sức vật cấm mang sản vật vào đất liền. Thỉnh thoảng mới có những chiếc xe như lúc nãy chạy ngang qua ; những chiếc xe mui trần mở lồng những bản nhạc mới nhất của đám sinh viên trong kỳ “ Spring Break ”²

Tiệm ăn mù mịt khói thuốc. “ Bàn cho hai người, chỗ không hút thuốc ”. Duy đòi hỏi hơi thừa. Quán này không chia ranh giới no smoking, muốn có bàn cũng tự tìm lấy. Gã bồi bàn hình như đã quen với dân du khách nên không mấy để ý đến đòi hỏi của Duy. Duy sực nhớ đây chẳng phải Miami, chỉ là một hòn đảo nhỏ thuộc về Anh quốc mà thôi.

Họ tìm được bàn gần lối ra vào ngõ bếp. Bàn nhỏ bằng cái mâm, vừa đủ chỗ cho hai đĩa ăn cỡ trung bình và hai cái ly uống nước. Đây là quán chuyên bán thịt rùa, không phải cao lầu, ăn uống không chia ra làm ba, bốn phần salad, soup, món chính rồi đến tráng miệng, cũng không có đến một cái thực đơn để khách lựa chọn. Kaya vẫy tay làm dấu mà không hỏi ý kiến Duy :

– Cho hai đĩa turtle steak.

Món thịt rùa nướng có tẩm bột sốt hành, cà chua với ớt tây, Duy ăn thấy lạ miệng, cũng ráng nuốt, mang máng nhớ lại Kaya nói thịt rùa có chất bổ đặc biệt, hắn cười. Kaya cũng cười tươi nhìn hắn ăn, như người vợ hiền lần đầu tiên săn sóc bữa tối cho chồng. Cứ vài phút nàng lại hỏi hắn ăn thấy ngon không.

Khi xưa thần Kim Quy cho kiếm rồi đòi kiếm vua Lê. Thần Kim Quy giúp An Dương Vương xây thành Cố Loa, cho móng làm nô thần gây ra mối oan tình Trọng Thủy My Châu. Nay giờ Kaya chẳng phải My Châu, Duy cũng không muốn làm Trọng Thủy, đang ngồi trong quán thưởng thức món thịt rùa, khoái chí. Nhìn thiên hạ qua lại ; náo nhiệt, ồn ào tiếng trống tiếng kèn, Duy cảm thấy thời giờ ở Đảo Rùa như ngừng lại ở một vùng không nhất định. Mà thế thật, từ khi bước chân lên đảo chưa bao giờ hắn xem giờ, ngay cả trước buổi hẹn với Kaya. Họ chẳng chỉ nhìn đồng hồ deo tay chỉ bình thường khi còn bao lâu lúc hắn lặn sâu dưới đáy biển.

* * *

Sự thích thú của Duy khi nghĩ lại buổi đi chơi với Kaya hôm qua chả kéo dài được lâu. Elusu đang chửi ông trời không ra gì tự nhiên lại mưa. Ngày thường ngưng đầu le lưỡi chẳng thấy giọt nào, hôm nay ngày quan trọng lại mưa dày diết từ tối đến giờ vẫn chưa thấy tạnh. Elusu ngồi bó gối, ôm cái radio nhỏ bằng cuốn travel guide hắn hay dùng, nghe ngóng thời tiết. Tiếng vang vọng của mấy anh xuống ngôn viên phỏng đoán thế nào chiều nay cũng tạnh, hình như vẫn không dám được cơn bức dọc của Elusu.

Kể ra Duy thích mưa, nhưng mưa một ngày, mưa nhiều chán đời là lẽ thường. Cái buồn tự đâu kéo đến, không phải vì mưa, cái buồn của ngày cuối tại đây, sáng sớm mai hắn ra đi. Elusu hình như không để ý đến sự thay đổi trên khuôn mặt của hắn. Elusu đang lo âu, sợ chiều nay còn mưa hoài như thế sẽ ế khách, mất đi cái vui. Bộ quần áo hải tặc gã tổn công tìm cho Duy không phải là rẻ gì.

– Mày mặc thử tao coi có vừa không. Elusu quàng bộ đồ lên người hắn.

– Làm ơn cho tao miễn. Mặc mấy thứ này khó chịu lắm. Duy xua tay từ chối.

– Đâu có được. Mày phải mặc. Elusu giải thích. Ở đây một năm chỉ có một lần. Mày đến vừa đúng dịp, ngày mai lại bỏ đi. Bao giờ mày mới có cơ hội trở lại.

Ủ, bao giờ mới có dịp về lại đây. Duy nhủ thầm, chợt nghĩ đến Kaya, chắc rồi Kaya cũng sẽ buồn.

Bộ quần áo satin bó sát người làm Duy thấy khó chịu. Thiếu thoải mái trong cái khăn quấn đầu, vương víu kiếm đeo ngang hông. Thật rắc rối. Hắn tưởng tượng hình ảnh Kaya trong bộ quần áo hải tặc bó sát có phần thích hợp hơn. Mang máng nhở hình như không có đàn bà làm hải tặc, mà nếu có hắn cũng chưa nghe đến bao giờ. Làm dân Viking có vẻ hay hơn. Ít ra cũng cao lớn, không phải ăn mặc luộm thuộm hay khoác áo choàng, chỉ cần áo tơi che nửa người, để một tay tự do cầm kiếm. Hải tặc chết đi không ai thương tiếc. Đàn ông Viking chết ít ra cũng có nàng hầu cùng chết theo. Duy sợ sự cô đơn, nếu hắn chết, tàu sẽ được kéo vào bờ, cùi chất chồng chôn dưới hầm, một căn lều sẽ được dựng lên và người hắn nằm êm ái trên nệm chung quanh có bầy thức ăn và những vũ khí của biết bao nhiêu người đã bại trận dưới tay hắn. Một trong những nàng hầu của hắn sẽ được chọn để cùng chết chung với chủ. Nàng sẽ sợ hãi, khóc lóc tì tê, rồi người đàn bà mang tên “ thần chết ” sẽ lôi nàng vào trong căn lều, ở đó nàng sẽ bị đâm bởi dao hay bị thắt cổ bởi giây thừng. Xác nàng xếp nằm chung bên chủ, tàu được hỏa thiêu, căn lều thành tro bụi, và hai người sẽ mãi mãi gần nhau.

Hắn mơ màng như vai chính trong chuyện cổ tích vừa được quay thành phim chiếu trên màn ảnh đại vi tuyến 70mm, âm thanh nổi có dolby.

– Trông mày cũng oai gör ! Elusu mở miệng cắt ngang giấc mơ làm Viking của hắn.

Duy quay qua nhìn vào góc. Cái gương kê lệch phủ đầy màng nhện, phải nhíu mắt lại lắm mới trông rõ được.

– Tao thấy giống hải tặc Thái Lan, có gì mà oai.

– Hải tặc Thái Lan ? Elusu ngạc nhiên không hiểu câu nói của hắn.

Duy lắc đầu cười trù, không muốn mất công giải thích. Có nói chưa chắc Elusu đã hiểu. Đối với Elusu hải tặc là hải tặc, và hôm nay, ngày " Hải Tặc " ở Đảo Rùa, hải tặc trở thành một biểu tượng quan trọng và đẹp đẽ.

– Ủ, thì muốn giống ai cứ việc. Elusu gật gù ngắm hắn. Trông mà vẫn giống hải tặc Cayman. Nếu có bộ râu giả vào thì mà trở thành Blackbeard, cũng oai.

Hải tặc của đời xưa đến đời nay vẫn còn nhiều người nhắc đến, trở thành một huyền thoại bỏ quên đi sự tàn bạo của con người. Thời tiền nhân cướp của giết người, giờ đây con cháu lợi dụng để làm tiền du khách.

Những lá cờ đen với sọ người trắng hổng hai xương bắt chéo vào nhau phất phới bay đầy con hẻm. Cửa tiệm cho mượn đồ hoá trang đã được du khách chiếu cố từ mấy hôm trước. Những cô du khách đúng ống ẹo trước gương ướm thử quần áo vào người, khúc khích. Đàm trẻ nít cõi năm, sáu tuổi đua nhau múa gươm bắt chấp lời la hét, cẩm đoán của cha mẹ. Tiếng ồn ào náo nhiệt vọng ra từ tất cả mọi căn nhà, đầu ngõ đến cuối ngõ, như cả một lịch sử vừa sống dậy.

*
* *

Elusu mỗi tay choàng một cô du khách. Hai người con gái tóc vàng óng ánh, chụm đầu vào nhau cười nắc nẻ. Mưa đã tạnh từ chiều. Elusu thú vị ngồi rung dùi hộp rượu. Cảnh này không còn lạ đối với Duy và những giai thoại hải tặc của Elusu hắn cũng đã thuộc lòng. Elusu được gái mua rượu cho uống, huyên thuyên kể, nước bọt bắn tung toé, quên cái cảnh khó chịu khi mới vào bắt gặp Kaya ngồi bên cạnh Duy.

Kaya hình như cũng không ưa thích gì lúc thấy Elusu khoác tay hai cô gái tóc vàng. Sự thân thiện của người dân trên đảo đối với khách du lịch là một chuyện, thân mật lại là một chuyện khác. Câu ca dao tục ngữ " ta về ta tắm ao ta, dù trong dù đục ao nhà vẫn hơn " đã xưa, nhưng vẫn áp dụng ở bất cứ nơi nào mà không gian và thời gian còn được xoay chuyển bởi con người ; và con người sẽ mãi mãi gay gắt với kẻ khác trong khi dễ dãi với chính mình. Hai bàn chân Kaya đang đưa lên xuống đun đẩy như cái ngáp dài mỗi khi nàng quay đi dấu điểm. Những cặp tình nhân ngồi núp trong góc cũng ngà ngà dựa vào nhau, du đưa theo điệu nhạc Raggae ; nhịp nhàng như sóng biển đang dần dập phủ vào bãi cát bảy dặm trải ngang quán ăn, nhịp nhàng như cơn gió đông đưa giàn đèn giấy kết hoa treo chung quanh cửa.

Duy đưa mắt làm dấu cho Kaya. Cách rút lui lịch sự của hai người Elusu hình như không để ý. Khi gặp lại nhau, vài ba câu hỏi han cũng đủ.

Gió biển thoổi. Duy thấy thoải mái. Hắn nắm tay Kaya, đạp chân lên bãi cát mịn, chạy dài theo ven biển. Sóng nước tạt vào tà áo Kaya, thảm uốt gần nửa thân hình. Kaya giọng buồn hỏi :

- Ngày mai anh đi rồi à ?
- Sáng sớm. Hắn trả lời cho qua chuyện. Cảnh bịn rịn chia

tay hắn không thích.

– Ai đưa anh ra phi trường ?

– Chắc Elusu.

Thật sự Duy không chắc. Hắn chỉ biết hắn không muốn nhìn Kaya có mặt tại phi trường, buồn bã tiễn hắn đi. Tối nay, chưa chắc Elusu đã về nhà ngủ. Tối nay hắn cũng không muốn về. Kaya lặng yên không hỏi thêm nữa, vài giọt nước mưa bắt đầu rơi trên khuôn mặt không son phấn của nàng. Nước mưa mát, nước biển quanh năm suốt tháng ấm. Hắn cúi xuống hôn Kaya, lưỡi hắn liếm nhẹ những giọt nước đọng trên mặt nàng. Ở đây không có " acid rain ", không lo bị ung thư, mặt Kaya về đêm đẹp không thành thị. Ở đây biển không bị ô nhiễm dầu Exxon. Hắn đưa tay tháo những cái nút áo, ngực Kaya rắn chắc, bụng nàng thon, da nàng mát nhè những lúc chống mông đứng lên cúi xuống lượm trứng rùa, không phải tốn 50 dollars mỗi tháng cho U.S. Fitness. Hắn ôm choàng Kaya, nhoài người vào trong sóng biển. Đảo Rùa, cảnh sát tuần đêm hình như không có.

*
* *

Tiếng cò chiêu dài hàng không leo nhéo trong loa làm Duy giật mình tỉnh giấc. " Xin quý hành khách miễn chụp hình hay quay phim khi bay ngang qua hải phận Cuba, cảm ơn ". Phía dưới là đại dương một màu xanh thăm. Hình như đã xa đảo Rùa. Xa từ cái ngoảnh mặt không nhìn, xa một khoảng cách không gian, thời gian và cả một lịch sử văn hoá. Hắn nhoài người ép mặt vào cửa sổ máy bay, cố gắng tìm cho được cái chấm nhỏ nằm dưới Cuba. Không thấy ! Hình như đảo Rùa đã lặn sâu vào lòng biển cả.

Miami và thủ tục quan thuế. Duy uể oải xếp hàng nối đuôi theo đoàn người đang đứng thứ tự dưới gạch vàng được tô đậm dòng chữ " dành cho công dân Mỹ ".

Gã quan thuế hỏi :

- Ông có mang sản phẩm súc vật nào vào nước không ?
- Không. Hắn đáp. Chiếc bảng bảo vệ súc vật chính in trên tường đập vào mắt hắn.
- Ông có mang trái cây hay thịt thà gì không ?
- Không !

Hắn lại đáp, như đứa học trò đang bị thầy cô gặng hỏi, rồi cũng cảm ơn khi gã quan thuế đóng dấu vào cái thẻ nhập cảnh.

Xách giỏ quần áo lên tay, lững thững đi được vài bước nghỉ sao Duy quay lại. Hắn tháo chiếc nhẫn làm bằng mai rùa Kaya vừa tặng đêm qua, đưa cho gã quan thuế đang bận rộn lục xét gói hành lý trước mặt :

– Xin lỗi, có cái này suýt nữa tôi quên !

Chắc sẽ chẳng ai hiểu hành động của hắn. Cũng không sao. Những gì của đảo Rùa hãy trả lại về đảo. Kể cả những nụ hôn nồng cháy cũng chỉ là cơn gió mát đầu mùa.

(1) 6 ounces

(2) Kỳ nghỉ mùa xuân, giữa hai khoá học